BÁCH KHOA

SỐ 89 — NGÀY 15-9-1960

KHẢO-LUẬN

HOÀNG-MINH-TUYNH	Nước Nhật sẽ theo chính-sách Trung-lập chăng ?
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	Chén trà Đại-Tống.
PHẠM-HOÀNG	Làm việc.
ĐÔNG-HỒ	Cây mai giả hiệu và cây mai chính công.
NGUYỄN BẠT-TỤY	Nghề chài lưới trong ngôn-ngữ.
ĐOÀN-THÊM	Bạn xấu bạn tốt.
BÙI-LƯƠNG (dịch)	Lễ, Nghĩa, Liêm, Si.
THUẦN-PHONG	Chuyền biến trong ca dao.
THIÊN-GIANG	Tôi dạy con tôi thế nào ?
THÁI-VĂN-KIỂM	Tìm hiểu vài địa-danh Việt-Nam.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Thành tích 50 năm khoa-học.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

Cô PHƯƠNG-THẢO	Điểm sách : Men chiều (Nguyễn-Thị-Vĩnh).
ĐỖ-TẤN	Trả lời Ô. Nguyễn-Quang *(Thư cậy đăng)*.
QUÁCH-GIAO	Mùa Thu.
VĂN-VINH	Người chó sói.
ĐOÀN-THÊM	Lục-Huyện-Cầm.
CÔ-LIÊU	Hy vọng.
VŨ-HÂN	Gởi Huế sử cô-nhân
	Họa thơ B. K. Đản.
PHẠM-LÊ-PHAN	Đà Thu.
NGUYỄN VĂN-XUÂN	Cô hương.

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cũ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud":

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẠT NGON 6°:

— Dấm Distarome

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ (S.I.C.A.) — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

PHI-TRƯỜNG
TÂN SƠN NHỨT

Phi trường Tân Sơn Nhứt vào thời đại phản lực là một nguồn lợi tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều khiển của kỹ sư và kỹ-thuật gia Việt-Nam, Phi trường Tân Sơn Nhứt nỗ lực kiến thiết để góp phần độc lập kinh tế.

Dài đến 3.000 thước, sân bay sẽ tiếp rước và tiễn đưa những phản-lực-cơ hạng nặng nối liền Saigon với các đô thị lớn trên hoàn-cầu.

Phương tiện giao thông và chuyên chở này cũng như các kỹ nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ gìn dụng cụ.

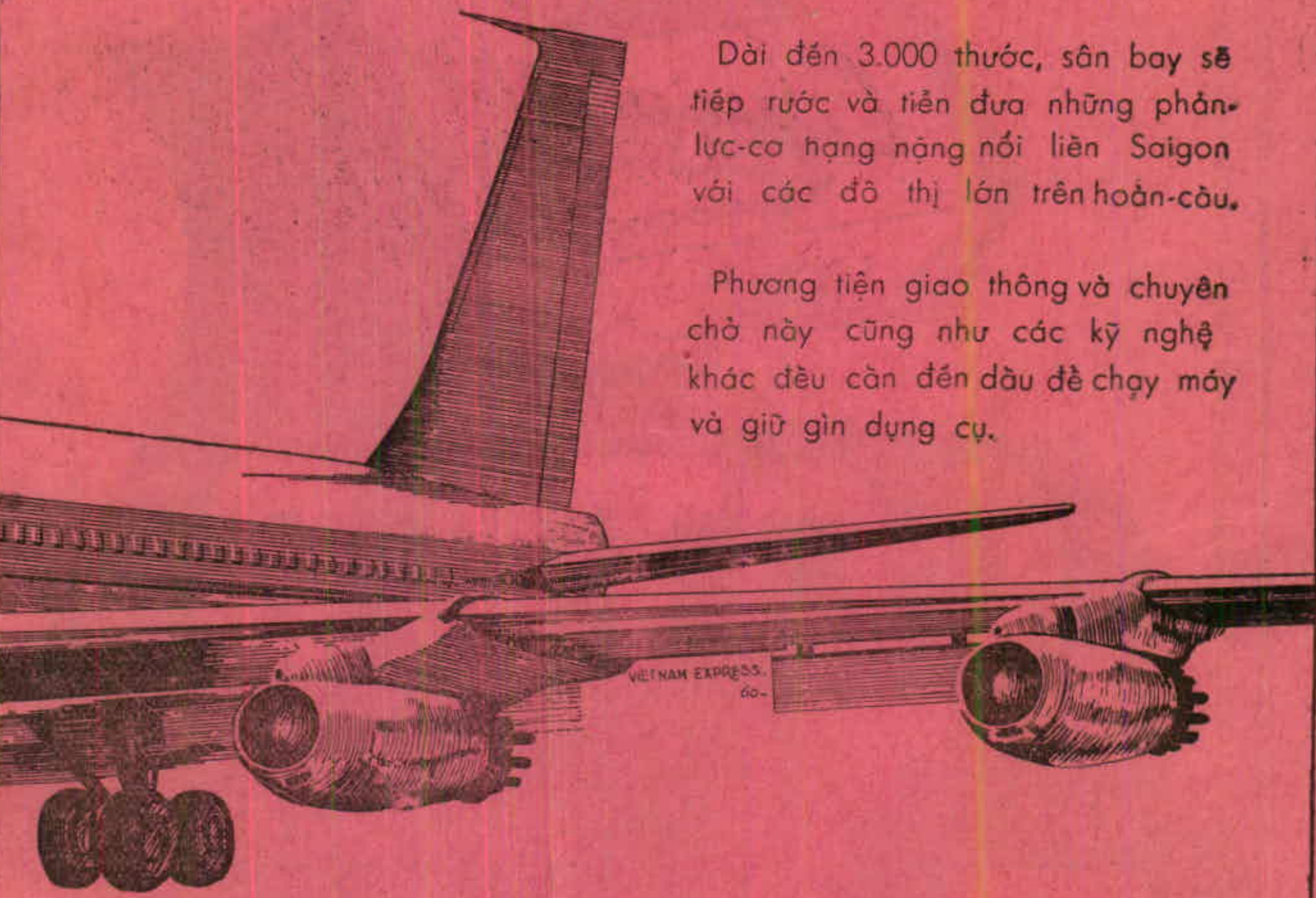

HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBILOIL — MOBILDIESEL, v.v...

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

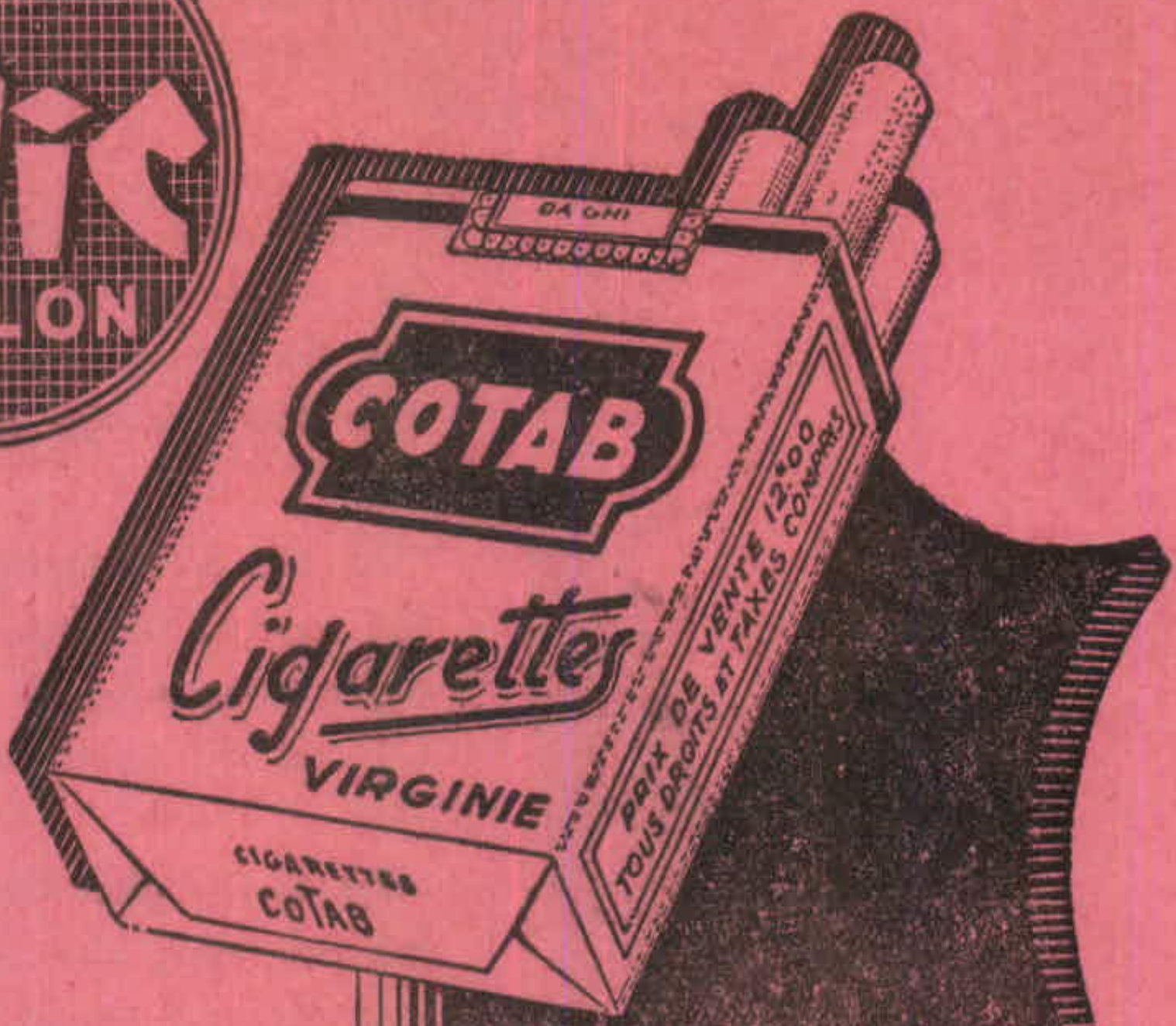

COTAB

VIRGINIE

GIA BÁN
18 $

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Francibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN . HÀNG

☆

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIỄN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine

78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng.
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon

Toutes Opérations de Banque et de Change.

SHELL

Để dùng vào

KỸ-NGHỆ

NÔNG-NGHIỆP

và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

Quý Ngài những hoá-phẩm

do dầu hỏa chế ra.

Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để dun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi ... rất nhậy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

DU - NGOẠN HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

TỔ - CHỨC

NHỮNG CUỘC DU - NGOẠN CUỐI TUẦN

ĐI HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

1) Du-ngoạn 2 ngày ở Huế

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở HUẾ trở về chiều Chúa - Nhật : 16g50

Giá tính chung **3.000$** mỗi người

2) Du - ngoạn 3 ngày ở HUẾ và ĐÀ - NẴNG

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở ĐÀ - NẴNG trở về chiều Thứ Hai : 13g45

Giá tính chung **3.400$** mỗi người

kể cả tiền vé phi - cơ khứ - hồi, ăn ở, du - ngoạn có hướng - dẫn - viên.

Mỗi cuộc du - ngoạn cần số người dự ít lắm : 5 người

XIN HỎI CHI-TIẾT và LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. : 22.446-47. 21.624-25-26

PHÒNG

UỐN

TÓC

★

SỬA

SẮC

ĐẸP

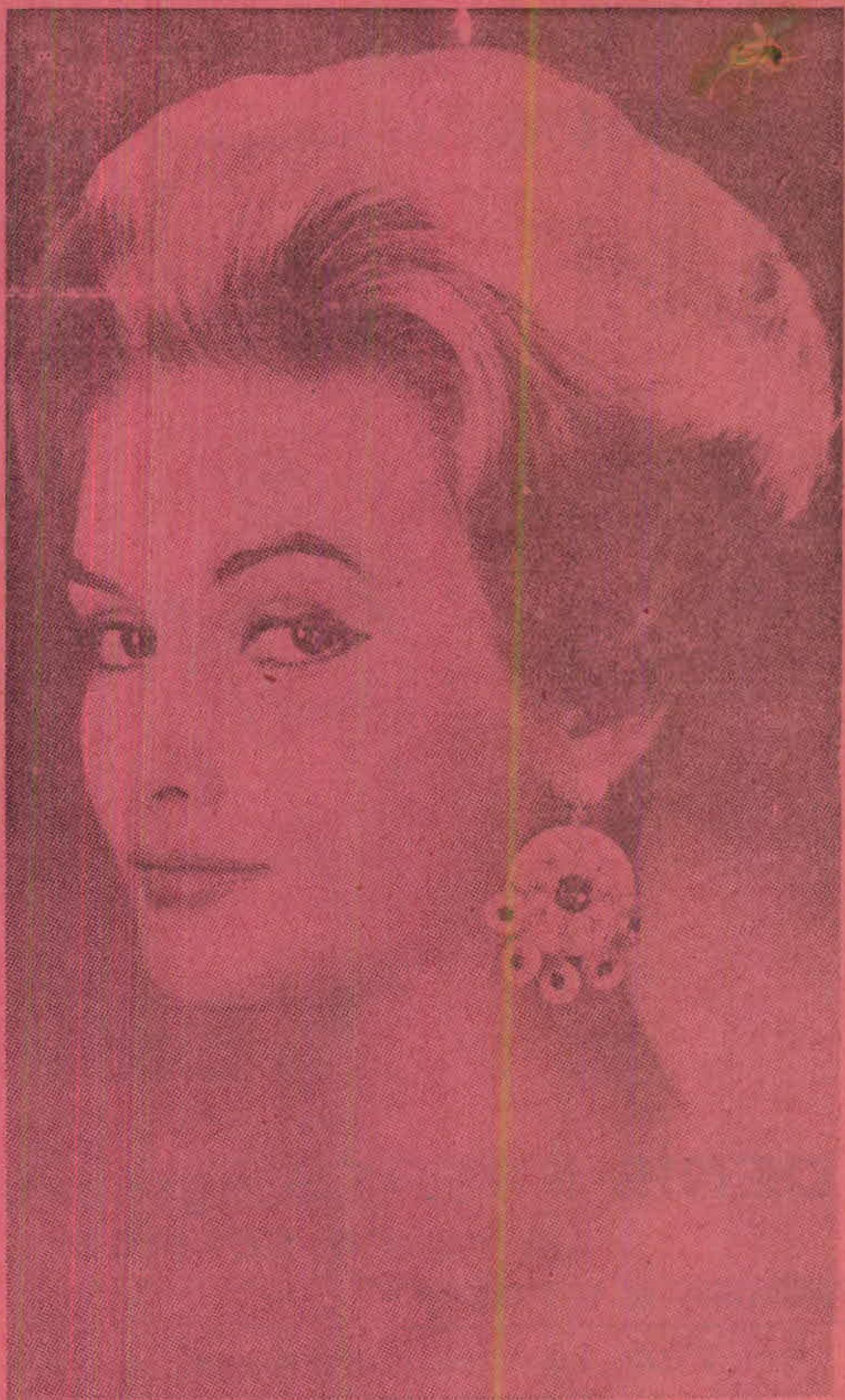

BẢO AN

213[D] Tự Do
SAIGON

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

SERVICE

DENIS FRÈRES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 89 — Ngày 15-9-1960

		Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Nước Nhật sẽ theo chánh sách trung lập chăng ?*	3
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	*Chén trà Đại Tống*	8
PHẠM-HOÀNG	*Làm việc*	17
ĐÔNG-HỒ	*Cây mai giả hiệu và cây mai chính cống*	18
NGUYỄN BẠT-TỤY	*Nghề chài lưới trong ngôn ngữ* . .	23
ĐOÀN-THÊM	*Bạn xấu bạn tốt.*	32
BÙI-LƯƠNG (dịch)	*Lễ, Nghĩa, Liêm. Sỉ*	40
THUẦN-PHONG	*Chuyển biến trong ca dao*	47
THIÊN-GIANG	*Tôi dạy con tôi như thế nào ?.* . . .	53
THÁI VĂN-KIỂM	*Tìm hiểu vài địa danh Nam-Việt.* .	61
NGUYỄN-TRẦN-HUẤN	*Thành-tích 50 năm khoa học* . . .	71
ĐỖ-TẤN	*Ông Nguyễn-Quang muốn gì ?.* . . .	74
ĐOÀN-THÊM	*Lục Huyền Cầm* (thơ)	76
Cô PHƯƠNG-THẢO	*Điểm sách : Men chiều (Nguyễn-thị Vinh).*	77
QUÁCH-GIAO	*Mưa thu* (thơ)	83
VĂN-VINH	*Người chó sói.*	84
VŨ-HẠNH	*Gởi Huế xứ cố nhân — Họa thơ B.K Đản*	90
CÔ-LIÊU (dịch)	*Hy vọng*	91
PHẠM-LÊ-PHAN	*Đà thu* (thơ)	100
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	*Cố Hương.*	101

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH : *Cuộc liên-minh giữa Nhật với khối Tây-phương.*

BỬU-KẾ : *Từ điện Voi Rẻ đến Hổ Quyền.*

BÙI-HỮU-SỦNG : *Phê-bình Văn-học là gì ?*

ĐOÀN-THÊM : *Nỗi niềm tháng tám*

PHẠM-TRỌNG-NHÂN : *Bài học của thánh Gandhi.*

NGUYỄN-PHÚC-SA : *Một vài khía cạnh vấn đề chuyên chở tại Việt-Nam.*

THIÊN-GIANG : *Tôi đã dạy con tôi cách nào (II).*

Đ. H. : *Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*

NGUYỄN-VĂN-HẦU : *Nguyễn-Hữu-Cảnh.*

NGUYỄN BẠT-TỤY : *Tên cá trong ngữ Việt.*

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ : *Đôi nhận-xét về âm-điệu Vọng-cổ.*

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : *Khoa-học nhân-văn.*

TRẦN-VĂN-KHÊ : *Nhân xem trường ca « Con đường cái quan » của Phạm Duy.*

VÚ-HẠNH : *Vàng Hời (truyện ngắn).*

XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn).*

NGUYỄN-HIẾN-LÊ : *Mưa (truyện dịch).*

NGUYỄN-VĂN-XUÂN : *Xóm Mới (truyện ngắn).*

NGHIÊU-NHỰT : *Chìm xuống (tryện dịch).*

VÂN-TRANG : *Dỡ chà (truyện ngắn).*

NƯỚC NHẬT
SẼ THEO CHÍNH-SÁCH TRUNG-LẬP CHĂNG ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

NĂM 1945, hai trái phá Nguyên-tử ném xuống đất Nhật đã khiến nước Nhật phải đầu hàng Đồng-Minh vô điều kiện.

Năm 1952, nhờ sự giúp đỡ tận tình của kẻ thù cũ đã trở nên đồng-minh là Hiệp-Chúng-quốc, nước Nhật lại thâu hồi độc-lập một cách vẻ vang và nay đã nghiễm nhiên có quyền ăn nói tại Liên-Hiệp-quốc.

Năm 1960, sau cuộc biểu tình khổng lồ do sinh-viên khởi xướng và phát động tại thủ-đô Đông-Kinh, chính-phủ Kishi (Ngạn) đã sụp đổ, và nhường quyền bính lại cho chính-phủ Ikeda (Trì-Điền).

Chính-phủ sau này tuy vẫn tiếp tục thi hành hiệp ước an ninh do chính-phủ trước đã ký kết với Hiệp-Chúng-quốc và vốn là đầu mối sự phẫn nộ của dân chúng Phù-Tang, nhưng đã tuyên bố lập trường của chính-phủ mới là « thật hiện một nền dân-chủ căn cứ trên sự tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền » (theo tin hãng thông tấn Pan Asia loan báo ngày 1-9-1960.)

Căn cứ vào các sự việc và biến cố như tuần tự đưa tới từ năm 1945 tới năm 1960 —, nhiều chính-trị gia trên thế-giới cho rằng từ sau ngày thua trận Đồng-Minh, nước Nhật, mặc dù bề ngoài vẫn tỏ vẻ phụ họa với Đồng-Minh mà kỳ thật vẫn có ý muốn theo đuổi một chính-sách trung lập để mưu đồ tự chủ, tự cường, và giành lại địa vị ưu thắng trước.

Nhận xét của những chính-trị gia trên không phải là vô căn-cứ, nhưng chính-sách trung-lập ấy thế nào ? Người Nhật quan-niệm nó ra sao ? Hoàn-cảnh thế giới liệu có thuận lợi cho sự phát-triển và thành tựu của nó chăng ? Nó sẽ đưa nước Nhật tới đâu và người Nhật còn trung thành với nó được bao lâu nữa ?

Dưới đây, chúng tôi xin thử cùng các bạn đọc nhận định thời cuộc qua các sự việc và dư luận hoàn cầu để tìm lời giải đáp.

*

« Nhật-Bản phải trở thành « Thụy-Sĩ ở Viễn-Đông » phải trung lập như Thụy-Sĩ vì cùng một lý do như Thụy-Sĩ.. Nhật-Bản nếu đơn thuần liên kết với phe này hay phe kia, sẽ chắc chắn bị hủy diệt.»

(Lời tướng Douglas Mac Arthur Reader's Digest, 5-1950)

« Liên-Xô sẵn sàng cam kết tôn trọng trung lập của Nhật-Bản .. Trái phá A, H và hỏa-tiễn là món đồ tối nguy-hiểm đối với những nước đông dân số, mà vật liệu, tài nguyên lại tập trung vào một lãnh địa tương đối hẹp. Nhật-Bản từ khước mọi tham-gia quân-sự làm vướng chân mình, chẳng những sẽ có lợi cho hòa-bình thế-giới, mà còn cho chính quốc-gia Nhật. »

(Thông-điệp Xô-viết gửi cho Nhật-Bản ngày 3-12-1958).

Nhiều người lầm tưởng chủ trương trung lập của người Nhật là chủ trương trung lập mập mờ của một số người trí thức vô trách nhiệm hoặc là thủ đoạn khôn khéo của một số chính trị gia hoạt đầu. Nếu chịu khó nghiên cứu tường tận những biểu hiện phát lộ ra bên ngoài và nguồn gốc thâm sâu của chủ nghĩa trung lập đó, ta sẽ thấy vấn đề phức tạp hơn nhiều.

Chủ nghĩa trung lập của Nhật, sở dĩ là điều quan trọng đối với người Nhật, chính là vì ngay từ sau ngày bị chiếm đóng họ đã trở thành vị trí tối quan yếu của Tây-Phương tại Viễn-Đông trong cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối, chính sách ấy không những định đoạt chính sách đối ngoại của Nhật từ sau ngày thâu hồi độc-lập đối với hai khối, nó còn ảnh hưởng mãnh liệt và sâu xa tới cả chính-trị, kinh-tế, tâm lý và sinh hoạt trí thức của toàn thể quốc - dân Nhật trong tương-lai nữa.

Tháng giêng năm 1959, nhân dịp thủ-tướng Áo sang viếng nước Nhật, vấn đề trung lập của các tiểu nhược quốc đột nhiên trở nên hết sức sôi nổi tại Đông-Kinh. Các báo chí và hiệp hội đua nhau trình diễn, giải thích về lợi ích của sự trung lập, nhiều nhà bình luận cho rằng Nhật nên theo chính sách của Thụy-Sĩ, Áo và Thụy-Điển hơn là cứ lăn mình mãi vào con đường vừa tốn hao vừa nguy hiểm của Tây-Phương. Thủ tướng Áo, ông Roab, tới viếng nước Nhật giữa lúc đảng Cộng - Sản Nhật tung ra cuộc tấn công chính trị để ủng hộ chính sách trung lập. Nga và Trung-Hoa cùng dọa dẫm Nhật, cảnh cáo nếu Nhật liên kết với Mỹ chắc chắn sẽ đi vào chỗ chết, đồng thời họ đề cao những lợi ích Nhật có thể thâu lượm được, nếu Nhật đi theo đường lối trung lập, là « đường lối hợp tình hợp lý nhất và cũng là đường lối của quảng đại quần chúng Nhật ». Sau đó, có một nghị quyết của Tối cao Pháp viện phán rằng sự đồn trú của quân đội Mỹ-quốc tại Nhật-Bản trái với điều IX của Hiến-Pháp, nghị quyết đó đã làm phát sinh ra nhiều tư tưởng hoài nghi về tính chất hợp pháp của chính sách đối ngoại bấy giờ. Sau hết, có sự việc quan trọng nhất xảy ra từ năm ngoái là sự việc tu chính hiệp-ước an-ninh Mỹ-Nhật, đã khiến các đảng phái khuynh tả nổi lên đòi chính phủ

Nhật phải chấm dứt tình trạng dính dáng mãi với cuộc chiến tranh lạnh kéo dài hầu như quá đáng giữa hai khối Đông và Tây, và đã làm xảy ra cuộc biểu tình của sinh viên hồi tháng sáu vừa qua mà mọi người đều đã thấy rõ tính chất gay go, quyết liệt (1).

Nước Nhật sau chiến tranh

Cuộc bại trận năm 1945 gây ra tại đất Nhật một phản ứng toàn diện đối với tất cả mọi liên minh quân sự và tất cả những gì có dây vướng đến chiến tranh. Chủ nghĩa quân phiệt sau bao nhiêu năm được coi như chủ nghĩa chính thức của quốc gia, đã chứng tỏ là một tai-ương thảm khốc đưa nước Nhật tới chỗ bại hoại. Chiến tranh đối với một nước kém ưu thế như nước Nhật thật là một cuộc phiêu lưu hết sức dại dột, một cách phung phí tài nguyên thái thậm vô ích.

Hơn nữa, sự kiện nước Nhật là nước đầu tiên và duy nhất phải chịu đựng sự thử thách của một trận chiến tranh nguyên tử, càng khiến người Nhật tin rằng chỉ họ mới là những người thấy rõ được hậu quả khủng khiếp của chiến tranh trong thời đại hột nhân thế nào. Tháng tám năm 1947, không một ai, trừ một vài kẻ ngoan cố đến điên rồ, còn có thể quan niệm ngày nào nước Nhật lại tự ràng buộc mình vào một trận chiến tranh mới, hay tham gia những hiệp ước quân sự có thể dẫn tới chiến tranh nữa.

Phản ứng tự nhiên chống lại chủ nghĩa quân phiệt đó được các quân đội chiếm đóng khuyến khích, do đấy phát sinh ra điều IX trong Hiến-pháp tuyệt đối cấm chỉ không được duy trì quân lực trên toàn lãnh thổ.

Con đường của người Nhật noi theo, một mặt được kẻ chiếm đóng khuyến khích, một mặt được toàn dân chấp thuận, là con đường từ bỏ chiến tranh vĩnh viễn mà sinh sống trong cảnh thái bình.

Có điều mỉa mai là chính một trong những nhân vật đầu tiên mang trách nhiệm

(1) Tiếng trung lập, churitsu, Chính như người trí thức Nhật hiểu một cách «tích cực» hơn người trí thức Việt Trong một cuộc thảo luận giữa một số văn hào Nhật về đề tài cấm các sách vở không được « chính thống » (vấn đề trong chương trình nghị sự là cuộc bách hại nhà văn hào Nga Boris Pasternak), thái độ được nhiều người coi là thích hợp nhất với trí thức Nhật là thái độ « trung lập ». Không một ai trong hội nghị thấy chỗ vô lý đến hiển nhiên về thái độ « trung lập » trước một vấn đề có liên quan đến tự do ngôn luận, nhất là trước vấn đề bóp nghẹt tự do ngôn luận.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT KIỂM NGƯỜI PHỤ TÁ

★ Thần thiêng nhờ bộ hạ (Tục-ngữ)

★ Người cầm đầu không thể làm được hết mọi việc. Người ấy được cử lên cầm đầu là để nhìn xa, trông rộng. Người ấy phải chuyên việc suy tính và thiết lập kế hoạch. Nếu quá vụ vào chi tiết, người ấy tự nhiên sẽ sinh ra hẹp hòi, nhỏ mọn, khiến cho thị quan trong công việc lớn sẽ giảm phần chuẩn xác, tinh vi. Người suy tính sâu sắc thường không thể nào diễn dịch tỉ mỉ trong những vấn đề thứ yếu (Lyautey).

hướng dẫn khuynh hướng dân tâm nước Nhật theo chủ nghĩa trung lập, lại chính là người sau này mong cho nước Nhật tham gia tích cực vào cuộc chiến tranh lạnh. Tin tưởng vào lời tuyên-bố của tướng Mac Arthur muốn nước Nhật trở nên « Thụy-Sĩ ở Viễn-Đông », đa số dân Nhật nức lòng hưởng ứng, tưởng tượng nước mình sau này sẽ trở nên một trung tâm văn hóa và phồn vinh nho nhỏ như kiểu Thụy-sĩ tại Âu-châu và họ không còn đòi hỏi gì nhiều hơn thế nữa.

Mặc dù có sự tăng cường chiến tranh lạnh hồi năm 1950, và mặc dù ở gần kề một cuộc chiến tranh nóng bột phát ngay bên cạnh mình tại nước Hàn (trong cuộc chiến tranh này các căn cứ quân sự Mỹ đã đóng một vai trò chiến lược chủ yếu), người Nhật đã khôn khéo đứng được ra ngoài vòng cuộc chiến đấu phân chia thế giới ra làm hai phe đối lập. Cả tới năm 1950, khi thành lập quân lực trừ bị an ninh, sau này sẽ trở thành nòng cốt cho quân đội tương lai của nước Nhật, người Nhật vẫn tỏ vẻ dửng dưng, coi như không có gì quan trọng xảy ra. Có nhiều nhà quan sát chính tình quốc tế giải thích thái độ dửng dưng của người Nhật, cho rằng thái độ ấy gây ra do bởi chủ quyền của nước Nhật, cho tới cuối năm 1951, vẫn còn ở trong tay người ngoại quốc và bấy giờ trách nhiệm tối hậu không phải do chính phủ và nhân dân Nhật, mà do quân đội chiếm đóng quyết định hết cả. Chính kẻ chiếm đóng khi đó, đặc biệt là Hiệp-Chúng-quốc, phải gánh việc quyết định chính sách ngoại giao cho Nhật, và chính các quyết định cốt yếu như quyết định thành lập quân lực mới cho nước Nhật, cũng tùy thuộc chặt chẽ vào mệnh lệnh của người Mỹ nữa.

Tới kỳ tháng Tư năm 1952, nước Nhật thâu hồi lại được độc lập và trở lại thành một quốc gia có đầy đủ chủ quyền. Nước Nhật « bỗng » thấy người ta đã quyết định một phần lớn chính sách ngoại giao cho mình, nghĩa là đã « ghi » tên mình vào phe Tây Phương trong trận chiến tranh lạnh. Hoàn cảnh trong đó Nhật thâu hồi độc lập đã kéo Nhật vào một liên minh chặt chẽ với Hiệp-chúng-quốc và có quan hệ mật thiết trên nhiều phương diện, với chính sách của Hiệp-chúng-quốc tại Viễn-Đông.

Do đấy, người ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy, chẳng những người Nhật thuộc tả phái mà còn rất nhiều người Nhật thuộc các đảng phái khác, cũng đều nhìn nền độc lập do Đồng-Minh trao trả với con mắt hoài nghi. Sự hiện diện liên tục của quân đội Mỹ tại Nhật-Bản và ảnh hưởng của Hiệp-Chúng-quốc đối với chánh phủ Yoshida (cát-điền) hơi quá rõ rệt thường khiến cho người dân Nhật dễ tưởng rằng chế độ mới của nước mình chỉ là chế độ chiếm đóng kéo dài dưới một hình thức mới, tế nhị hơn thôi. Điều đó tất nhiên khiến cho một số người Nhật đòi hỏi cho nước họ một nền độc lập « thật sự », đối lập với nền độc lập « chính thức ». Chúng ta nên ghi nhận điểm này là duy từ *sau ngày* nước Nhật phục hồi được chủ quyền, khẩu hiệu độc lập (*dokuritsu*) mới thật có ý nghĩa đối với dân Nhật và được họ chú ý thiết tha. Tiếng *dokuritsu* vẫn là tiếng được dùng luôn luôn trong cuộc bang giao giữa Nhật-Bản và Hiệp-Chúng-quốc ; không người Nhật nào có thể tưởng tượng mối bang giao giữa nước họ với các nước khác lại có sự hạn chế một khi nước họ đã là một nước có đầy đủ chủ quyền.

Không phải chỉ tả phái mới lấy sự buông thả trong quan hệ bằng giao Nhật Mỹ làm mục tiêu chính, mà tất cả các phái ôn hòa, bảo thủ khác, dĩ chí phái cực hữu phản cộng nữa cũng đều đòi hỏi một nền độc lập rộng rãi hơn cho nước họ ; cho đến nỗi tiếng « độc lập » đã trở thành một thứ khẩu hiệu chung, rất hiếm có, cho hầu hết các đảng phái chính trị.

Sự đòi hỏi hầu như nhất trí về sự gia tăng độc lập chính là một khía cạnh của chủ nghĩa quốc gia phục hưng tại nước Nhật. Do vị trí đặc biệt của nước Nhật trong hoàn cầu, yêu sách độc lập của người dân Nhật thường che đậy một hậu cảnh trung lập. Đòi hỏi cho nước Nhật được độc lập hơn có nghĩa là phải nới rộng quan hệ phụ thuộc quá chặt chẽ với Hiệp-Chúng-quốc, và từ đó, chỉ còn một bước, để cho họ đi tới yêu sách tối hậu là giữ thế trung lập hoàn toàn giữa sự tranh chấp của hai khối Đông Tây... Yêu - sách ấy hiện nay chưa một chính khách Nhật nào dám đương nhiên nói trắng ra, song nay chẳng ai là không nghĩ đến và chú tâm vận dụng mọi khả năng cần thiết để thực hiện cho bằng được.

Tuy nhiên yêu sách trung lập đó, trong một tương lai gần đây, liệu người Nhật đã thực hiện nổi chưa và dù có thực hiện nổi chăng nữa, liệu sự trung-lập có mang lại những thành quả tốt đẹp như người Nhật mong muốn không ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

Kỳ tới : Cuộc liên minh giữa Nhật với khối Tây-phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

— *Tạp-chí « International affairs », tháng giêng năm 1960.*
— *Tạp chí «Revue de Paris», tháng tám, năm 1960*
— *Nhật báo « Le Monde ».*

✱ Biết bao nhiêu lần tôi đã được nghe Lyautey lớn tiếng rầy la những viên-chỉ-huy-muốn-làm-hết-mọi-việc, những viên-chỉ-huy-chỉ-tin-có-mình, những viên-chỉ-huy-làm-việc-mười-tám-giờ-một-ngày. Ông nói những viên chỉ huy như thế là không biết chỉ huy, một viên chỉ huy phải làm hết mọi việc chứng tỏ bất lực, không biết huấn luyện cho kẻ khác giúp đỡ mình; một viên chỉ huy chỉ tin có mình chứng tỏ không biết tin người để giao bớt công việc; một viên chỉ huy làm việc mười tám giờ một ngày chứng tỏ không biết sử dụng và cắt đặt thời giờ.

« Đứng như núi, tiến như gió »

Binh-thư ví người có cơ-mưu biết lựa thời-thế, khi đứng thì như núi, không ai xô được, khi tiến thì như gió, không ai cản được : « *Chỉ như sơn, tiến như phong* ». Cổ kim có lẽ không có hình dung nào về người tráng sĩ đẹp và mạnh hơn.

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

TỪ CHÉN TRÀ ĐẠI TỐNG ĐẾN TÍCH « TRẢM TRỊNH-ẨN »

(Câu chuyện, *chung quanh một chén trà* hay « bức tâm thơ của một nhà sưu-tập đồ xưa khuyến-khích một bạn vong-niên hiện học bên Pháp, ban Mỹ-thuật và khảo-cổ »)

Sài-gon, ngày 18 tháng 8 năm 1960.

Em Duyên thân mến,

Vừa rồi anh có nhận của em một bức tâm thư khá dài: em tỏ lòng chán-nản vì trước đây em trót lựa học khoa mỹ-thuật và khảo cổ; bây giờ em thấy con đường ấy xa vời, mịt-mù, phức tạp.. Vì thế, nay em hỏi ý-kiến anh có nên kíp xoay qua môn khác. Em nói học luật dễ dàng hơn, thêm nữa học chóng thành tài sau này kiếm tiền « mau lẹ và nhiều ».

Em Duyên ạ,

Đồng bào ta nay theo học luật đã khá đông. Ít lâu đây, số người thành danh không biết dùng vào đâu cho hết. Nay biết vậy, em còn muốn chạy theo con đường đó nữa à? Em vốn có một thực-nghiệp vững chắc; em nhìn nhận em có một nhiệm vụ khá lớn đối với nước nhà đang trong thời-kỳ xây dựng. Em đã biết xét kỹ không muốn học ích-kỷ để riêng mình vinh thân phì gia.

Em muốn học để xã-hội nhờ rhôi về sau. Như vậy đó, hà cớ nay em muốn xoay qua học môn khác, để sau nầy kiếm chỗ làm không có, ăn năn đã muộn.

Nay anh chí tình viết bức thơ dài nầy, thiết tha chúc em bền lòng đeo-đuổi môn học cao quí đã chọn lựa là khoa khảo cổ và mỹ-thuật; xin đừng như cục đá trong ngụ-ngôn, mãi lăn tròn đổi chỗ mà rong rêu không đóng bám chút nào, đã không tự xét còn trách đời sao chẳng biết công !

Sau đây có ít ý-kiến thô-sơ nhưng thành-thực, mong em chịu khó đọc đến hàng chót để không phụ tình một bạn già bấy lâu vẫn đãi em vào hàng bạn vong-niên khó kiếm.

Thực ra anh chưa từng du học xứ ngoài, chỉ ở nhà làm con mọt sách, học đường học sá, học lỏm học mù, học với bạn bè cô bác, nhiều hơn học tại nhà trường có thầy chỉ dẫn.

Anh không dám lên mặt thạo đời, khua trống trước cửa nhà sấm. Vậy hay hơn anh lấy chút kinh-nghiệm riêng bàn-bạc cùng em, họa may giúp ích được điều gì. Anh xin thuật lại đây một cuộc tiếp-xúc giữa anh với ông S.E., nghe đâu hiện nay làm giám-thủ một viện bảo-tàng lớn tại Paris, vừa là giáo-sư giảng-dạy trường đại học Pháp về môn khảo cổ qua các cổ-ngoạn và mỹ-thuật-phẩm Trung-Hoa và Á-Đông.

Đây là ký-chú năm xưa anh chép trong quyển sổ tay, may còn giữ được. Xin dựa theo đó biên ra kỹ-càng gọi món quà bầu xứ gởi cho người em viễn-du. Chuyện thằng tôi *đáng ghét thật, nhưng đây là chỗ tình riêng tri-kỷ gởi người bạn nhỏ trong vòng thân mật* « ta nói với ta », *em lượng thứ vậy.*

V. H. S.

*
* *

Câu chuyện làm vầy :

Bữa thứ hai 2 Octobre 1939, nhằm hai-mươi tháng tám năm Kỷ-mão, tôi (tác giả) đấu giá giành mua tại nhà tầm-tầm Pháp đường Lagrandière cũ, một cái bát bằng đất nung tráng men, có đế tiện bằng ngà : đế lên nước đỏ au vì lâu đời, màu đỏ bầm như nghệ thúi, toàn diện trong và ngoài lộ vân ngà-ngà trắng-trắng, đều đều như có mặt võng đan tuyệt khéo, quả là một thành công thiên tạo, tay người phàm gẫm khó bắt chước nổi sự tinh-tế này (xem hình số 1, phần cuối bài).

Cả đế ngà và chén đất, anh đã mua bốn mươi-lăm đồng bạc, phụ thêm mười phần trăm tiền công lão Tây già gõ búa ngà bán phát mãi, vị chi 45 + 4,50 = 49đ50 (bạc đời 1939).

Đem chén về nhà, anh tự hỏi : « Đế ngà vân đẹp, tiện khéo làm vầy, có sao lại dùng kê một cái chén xoàng-xĩnh như thế kia » ?

Mà thật vậy. Chén hình thù thô-kệch, thêm miệng có mẻ sứt hai chỗ nhỏ. Đối với mình (tác giả) là tay sưu-tập mon men học khảo-

cứu, nếu lấy đó làm kiểu mẫu để sánh lại với những đồ đất nung thuộc triều-đại Đại-Tống thì quả vật này hữu ích chẳng sai. Nhưng thử thời đặt cái chén giữa đường cái, chưa chắc có người chịu khó cúi lượm, bằng có lượm đi nữa, cũng không xem vật ấy là một ngoạn-phẩm hy-hữu nào. Nếu người lượm được thuộc bợm mót sọt rác, khi gặp ai hỏi trả năm xu bốn tiền thì đã lật đật bán cấp kỳ, ai trả giá cao đến ba hào năm cắt thì bợm sọt rác sẽ cười thầm, tự ví mình trúng mối to, hoặc kể gã kia không điên người cũng điên của.

Cái chén xấu-xí, không đáng kể là mỹ-thuật-phẩm chút nào. Chén làm vầy, gọi nó là cái mẻ, cái nắp hũ đựng mắm cũng không ai phản đối. Thế mà được kê trên đế ngà kính-cẩn sang trọng, mới sướng đời chưa?

Thú thật hôm ấy tôi cố mua cho kỳ được vật nầy vì đinh-ninh trong trí rằng nếu vật ấy không quí, hà cớ chủ nó tiện để ngà lộng lẫy như vậy.

Về sau nghiên-cứu kỹ-càng thêm thì rõ ràng trong các sách Pháp-Anh đã từng nói đến chén nầy, đã có in hình chụp ảnh và mô tả kỹ-lưỡng đồ đất nung loại nầy, và danh-từ chuyên-môn gọi đó là đồ « *fourrure de lièvre* » (màu lông thỏ), và là sản-phẩm hữu danh tỉnh Phúc-Kiến, sản-xuất tại phủ « Kiangan » (Kế-An chăng??); hoặc gọi theo Nhựt-Bản thì đó là đồ « Temmoku » (hình số 1).

Khảo về niên-hiệu, thời-đại chế-tạo, thì chén nầy thuộc vào đời Đại-Tống nước Trung-Hoa.

Vả chăng ai cũng biết:

— nhà Đại-Tống trị vì từ năm 960 đến năm 1276, tính chung được 316 năm, chia ra Nam Bắc lưỡng triều:

— *Bắc Tống*, đóng đô tại Biện-Lương, Khai-phong-phủ, từ năm 960 đến năm 1127, là . . . . . 167 năm;

— *Nam Tống*, thuyên đô về Hàng-Châu, từ năm 1127 đến năm 1276, là . . 149 năm

Như vậy thì:

Nếu lấy năm chót (1276) mà đoán thì chén nầy tính đến năm nay, 1960, được ít nhất cũng 1960 — 1276 = 684 tuổi.

— Còn nếu dựa theo tích dẫn ra sau đây, và lấy năm Đại-Tống nguyên niên (960) mà đếm thì độ chừng chén này cao niên nhứt cũng là: 1960 — 960 = 1000 tuổi đúng.

Đồ đất nung, thứ men mốc-mốc đỏ-đỏ thâm-thâm, có chỗ men dày nhểu đùn-cục dưới chân món đồ, danh-từ chuyên-môn gọi « giọt lụy » (larmes), những món đồ ấy, coi vậy không dễ gì người đời nay bắt chước giống y hệt được đâu.

Đã có một nước tinh-xảo, trình-độ văn-minh thật cao, lân-cận của Trung-Hoa nhưng không tiện chỉ danh, nước ấy đã chầy năm nghiên-cứu và tìm đủ phương thế để nhái-tạo thứ đồ đất nung tráng men như chén nầy, nhưng đến nay vẫn chưa được thành công mấy.

Đồ của nước nầy sản-xuất, chỉ gạt được những tay mơ, chập-chững vọc-vạch đồ xưa chưa nóng tay, chớ đối với hạng khá thông thạo từng rờ-rẫm quen mặt rồi thì khó mà đánh lận tròng đen được.

Mà nghĩ cũng trớ-trêu ngộ thật: cái ông nghệ-sĩ nào thuở đó, nặn được cái chén

lưu-truyền đời đời làm vậy, mà có dè đâu hòng ký tên đề hiệu của mình vào ! Hay không là ở chỗ đó ! Không bì đời nay chế-tạo đồ xấu giả mạo hiệu xưa ngờ ngờ, công khai ! Nhà chơi đồ cổ không tiếc tiền mua cái chén cũng vì muốn mua lại cái thành-thật quân-tử của cổ-nhơn.

Xin nhắc lại, cái chén Đại Tống, sau cơn lộn-xộn thất điên bát đảo những năm 1945 và mấy năm kế tiếp, được tôi (tác-giả) giấu kín và đem lên Sài-gòn.

Qua ngày 13 tháng chín năm 1954, có ông Serge Elisseeff (người Nga nhập Pháp-tịch), quản-thủ viện bảo-tàng Cernuschi tại Paris, nhơn đi công-cán bên Nhựt-bản, thuận đường ghé Sài-gòn và đến chơi tại Viện bảo-tàng quốc-gia. Sau buổi ấy chúng tôi đưa ông về viếng tệ thất trong Bà Chiểu.

Nơi đây, ông cầm cái chén Đại Tống, đứng trầm ngâm giây lát kế day qua hỏi chủ nhà :

— Chén đời nào đây hớ ?

— Thưa ông, ắt đời Đại Tống, chủ nhà đáp. Nhưng dám hỏi tiên-sanh, không rõ chẳng hay đây là *Tiền Tống* hay *Hậu Tống* ? Lại nữa chẳng hay đó là chén uống trà hay chén uống rượu, dám xin tiên-sanh dạy cho.

— Chén trà phải hơn, khách đáp.

— Thưa tiên-sanh, theo hậu sinh nầy, có lẽ chén lớp trước dùng để uống rượu, qua lớp sau mới xoay lại dùng làm chén uống trà.

— Á hay ! hãy cắt nghĩa cho tôi nghe với !

— Dạ thưa, tiên sanh dư biết tích Thái-tổ Triệu Khuông-Dẫn khai cơ dựng nghiệp nhà Đại Tống như thế nào. Để thêm sáng câu chuyện, kẻ hậu sinh xin nhắc lại sự tích có đầu có đuôi cho dễ hiểu :

Đời Ngũ Đại Tàn-Đường, đầu thế-kỷ thứ X, giặc dậy tứ tung bên Trung-Hoa. Các vị tướng trấn-thủ quan ải trọng địa, cầm sẵn binh-quyền trong tay, đều nổi lên, mạnh ai nấy chiếm cứ một địa-phương xưng hùng xưng bá.

Ông Quách Ngạn Oai (Quách Oai) làm tướng trấn thủ thành Phàn-Châu, cũng như ai, bèn soán vị, xưng đế-hiệu, dựng nhà Hậu-Châu, mở kỷ-nguyên mới. Châu Thái-tổ Quách-Ngạn-Oai trị vì từ năm 951 đến năm 954, thọ năm-mươi-một tuổi. Ong không con nối dòng, nên lập Sài Vinh là cháu vợ gọi Sài phu-nhơn bằng cô, làm Đông-Cung Thái-Tử.

Sài thái-tử ở với cha nuôi rất có hiếu và Châu Thái-tổ Quách Oai, khi gần băng, gọi Sài-Vinh đến trối rằng:

— Con biết vì sao vua chúa các đời trước đều bị đào phá lăng-tẩm hầu hết chăng ? Chẳng qua cũng vì khi thăng-hà ham chôn vàng bạc châu báu theo quá nhiều; mà trên đời có chi làm hư lòng người, giục lòng tham bọn vô tín-ngưỡng bằng của quí vật lạ ? Nên chi khi trẫm xa băng án giá rồi, con nhớ đừng chôn của báu theo trẫm. Cũng đừng liệm bằng tơ và trang-sức đắt tiền. Con nhớ không nên lập cung-viện nơi lăng vì xa-xỉ, và không nên dùng cung nhân coi sóc lăng-phần cho thêm tốn kém. Sự phụng tự hãy giao phó cho người ở lân cận chung quanh lăng, lối ba-mươi nóc-gia là đủ giữ-gìn rồi. Cũng đừng tạo hình-nhơn, hình voi đá ngựa đá mà trẫm cho rằng xa-xỉ. Hãy liệm trẫm trong một

cái hòm bằng *đồ gốm*. Tuyệt không dùng đá xây huyệt-mả. Kim-tỉnh thì xây bằng gạch được rồi. Còn đồ-dịch (1) hai tên là đủ. Nhưng nhớ kỹ, phải lập cho trẫm một bia đá có khắc thật rõ hai hàng như vầy:

« Châu thiên-tử bình sanh háo kiệm,
« Di mạng dụng bố y ngõa quan ».

(Vua nhà Châu sanh tiền ưa tiết kiệm ; di-mạng dặn liệm bằng bô vải, và dùng hòm bằng gốm mà chôn). (2).

Mấy hàng tài-liệu như trên, đối với người ngoại cuộc khi đọc lên chỉ đem lại sự ngáp dài buồn ngủ, nhưng đối với chúng ta là bọn khảo cổ thì quả vô cùng hệ trọng, vì đây là một bằng chứng xác nhận rằng loại hũ đựng cốt (urne funéraire) đã có chẳng những đời Đại Tống, mà trước kia từ đời Hậu-Châu (951-959) đã biết dùng rồi. (xem hình số 2 phần phụ trương).

Đến khi Sài Vinh tức vị, chọn đế-hiệu Thế-Tôn, trị vì từ năm 954 đến năm 959, thọ được ba-mươi-chín tuổi. Chính vào đời Châu Thế-Tôn nầy, có chế ra một thứ đồ sành màu *« ciel lavé après la plaie »* (xanh lam màu da trời sau trận mưa) và đồ sành đời Châu Thế-Tôn còn lưu lại đến nay rất hiếm, danh-từ chuyên môn gọi các vật ấy là *« Sài-dao »* (hoặc *« Sài-diêu »*. Truyền tụng có câu: « Ngàn vàng dễ kiếm Sài-diêu khó tìm » đủ biết những vật ấy hiếm và quí đến bực nào. Năm xưa, một chủ tiệm huê-kiều trong Chợ-lớn có cho tôi xem một mảnh nhỏ anh ta cẩn trong một miếng vàng làm mặt sợi dây nịt da đeo thường bữa. Tôi muốn quá, theo nài-nỉ đổi một chiếc vòng cẩm-thạch tốt, hoặc bù một số tiền lớn, nhưng nói cách nào va cũng không khứng. (Ngày nay mảnh Sài-diêu ấy còn hay đã mất rồi, chính sau cuộc phong ba năm 1945, tôi cũng chưa gặp lại anh bạn Huê-kiều của tôi).

Nhắc lại, năm 959, vua Thế-Tôn băng-hà, con là Lương-Vương lên nối ngôi, thụy-phong Cung-Đế (vua nầy trị vì được hai năm, 959-960, mất năm 973, thọ hai-mươi-hai tuổi). Cung-Đế vì tuổi thơ, các tướng-sĩ phe của Triệu-Khuông-Dẫn không bằng lòng để Cung-Đế làm vua. Bởi vậy, nửa đêm ngoài mặt trận Trần-Kiều, tướng sĩ tụ họp, lấy huỳnh-bào phủ lên mình Khuông-Dẫn, xóc ra ngồi ghế giữa rồi xúm nhau lạy tung-hô vạn-tuế. Sử gọi đoạn này là *« Binh biến Trần-Kiều »*.

Đời ấy, tướng Trịnh Ân, (sau phong đến Nhử-Nam-Vương), — vốn trong bộ ba « Sài Vinh, Triệu Khuông Dẫn, Trịnh Ân », đã cùng nhau ăn huyết uống thề, lấy gương trong tích Đào-Viên kết-nghĩa Lưu-Quan-Trương đời Hán, nay Sài Vinh vừa thăng hà, thì họ Triệu lại truất ngôi của cháu gọi mình bằng « chú », giành làm vua, nên mỗi khi, có chén, *« rượu vào lời ra »*, Trịnh Ân, với bản tánh cương-trực thuở nay, thường nói xúc phạm Triệu Thái-tổ. Bởi cớ ấy, trong truyện *Tam hạ Nam-Đường*, tác-giả bịa ra chuyện Tống Thái-tổ giả say không biết gì nên nghe lời sủng-phi là Hàn Tố Mai, hạ bút phê « Trảm » cho Hàn Phụng chém đầu Trịnh-Ân ; khi tỉnh rượu thì việc đã rồi. Đào-Tam-Xuân, vương-phi

---

(1) *Đồ-dịch* phải chăng là « mọi » chôn sống đem theo người chết để sai-khiến ?

(2). — Tài-liệu rút trong truyện « Phi-Long diễn nghĩa », bản dịch Huỳnh Công-Giác, in năm 1908 nhà Phát-Toán, Sòn-gòn, trang 342.

của Trịnh-Ân, cử binh « *báo phụ cừu* » Đến đây ta lại thấy ngón « giang-hồ mã-thượng » của ông vua từng lưu-lạc khắp nơi, tức Thái-tổ Triệu Khuông Dẫn : vì để thủ-tiêu luôn một nhân-chứng bép-xép lỗ miệng không thua Tam-đệ Trịnh Ân, Thái-tổ bèn giả sợ uy-thế Trịnh vương-phi, nên nạp ái-phi Hàn Tố Mai cho Đào võ-trạng (Tam Xuân) để bà nầy lăn đèn đốt sống Tố Mai tế chồng là Trịnh Ân ; kế rất cao vì vừa riêng thủ-tiêu một nàng *phi* quá hiểu biết việc trong cung cấm (Tố-Mai) vừa làm hả giận một nữ-tướng còn nhiều hữu dụng về sau (Tam Xuân) !

Sau hai việc làm có một không hai ấy (chém bạn giết vợ), vừa ăn năn, vừa để chứng tỏ bản-lĩnh cao cường của mình, Thái-Tổ *hạ chỉ giới tửu*, từ đó cấm dùng rượu mỗi khi có lễ-sự, và phải dùng trà thay cho rượu, vì trà hiền hơn rượu, trà uống không say, trà không làm hư đại sự. Vì thế, *chén Đại-Tống*, trước kia là dùng để *uống rượu*, sau đó là chén dùng để *uống trà*. Và dựa theo tích nầy, tính đến năm 1960, chén Đại-Tống tròm-trèm một ngàn tuổi thọ.

Nghe đến đây, nhà học-giả Pháp trầm-ngâm, gật đầu suy nghĩ. Lúc ra về S. Elisseeff ký tên vào sổ kỷ-niệm, hạ bút phê :

« Avec toute notre reconnaissance à « Monsieur SEN, pour avoir fait de notre « escale à Saigon, une pierre blanche sur notre « route ».

13-IX-54
Serge Elisseeff.

(Đa tạ ông Sển, ông đã, trên bước đường tôi ghé Sàigòn, giúp tôi ghi cuộc viễn-du bằng một viên bạch-thạch »).

Dường như chưa bằng bụng, khách nói với thêm :

— Vậy mà thuở nay chính-phủ quí quốc không khứng gởi những người thiện-chí qua học thêm bên xứ tôi, để ngày nay trở lại trách chúng tôi không sớm đào tạo cho quí quốc những chuyên-môn lành nghề.

Cũng không vừa, chủ nhà đáp :

— Thưa tiên sanh, nói mới nghe thì dễ, nhưng thực-hành gần khó vô cùng. Nghiệm ra, trước đây, muốn học như tiên-sanh nói, ít nhứt phải có văn-bằng tú-tài. Khi đỗ-đạt rồi, như không có Pháp-tịch cũng không trông mong gì vào sở chuyên-môn là Trường Viễn-Đông Bác-Cổ (École Française d'Extrême-Orient)và cũng vô phương xuất thân các sở tương-đương khác. Chi bằng đậu Tú-tài thì học Luật, học Thuốc, lại thấy tương-lai sẵn-sàng, ít rắc-rối hơn.

« Thi nhân là giống dễ bị kích thích »

Tự cổ chí kim, thi nhân vốn vẫn mang tiếng là « giống » có nhiều tự ái nhất, chứng cớ là Horace (Epitres II, 2, 102) có câu nói : « *Genus irritabile vatum* » La race irritable des poètes, giống dễ bị kích thích là giống thi nhân — Phải chăng đó là vì thi nhân vốn thuộc « nòi tình » ?

Vốn là một học giả chơn-thành, nên ông khách nhã-nhặn siết mạnh tay chủ nhà, từ giã mặt không sắc giận, mặc dầu câu trả lời, vì quá thành thật, đã gần như trắng-trợn.

*

Như vậy đó, ông bạn nhỏ của tôi thấy rõ chưa ? Ngày nay em tốt phước, nhập trường Đại-học Mỹ-thuật và khảo-cổ là phải đường lắm rồi, con đường ấy em lại đi đã nửa phần rồi, hà cớ nửa chừng bỏ dở ?

Anh khuyên em rán học cho đến nơi đến chốn, mau về xứ thi-thố sở-trường tài-nghệ cho đáng công ăn học và được tiếng hữu ích cho nước nhà đang trong thời-kỳ xây-dựng.

Thơ rất dài, nhưng nói nào hết nỗi lòng.

Ngu huynh
VƯƠNG-HỒNG-SỂN

PHỤ TRƯƠNG

Hình số 1, 2 — Chén Đại-Tống (960 — 1276).
Kính-tâm 185 ly (0m185).
Bề cao 50 ly (0m05).
Giá mua : 49$50 (bạc 1939).
Chỗ, ngày mua : Phòng đấu giá Lagrandière cũ, ngày 2-10-1939.

Chén trà Đại-Tống, miệng rộng, vót túm nơi chưn.

Danh từ chuyên môn : Trung-Hoa gọi *Kien*. Nhật-bản gọi : *Temmoku* Pháp : *Fourrure de lièvre, plumes de perdrix* (tùy màu món đồ).

Chất bên trong: làm bằng đất sa-thạch (grès), chất nặng, màu đen, da nhám-xàm.

Men ngoài: đen bóng, thường có «*giọt lụy*» nơi chưn, trong màu đen thường ẩn lộ ánh sáng-sáng chói-chói do chất ngũ-kim lẫn-lộn ;

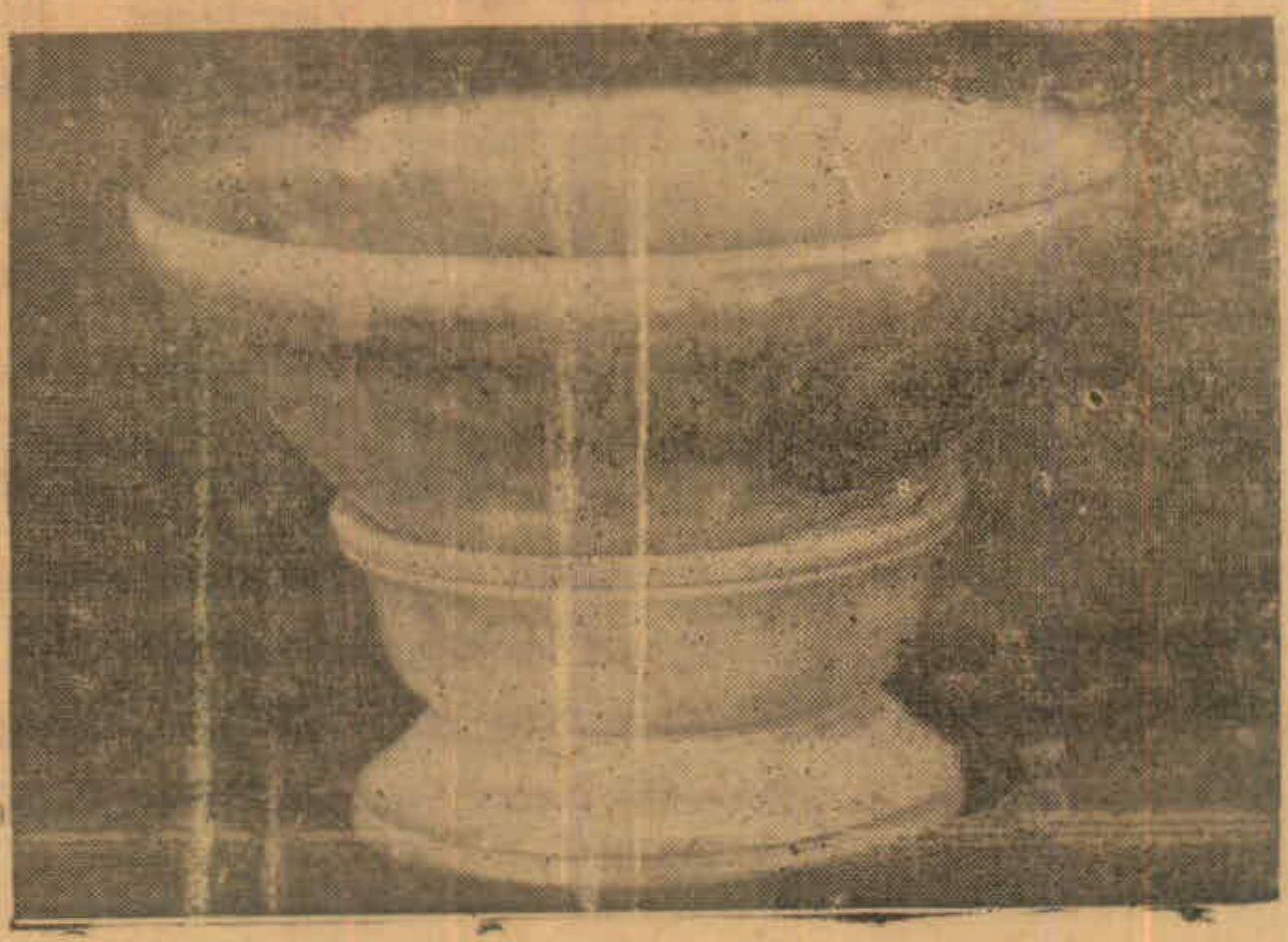

Chén có đế ngà

vì da có lằn có sọc, do đó người Trung-Hoa đặt tên rồi các nước dựa theo mà gọi : khi gọi «*fourrure de lièvre*» khi gọi «*plumes de perdrix* » Những ánh sáng trên món đồ nguyên là phản-ứng của chất sắt chất kim, do sức nóng của lửa lò mà biến ra, có chỗ tựu lại thành « *vết dầu* » (taches d'huile), hoặc « *giọt lụy* » (larme), v.v... Vì không khi nào làm giống nhau, người xưa cho là biến-hóa phi-thường do thần linh ám-trợ ; người nay chưa tìm ra bí-quyết, có lẽ vì xưa dùng củi chụm lò bằng thứ cây gì đó, vật-liệu đất màu bằng thứ gì gì đó, đến nay đã thất truyền, đến đỗi co-khí tinh-xảo, lò máy có thể giữ nhiệt-độ không sai lần nào, và vật-liệu chọn lọc kỹ-lưỡng cách mấy mà cũng không làm sao trở lại y như cũ được. Trong sách « *Les poteries et porcelaines chinoises* » của Daisy Lion — Goldschmidt, nhà in *Les Presses Universitaires de France* xuất bản năm 1957, nơi trương 84 có kể lại năm 1935, khảo-cổ-gia J M. Plumer có gặp tại *Kien-ning* (thuộc miền bắc tỉnh Phúc-Kiến) vô số đồ hư bể *Temmoku* bỏ sót lại và những hộp sành xưa dùng đựng các món *Temmoku* để lúc hầm trong lò lửa có những hộp nầy thì che bớt khói không cho táp vào món đồ hầm, — đời ấy kể cũng là tinh-xảo lắm. Lại nữa tại tỉnh Giang-Tây, nơi gọi *Yung-lo* gần *Ki-ngan-fou*, năm 1938, ông A. D. Brankston cũng gặp những *Temmoku* tại phủ *Ki-ngan*, màu sa-thạch vàng lợt (*grès chamois*, *Temmoku* nầy men mịn, màu tối-sậm có đốm da qui (*écaille de tortue*), men bên trong *Temmoku* nầy lại màu «*fourrure de lièvre* », có thứ chén lại vẽ hình chim chóc, hoặc lá cây, có thứ khác thì vẽ hình màu đen trong bộ ô (khung). Thứ lại vẽ hình lá cây mới trong như lá thật,

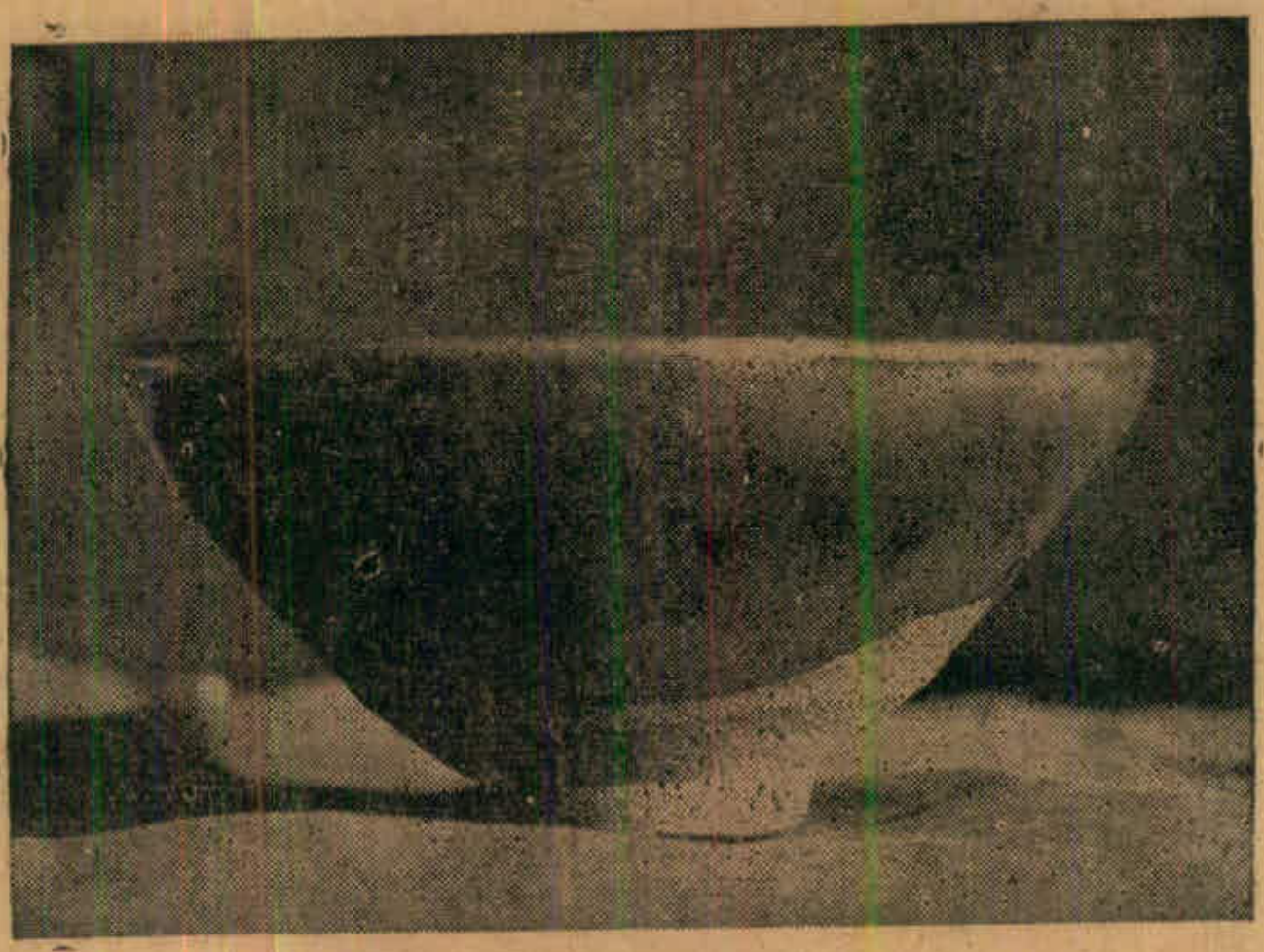

Chén không có đế ngà

và định chừng thợ vẽ đời ấy rất tinh-xảo, đã biết lợi-dụng. biết lấy lá cây thật, rập vào chén tô dĩa khi đất còn mềm, đến khi hầm vào lò, sức nóng của lửa « thủ tiêu » mất những lá cây thật ấy đi chỉ còn sót dạng hình lại mà thôi.

Sách cũng nói lò *Ki-ngan* qua thế-kỷ thứ XV, vẫn còn thịnh-hành.

★ NÊN ĐỌC VÀ CỔ - ĐỘNG CHO TẠP - CHÍ MAI ★

Hình số 3.— Hũ đựng hài-cốt (*urne funéraire*) bằng đất nung men sành trắng ngà, da rạn.— Nắp và miệng hũ đắp nổi dún *kiểng hoa sen* Đào gặp tại làng Đà-Hào, Hoằng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa.

Định chừng làm vào đời Đại-Tống (960 — 1276).

Bề cao cái hũ: hai mươi phân Tây (0m20).

Tương truyền đời Tống, người Tàu qua chiến tranh cùng người nước Nam ta, khi chết thường liệm hài-cốt tướng-sĩ tử trận trong những hũ sành loại nầy, có cái da trơn, có cái có vẽ màu hình hoa, chim. Hũ trơn thì thường rạn, có chất đất đỏ nhuộm những kẽ rạn thành một « hồi-văn » rất khó bắt chước. Có hũ in hình nổi cánh hoa sen như hình dưới đây Có hũ thì vẽ ẩn hình hoa lá trong đất, ngoài phủ men trắng lợt, để lộ lằn vẽ rất tinh-xảo. Có hũ khác nữa thì vẽ nét đỏ sậm trên nền men trắng ngà-ngà rạn ổ nhện lớn (*craquelé en toile d'araignée*), khi thì vẽ hình chim hạc, hoặc nhánh cây lá tuy thô-sơ nhưng lúc yểu-điệu lúc cứng-rắn, khi vẽ hồi-văn, tỏ ra một nghệ-thuật cao-siêu.

*

Kết luận, đồ đất nung Đại-Tống, đến bây giờ các nhà sưu-tập vẫn quí trọng nó hơn đồ sứ men lam, và mua rất cao giá. Nét vẽ tuy mộc-mạc nhưng kỹ trung thật là điêu luyện, có ý xem kỹ thì tựa hồ người họa-sĩ nuôi một ẩn-ý, chứa đựng trong nét bút cả một bầu trời triết-lý, « nhốt » trong hình bông, lá, chim, ảnh-hưởng đạo Lão, Trang, hoặc nhốt trong hoa sen, lá sen, cuống sen, tinh-thần và những bí-ẩn đạo Phật . . .

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

---

* Người cầm đầu phải chịu thừa-nhận công việc mình chỉ huy thường không được người dưới thi hành đúng như chính mình thi hành lấy; nhưng một ngày kia — một ngày thường không xa — người cầm đầu sẽ thấy người cộng sự tận tâm với công việc mình đã tin cẩn giao phó, rồi họ sinh ra đam mê với công việc và thật hiện còn hay hơn chính mình đứng ra làm lấy nữa. (L. M. Courtois)

Dòng tư-tưởng...

Làm việc

« Ở đời ai cũng phải làm ! » Nhưng làm không phải chỉ cốt để thành-công trong việc mưu sinh hay thỏa-mãn một nhu-cầu cá-nhân. Phải làm vì, làm là góp một phần bản thể của mình vào công việc, là muốn đi xa hơn trong sự học hỏi, là muốn thắng mình, vượt mình mà tiến tới luôn luôn.

Trong tâm-giới còn có biết bao nhiêu sự-trạng cần được minh-xác, trong thiên-nhiên còn có biết bao nhiêu kho tàng cần phải đưa ra ánh sáng mặt trời, để mưu cầu hạnh-phúc tinh thần và vật-chất cho dân-tộc. Mỗi người đều có thể trở thành một nhà phát minh hay một người sáng tạo, mỗi người đều có thể góp phần công-tác cường liệt của mình vào sự-nghiệp chung.

Vì, với mãnh lực của công-tác, điều chúng ta cần nhằm để phát triển lúc này hơn lúc nào hết, là ý-thức sinh-hoạt cố kết trong quốc gia, là tư-tưởng hòa-đồng trong toàn bộ. Nhiều người chúng ta đã nhiễm phải chủ-nghĩa cá-nhân tới mức đáng sợ. Khi chỉ lo cho mình thì rất khó nghĩ đến người. Tập luyện mở rộng tầm mắt để bao quát mọi người trong một viễn-đồ rộng lớn, mặc lấy tinh thần « đại công vô tư » để đặt quyền lợi người ngang và trên quyền lợi mình, phải chăng chính đó là mục-đích chúng ta cần rán sức theo đuổi trong mỗi công-cuộc thật hiện, và phải chăng nhờ đó, chúng ta mới có cơ tạo ra được điều-kiện sống chung cho quốc-dân, nó cũng là điều-kiện sống còn của cả dân-tộc ?

PHẠM-HOÀNG

CÂY MAI GIẢ HIỆU

VÀ

CÂY MAI CHÍNH CỐNG

Biện-minh của ĐỒNG-HỒ

(tiếp theo B. K. số 88)

HOẶC Trương tiên-sinh còn muốn bẻ thêm rằng :

— Sao lại cầu kỳ làm chi, văn hoa làm chi mà đến phải mượn mây tả gió, nhờ nước vẽ trăng như vậy. Đó là văn tiều-xảo, đó là văn du-hí, sao gọi được kể là văn-chương đại-gia. Đã ngoa ngôn, rồi lại còn vu-khoát nữa !

Tôi xin cãi lại :

Gần thì có chuyện núi Nùng.

Mỗi khi các bạn đọc thơ văn cổ kim nói về đất Hà-nội nghìn năm văn-vật, thì các bạn thường thường được nghe nhắc đến sông Nhị núi Nùng. Nùng-lĩnh Nhị-hà được kể là danh-sơn đại-xuyên tiêu-biểu tượng-trưng cho sông núi miền Bắc, danh thắng đất Đông-đô. Cũng như khi nói đến nước Tàu thì phải kể đến Thái-sơn Hoàng-hà là danh-sơn đại-xuyên tiêu-biểu tượng-trưng cho núi cao sông sâu của nước cổ Trung hoa. Ở nước họ, đã có Thái-sơn Hoàng-hà tề-danh. Cũng như nước ta, cũng có Nùng-lĩnh Nhị-hà tề-danh.

Vậy mà các bạn có biết hình tướng núi Nùng như sao không, tầm thước nó chừng nào không ?

— Thực sự nó không phải là một ngọn đồi nữa, chớ nói chi đem so sánh nó với những cao-sơn tuấn-lĩnh.

Nùng-sơn, cũng như Khán-sơn, là một mô đất nhân-tạo vua nhà Lý đắp lên để chữa phong-thủy, lấy kiểu đất cho đế-đô, hồi mới xây dựng thành Thăng-Long. Nó chỉ là một gò núi tượng-trưng mà thôi.

Gọi nó là núi, vì theo thuật phong-thủy « cao nhất thốn giả vi sơn, đê nhất thốn giả vi thủy » Nghĩa là cao một tấc kể là núi, sâu một tấc kể là nước.

Nùng-sơn, thật sự không to hơn gò Mai-khâu ở Phú-lâm bao nhiêu. Cũng chẳng có kỳ-hoa dị-thạch gì hết.

Ấy thế mà, xưa nay, đã bao nhiêu thơ văn nói về ngọn núi tượng-trưng đó không ít.

Ví dụ, Nôm thì như :

Nùng Nhị từ xưa mở đất cõi
Nghìn năm vượng khí nơi đô-hội

Hán thì như :

Nùng-lĩnh phù-vân kim cổ sắc
Nhị-hà lưu-thủy khắp ca thanh

Hoặc giả nói rằng : Hai câu dẫn trên đó là nhân muốn tả cảnh gió mây vơ-vẩn, mà phải kể thêm non nước để gọi là điểm xuyết mà thôi, chứ đã phải đâu là cốt tả núi tả sông kia.

Nếu ai có bảo vậy, thì tôi lại trưng thêm hai văn-liệu nữa để biện-minh cho vững-vàng hơn.

Một câu ở bài *Hà-thành chính-khí ca*.

Muốn nêu cao nghĩa-khí Hoàng Diệu lúc tuẫn-tiết theo thành Hà-nội, tác-giả đã viết :

Trời cao biển rộng đất dày
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi

Đem núi Nùng sông Nhị sánh ngang với trời cao biển rộng đó.

Và một câu nữa, câu đối treo giữa đền Trung-liệt ở Thái-hà ấp :

Bách niên thể bách niên nhân, khí tiết cao huyền Tinh Đầu bắc.

Thiên tải thượng, thiên tải hạ, tinh-linh tràng tại Nhị Nùng gian.

Đem Nhị Nùng để đối chọi cùng Tinh Đầu, chúng ta đã thấy chỗ cao đại của núi Nùng sông Nhị đó chưa.

Một là câu thơ nói về vị anh-hùng tuẫn-tiết trong lúc quốc phá gia vong, một là câu đối thờ liệt thánh ở một chốn tôn-nghiêm.

Đọc câu thơ và câu đối nọ, có còn ai dám bảo đó là thứ văn-chương tiêu-xảo, văn-du hí, vẽ-vời núi sông vơ-vẩn mà chơi.

Và xưa nay, cũng chưa ai đã dám bảo tác-giả những bài văn câu đối kia là « ngoa-ngôn thác đoạt, ngoa ngắt chùm lớp, nghe hình bắt bóng ». Có ai đã đại ngôn bảo rằng : Sao lại đem gán vào cho cái gò đất ở vườn Bách-thảo Hà-nội, những cao đại nguy-nga mà chính bản thân nó không hề có.

Không ai nghĩ chi điều « núi chính cống hay núi giả tạo » làm chi, mà ai ai cũng chỉ nghĩ đến công-nghiệp tổ-tông để-tạo gian-nan, gây dựng nên non sông đất nước, Mọi người đã nhìn núi Nùng qua bao tâm-tích của những anh-hùng hào-kiệt, đã nhìn núi Nùng qua bao áng văn-chương của những thi-bá văn-hào.

Núi Nùng, cũng như sông Nhị, là tượng-trưng cho văn-hóa văn vật đất Thăng-long. Mặc dầu nó là một gò đất nhân tạo, mà ai cũng xem nó như là vật-hoa thiên-bảo.

Trên đó là chuyện gần, chuyện trong nhà. Còn dưới đây là chuyện xa, chuyện hàng xóm :

Các bạn có biết hai bài danh-văn *Tiền, hậu Xích-bích phú* của Tô Đông-Pha. Các bạn đọc thấy trong đó, thi-sĩ Tô Thức đã

diễn tả như in trước mắt, trận chiến giữa các tay anh-hùng đời Tam-quốc. Nào là « Nguyệt minh tinh hi, ô-thước nam phi », Nào là « Tây vọng Hạ-khẩu, đông vọng Vũ-xương, thử phi Tào Mạnh-Đức chi khổn ư Chu-lang giả hồ ». Nào là « Phá Kinh-châu, hạ Giang-lăng, thuận lưu nhi đông giả, trục lư thiên - lý, tinh kỳ tế không... »

Nhưng mà, bạn có biết, trong cuộc hào-du năm nhâm-tuất, thi-sĩ họ Tô đã làm bài phú đó ở đâu không ?

Đọc thấy câu : « Tô tử dữ khách, phiếm chu du ư Xích-bích chi hạ » thì ai còn nghĩ địa-điểm nào khác nữa. Huống chi, trong bài, đã nói lên bao nhiêu sự-kiện bao nhiêu địa-điểm của trận hỏa công vĩ - đại kia. Nếu Tô Đông-Pha không đi chơi thuyền ở khúc sông chỗ ngày xưa Ngô Ngụy giao-tranh, thì còn ở đâu được nữa.

Vậy mà sự thật không phải như ta đã tưởng.

Xích-bích, khoảng sông Tràng-giang mà Gia-cát Lượng, Châu Du, đánh nhau với Tào Tháo thời Tam-Quốc thuộc địa-hạt huyện Gia-ngư, vùng Hồ-quảng Kinh-châu. Lửa đốt binh Tào đỏ cả vách đá, cho nên tục gọi là Xính-bích.

Còn khoảng sông mà Tô Đông-Pha phiếm-du thời Tống là thuộc địa-hạt huyện Hoàng-cương ở Hoàng-châu, ném về phía đông địa-phận Hạ-khẩu Vũ-xương. Khúc sông này, hai bên bờ sắc đá thiên-nhiên toàn màu đỏ, dựng đứng như bức vách, cho nên cũng gọi là Xích-bích. Tô Đông-Pha, lúc bị biếm ở Hoàng-châu, chơi thuyền trên đó, nhân hai tiếng Xích-bích gợi hứng, liên tưởng đến trận chiến Xích-bích thời xưa mà làm nên áng danh văn nọ.

Bài phú Xích-bích được truyền tụng đã bao đời, đọc nó để nhận thấy một triết-lý nhân-sinh-quan, vũ-trụ-quan.

Đã bao đời, thuyền tụng nó, mà chưa thấy ai đã dám nói Tô Đông-Pha là « ngoa ngôn thác đoạt, ngoa-ngoắt bắt bóng đè chừng ».

* * *

Trương Cam-khải tiên-sinh đã tiêu-đề cho bài văn là « *Hình tướng, cốt cách loại mai của thi-nhân họa-sĩ* » mà trong bài, tiên-sinh cũng nhắc đi nhắc lại nhiều lần ý chính-cốt đó. Ý tiên-sinh muốn nói rằng là thi-nhân họa-gia phải rất mực thước, chân chính. Đã nói là nói cho đúng, đã tả là tả cho y.

Nhưng tôi xét ra, thi-nhân họa-sĩ xưa nay, gởi tứ ngụ tình trong thi họa phẩm vẫn là thường. Thi-sĩ họa-gia đâu có phải là nhà toán-học, nhà khoa-học mà tính toán đo lường bằng con số chắc cứng không để cho một ly hào sai xuyễn.

Đã đành, cũng có khi cần phải truyền-chân tả-thực về một qui luật nhất định nào đó; nhưng mà cũng có khi tùy tính-cách nghệ-phẩm, vô hình trung, siêu tả thực, đi ra ngoài lề lối, trong khi sáng tác, vẫn được chấp-nhận.

Mượn mây tả gió, nhờ nước vẽ trăng, ý mực lời văn nhờ đó mà linh-động; ngửa biển nghiêng non, biển rồng hóa phượng, tứ thơ thế bút nhờ đó mà thần-tình. Sao ai lại bắt thi-gia họa-sĩ cứ phải thực-thà như đếm. Có chút vẽ-vời bóng bẩy mà đã cho là lộng-ngữ ngoa-ngôn; vừa mới ngụ-ý thác-tình mà đã cho là dảo-điên ngoa-ngắt.

Nhưng đây là chuyện khác nữa rồi. Chớ có sang đàng, hãy trở lại bài văn điếu cổ.

*
* *

Trương tiên-sinh cho rằng Đông-Hồ mắt chưa từng thấy cây mai chính-cống bao giờ, cho nên mới nghĩ bậy nói càn.

Quả thật tôi chưa từng được thấy cây mai chính-hiệu, nhưng nói rằng tôi nhận càn cây mai ở Hà-tiên ở Phú-lâm làm cây mai Tàu chính-hiệu thì thiệt là vũ-đoán. Tôi có lẽ nào không biết phân-biệt được một việc giản-dị như thế. Tôi không thấy cây mai thực chất. Nhưng tôi đã nhìn thấy bao nhiêu bức vẽ hoa mai, được thấy bao nhiêu thơ văn tả giống hoa mai. Hơn nữa, tôi đã tập vẽ nên bao nhiêu bức vẽ hoa mai. Chính hai cái bản kẽm mà Trương tiên-sinh in trong báo Tân-Phong là tiên-sinh mượn sách *Họa phổ đại từ điển* của tôi. Điều nầy thực không đáng cãi. Nhưng phải nói ra, là tôi muốn tiên-sinh nhớ đến một điểm này :

Tôi không từng thấy cây mai Tàu, và nhiều người nữa không từng thấy cây mai Tàu. Nhưng tôi quyết chắc được là Trịnh Hoài-Đức có thấy cây mai Tàu, Phan-Thanh-Giản có thấy cây mai Tàu. Điều này thì đừng ai cãi với tôi nữa.

Nhưng mà lạ-lùng thay, vị chánh sứ năm 1802 và vị phó sứ năm 1832 của triều Nguyễn đó, khi đi sứ Yên-kinh về, cứ còn nhìn thấy cây mai mù-u ở nhà vẫn đẹp, vẫn nên thơ, vẫn đáng ca tụng như thường.

Không cần dẫn *Gia-định tam gia thi thảo*, không cần dẫn *Cẩn-trai thi tập*. Chỉ xin kể một chuyện này :

Ai có biết sinh-quán của quan Phan ở đâu không ?

— Ở Gảnh mù-u. Quan Kinh-lược sứ đã yêu cây mù-u ở quê nhà, bèn lấy ngay nó làm tên hiệu.

Ai có biết không, quan Phan thường tự xưng hiệu mình là *Mai-xuyên* ; là vị nho-thần đó không ngần-ngại đã dịch chữ Gảnh mù-u nôm-na nơi quê-quán. Vị nho-sĩ đạo-đức chân-chính đó có « vẽ hình bắt bóng, có ngoa-ngoắt trùm lớp » mù-u làm hoa mai hay không ?

*
* *

Về chuyện hoa mai, phân-trần biện-bạch, lời đã cạn lời. Đến đây, tôi muốn thưa với Trương tiên-sinh một chuyện tâm tình.

Phải cãi với Trương tiên-sinh, dẫu là câu chuyện văn-chương, tôi cũng rất lấy làm rầu lòng tiếc hận. Trong nghĩa giao du, đối với tiên-sinh, tôi thường cảm mến tính tình, kính yêu đức độ.

Sở dĩ có chuyện, chỉ vì tiên-sinh đã đọc lướt bài văn của tôi, mà không nhận thấy nghĩa kín ý ngầm.

Bài văn của tôi là bài văn điếu-cổ, không phải là bài văn vịnh-vật. Có nói đến hoa mai nữa thì đó cũng là nhờ cảnh để ngỏ niềm tưởng nhớ, mượn lời để gởi nỗi tiếc thương, trước những di-tích của lịch-sử của văn-học nước nhà. Nói chuyện hoa mai đó mà phải đâu lòng chỉ riêng nghĩ đến một hoa mai ; tả cảnh hoa mai đó mà phải đâu mắt chỉ riêng thấy một hoa mai.

Bài văn *Túy-ông-đình ký* của Âu-dương Tu có câu :

« *Túy-ông chi ý bất tại tửu, tại hồ sơn thủy chi gian* »

Vậy thì bài văn của tôi cũng nói được rằng : « Thi ông chi ý bất tại mai-hoa, tại hồ lịch-sử văn-học chi-gian.

Sở dĩ có chuyện ngộ hội, chỉ vì tôi thì tôi nhìn cây hoa mai « *hình nhi thượng* » mà tiên-sinh thì tiên-sinh lại nhìn cây hoa mai « *hình nhi hạ* ».

Có ai đã từng đọc khúc *Dương liễu từ* của Lê Bích-Ngô hay chưa ? Lê Bích-Ngô đã vận dụng bao nhiêu lời xưa ý sẵn về cây liễu để nói lên niềm biệt hoài ly hận, chiết liễu tặng hành nhân, thì ở đây, tôi cũng vận-dụng những lời xưa ý sẵn về cây mai để nói lên mối thương cổ tích kim, tầm mai truy vãng sự mà thôi. Để cho ai hiểu lầm ai, thật là một điều đáng tiếc.

Trương tiên-sinh có nhắc đến bài thơ của Tô Đông-Pha trách Thạch Man-Khanh, không nhìn thấy thần-thái hoa mai, mà chỉ nhìn thấy thể-chất hoa mai.

Tôi cũng làm lối phỏng-cổ thi, mạn phép gởi trách tiên-sinh một bài Đường luật. Xin được tiên-sinh cười mà nhận cho. Rồi hôm nào, chúng ta lại đốt đuốc Tây-song, nối câu dạ-vũ, mà chơi.

Nghĩ vịnh mai-hoa thụ, tại Bạch-mai thi-xã cổ chi. (Phỏng Tô Đông-Pha *Vịnh hồng mai* cổ thi, ký Quốc-nghi, Trương tiên-sinh).

Kỷ kỉnh phong hỏa độc thân trì
Tự khủng tàn dung bất nhập thì
Vị hữu tiểu hồng đào hạnh sắc
Khỉ vô cô lãnh tuyết sương ti
Kiên tâm vị khẳng tùy xuân thái
Lão tiết na kham bạn ngọc ky
Nhân giả bất tri mai ý ngoại
Chỉ khan nhục diệp dữ phì chi

(chữ *trì* ở câu đầu là *trì thân*, đồng âm với chữ *khai trì* là nở muộn ở nguyên văn).

Dịch nghĩa :

Nghĩ vịnh Cây mai ở nền cũ Bạch-mai thi-xã (Phỏng thơ *Vịnh hồng-mai* của Tô-Đông-Pha, gởi Quốc-Nghi Trương tiên-sinh).

Trải bao khói lửa đến bây giờ
Cội lũa thân tàn một gốc trơ
Đào hạnh hồng-hào đành chẳng chút
Tuyết sương trinh-trắng há không ngơ
Màu thanh vẻ lịch đâu *tô chuốt*
Dạ sắt lòng son dám hững -hờ
Ý kín duyên ngầm ai có biết
Nhìn chi lá rậm với cành thô

ĐÔNG-HỒ

Vương giả hương đình,
đầu tháng sáu nhuận.
(24-VII-1960)

---

* Đối với Lyautey, chỉ huy phải phát-khởi từ trên xuống dưới, trong hết mọi cấp bậc. Kẻ nhận lệnh thừa hành là kẻ khởi sự chỉ huy. Do đấy, trở ngược lại, chỉ huy là chuyển nhượng một phần quyền cho kẻ khác, là để cho kẻ khác sử dụng quyền chỉ huy trong phạm vi của họ (L. m. Courtois)

NGHỀ CHÀI LƯỚI TRONG NGÔN NGỮ

NGUYỄN BẠT-TỤY

(tiếp theo B. K. số 87)

Rời Vũng-Tàu, đi theo men biển, ta tới một trung-tâm đánh cá khác ở Hàm-Tân, một quận-lị mà cũng là tỉnh-lị của một đơn-vị hành-chánh mới thành-lập là tỉnh Bình-Tuy. Ở đây số ghe thuyền có nhiều hơn, vừa của dân bổn-địa, vừa của dân di-cư phần nhiều gốc Nghệ-An. Không có cái hiệu « cờ đen » của ghe Vũng-Tàu, ghe Hàm-Tân có một đặc-điểm khác là một tấm ván hình bầu-dục cong hai đầu ốp vào đàng lái để tô-điểm cho chiếc ghe. Lưới ở đây cũng làm bằng nhợ ni-lông nhiều, gọi là *cước* như ở Vũng-Tàu, nhưng nếu để-ý một chút thì thấy rằng cái xu-hướng làm dây-triêng cũng bằng cước bện thật lớn ở đây mạnh hơn. Nhưng, gặp mùa biển động, Hàm-Tân cũng chịu chung một số-phận như Vũng-Tàu, và cái Chợ Cá xây-cất cẩn-thận, cùng với cái Hợp-tác-xã Cá, hình như ít có dịp để hoạt-động cho đúng mức của nó.

Phải tới Phan-thiết mới thấy cái cảnh tưng-bừng của nghề chài-lưới. Suốt một dọc bờ biển, ghe-thuyền đậu san-sát đủ loại và đủ kiểu, vì ở đây, ngoài dân bổn-địa, số người di-cư đến rất nhiều : từ Hải-Phòng, Kiến-An đến Thanh-Hoá, Nghệ-An, Hà-Tĩnh, Quảng-bình. Cũng Chợ Cá, cũng Hợp-tác-xã Cá, nhưng cái quang-cảnh nơi đây vui nhộn làm sao, với không biết bao nhiêu thứ cá bày la-liệt, trong những rổ lớn hay những mẹt nhỏ phẳng-đáy mà toàn, gọi là *sịa*, (1) có-thể chất lên nhau thành chồng cao mà gánh đi.

Mỗi khi một chiếc ghe vào bến cá, thôi thì người ngồi *thúng*, người chèo *xuồng*, người lội nước quẩn không buồn sắn lên, tới-tấp đến để chia nhau những sọt cá đầy được chuyển từ ghe xuống. Nhất là buổi chiều, vào lúc mặt trời lặn, đứng trên bãi biển nhìn

1. Ở Tuy-hòa, cái sịa này thấy gọi là *bộng*.

xuống những dải cát nâu-nâu mà nước ròng để lộ trên mặt biển đã ngả ra màu lục sẫm, ta được chứng-kiến một cảnh tượng vô-cùng linh động : những hàng người dài, đàn ông có, đàn bà có, bây giờ chỉ còn là những bóng đen in hình trên nền trời xám điểm vài áng mây hồng, ở đó những tia mặt trời cuối cùng còn đọng lại, kết tiếp nhau rảo bước dưới những gánh cá nục nặng chĩu như muốn tranh thủ thời-gian trước bóng đêm đang xuống. Họ cần phải đưa hết cá đến các chủ hãng nước mắm, những *hàm hộ* hay *hầm hộ* như người ta vẫn quen gọi, và với những lá cờ nhỏ làm dấu hiệu của mỗi nhà giắt ở quang-gánh, họ là hình ảnh sống nhất của sự hoạt động ngoài bãi biển.

Vì Phan-Thiết nhiều cá nên các cách đánh cá ở đó cũng có phần đa-thức hơn. Ở sông thì có cái *rớ* là đặc biệt : đó là một thứ lưới lớn hình chữ-nhật đỡ bằng một cái giàn tre cắm ở sông và căng ra bởi bốn sợi dây khoẻ. Trung-tâm của rớ, gọi là *rún*, được buộc vào một sợi dây dài vắt qua đầu một cái cần để rút lên thả xuống được. Muốn kéo rớ lên, người ta dùng cả tay lẫn chân : tay để co dây và chân để đạp một cái *chong chóng* mà cuốn dây lại.

Cái rớ này không phải luôn luôn cố định, mà còn có thể lưu-động, nếu, cũng theo nguyên-tắc điều-khiển ấy, người ta trí nó ở mũi một chiếc thuyền, gọi là *thuyền rớ*. Bây giờ cả cái rớ có thể nâng lên khỏi mặt nước bằng một hệ-thống giàn đeo vào một cái cần lớn. Cần này, một đầu chống lên thì có một thứ ròng-rọc để mắc sợi dây kéo rún rớ lên, một đầu chúc xuống thì dằn bằng hai ba tảng đá to mà sức nặng đã tính sao cho phải có thêm một người đứng trên mới đủ để nâng cả giàn rớ lên. Mỗi lần cái rớ kéo lên rồi, một người lấy vợt súc những con cá mắc ở mặt lưới, mà lớp vảy bạc lấp-lánh dưới ánh mặt trời.

Càng đi lên phía bắc, ở các cửa sông, như cửa sông Ba ở quận Tuy-Hòa, đầm Thi-Nại ở thành phố Qui-nhơn, khúc sông Lại ở Bồng-Sơn, nhất là ở cửa Tam-Quan, gần lối sang bên kia Quảng-Ngãi, ta càng thấy nhiều rớ. Nhưng riêng ở Tam-Quan, và những nơi làm dây dừa, tiếng *rớ* còn chỉ một đồ dùng để bện dây dừa. Đó là một cái giàn tre trên đó có ba cái cột : hai cái đứng thẳng đỡ một tấm ván bắt dựng ngang và có khoan 6 lỗ để tra *tay-quay* ; một cái uốn cong cho một đầu ăn vào đầu hai cột kia chia lại và một đầu mắc xuống đuôi giàn, ở đó luôn luôn có một hai tảng đá lớn để thêm sức nặng cho cái rớ. Đối diện với cái rớ di-động được ở một đầu dây là một cái *bàn quay*, cũng có 6 lỗ để tra tay-quay, ở đầu kia. Hai cái đó, họp với hai ba cái *bợ* ở giữa. tức là một thứ giá thường có 3 rãnh dưới và 3 rãnh trên để đỡ dây, thành một *bàn dây* bện được 6 sợi giây nhỏ cùng một lúc. Dây bện càng săn bao nhiêu thì sức-co của nó càng mạnh bấy nhiêu, và cái rớ bện dây, với những đá dằn của nó, sẽ tiến lên dần dần mà nhắc cho ta hình-ảnh cái rớ đánh cá.

Từ sông ra biển chẳng mấy chốc, và ta thấy ở đây nhiều loại lưới khác trong đó có hai loại tiêu-biểu nhất : cái lưới-xâu và cái lưới-mành. *Lưới-xâu* là thứ lưới nhỏ-khổ mà cũng nhỏ-mặt nhất để bắt tôm, cá nhỏ. Triêng-đối của nó có những phao nhỏ bằng ống trúc gọt rất xinh-xắn, và nó có tên ấy vì khi mang đi, người ta « xâu » nó vào một cái gậy tre có một đầu to cục ra để giữ cho lưới khỏi tụt.

Lưới-mành, trái lại, là lưới rất lớn, thường để đánh loại cá ưa ẩn trong những *chà* mà người ta neo ngoài khơi, nên còn gọi là *mành-chà*, và ghe đánh cá bằng mành là *ghe-mành*. Lưới-mành thường dài 50 sải (mỗi sải chừng 1m50), ngang thì rộng hẹp tùy miền. Hai bên là dây-triêng có phao cả nên cũng gọi là *dây-đối* (ở Nha-trang có người nói : *dây-đỏi*), vì lưới thả nằm chứ không *bủa* đứng. Một đầu lưới có một sợi dây lớn gọi là *dây-miệng* và ở đầu kia là cái *đãy*, một thứ túi cho cá chui vào mà bắt.

Về cách cấu-tạo lưới-mành, phải đợi lên đến Quảng-Ngãi, có dịp quan-sát kỹ và được người chỉ-dẫn rõ-ràng, tôi mới biết rằng một *vàn-mành*, tức một tấm mành nguyên, do nhiều mảnh lưới dài, gọi là *vui*, *sương* thành. Tiếng *sương* này nghĩa là « ráp hai mép lại bằng một sợi dây luồn qua các mặt, khiến khi nào muốn tháo rời chỉ cần rút sợi dây ra là được ». Mỗi mảnh vui này đương theo nhiều loại mặt, càng gần đến đãy càng nhỏ đi : từ loại lưới-bốn và lưới-ba ở miệng qua loại, *lưới-hai nới* (lớn hơn lưới-hai một chút) và lưới-hai ở giữa, đến 1 loại *lưới-sỉ* (nhỏ hơn lưới-hai một chút) và lưới-một, rồi sau cùng là *lưới-giàu* (nhỏ hơn lưới-một) ở phần đãy. Cái đãy này phải làm bằng những tấm *trủ* kết lại, tức là những tấm hàng rộng 20ph dệt bằng *thao* (tơ tằm gốc), nên thường cũng gọi « đãy » là « trủ ».

Đánh lưới mành phải bỏ nhiều vốn vì ngoài giàn lưới khá mắt tiền, còn phải thả chà cho cá tìm đến. Chà này làm bằng lá dừa tết lại thành những bọng lớn, nơi đó cá rất thích ẩn-núp, và cột liền với nhau thành chuỗi dài hàng mấy chục mét bằng dây lá buôn bện lại. Một khi thả xuống biển và neo bằng những tảng đá nặng, chà ấy có thể dùng trong nhiều tháng, nên mặc dầu đó là bạc vạn bỏ xuống biển, chỉ cần « trúng » vài lần là lấy vốn lại dễ-dàng.

Bây giờ ta hãy từ-giã Phan-Thiết đi nữa tới bãi biển Nha-Trang, nơi đây có một viện Hải-học mà ai cũng biết tiếng với cái hồ cá đầy những kì-quan của đại-dương. Bàn về nghề lưới ở Nha-Trang thì quả-tình đối với các chuyên-viên của Viện, tôi chỉ là một kẻ múa rìu qua mắt thợ. Nhưng tôi tin rằng các vị ấy cũng thể-lượng cho thiện-chí của tôi là chỉ cốt tìm ra những thứ mới để làm giàu cho quyển «điển-tiếng» Việt-nam mà thôi. Vậy tôi kể vài loại lưới đáng chú ý nhất.

Trước hết ta có cái *lưới-chỉ* thuộc loại lưới-hai, trên phao, dưới chì, cao 3 sải, dài chừng 20 sải, để đánh các *cá-tạp*, nghĩa là những cá đủ loại chạy

từng đàn. Người đánh cá dò đường đi của cá bằng cách mắc chân vào be ghe mà lặn ngược đầu xuống nước để xem. Thấy rõ đàn cá rồi, người ta *đánh* lưới xuống và khi kéo lên thì cá *đóng* trắng cả. Những cá này thuộc loại *cá-đóng* (tiếng cũng gặp lại ở Quảng-ngãi) hay « tìm đến lưới », trái với loài cá « sợ lưới » phải đánh bằng mành-chà như đã thấy ở trên.

Rồi ta có cái *lưới-quát*, cũng thuộc loại lưới-hai, cao 1 sải, dài 30, 40 sải, triêng đối không phao nhưng mắc vào mấy cái *ống-ganh*, tức là những ống tre dùng làm phao, triêng-chì không chì mà đeo đá, với một cái dãy ở khúc giữa. Khi muốn bủa lưới, người ta kèm vào lưới một sợi dây dừa to cho một người đứng trên bãi cát nắm lấy một đầu dây, rồi chở lưới ra xa bằng thuyền. Dây này thường là ba bồn khúc, gọi là *kháp*, nối lại và mỗi kháp dài một *dàng* (= 35 sải), khi ra đến hết dây, người ta đánh lưới xuống rồi chèo thuyền mà đưa một đầu lưới vào bờ, trong khi ở bờ vài người quấn dây dừa quanh lưng cho vững cũng kéo đầu lưới kia. Cá sẽ đóng ở lưới hay chung vào dãy.

Đến đây ta hãy mở một cái liềm[2] để bàn phiếm một chút về hai tiếng *đánh* và *đóng* mà các người đánh cá vẫn quen dùng. Tiếng *đánh* là một phát-âm căn-cứ vào mặt chữ của chữ nho *đả* 打, vốn có « đinh » bên, và có rất nhiều công-dụng. Tiếng *đánh* là âm biến của tiếng nho *đỉnh*, một phát âm khác của chữ 打 quen đọc là *đả* (*đô* 都 *đỉnh* 挺 thiết âm *đỉnh* 頂). Nó có nhiều công dụng nhưng ở đây nó nghĩa là... » « thả mà vung mạnh ra ». Còn tiếng *đóng* có-thể là âm-biến của chính tiếng *đánh* khi ta nói: «*đóng* đinh, *đóng* thuế», nhưng ở đây nó là âm-biến của tiếng nho *đống* 凍 là « đông lại » và có nghĩa « dính-mắc kín cả ».

Muốn lí-hội được cái giá-trị gợi hình của tiếng *đánh*, ta phải quan-sát thêm *nghề rã* là nghề dùng một thứ lưới có cái túi dài ba bồn sải, to bằng bắp tay, gọi là *đục*, để bắt cá nhỏ hai bắt ruốc. Đứng trên bãi biển Nha-trang, nhìn ra ngoài xa, ta thường thấy những chiếc thuyền có hai cây gỗ nhô ra ở đàng mũi và đàng lái. Ta tự hỏi không biết hai cây gỗ ấy dùng làm gì: thì ra đó là hai cây *lùi*, một *lùi-mũi* và một *lùi-lái* để «đánh» lưới xuống nước. Khi đánh, người ta tóm cái múi đầu lưới mà tung ra, cho cá hay ruốc chun qua đục, kéo lên, rồi mở mối đục mà trút cá ra.

Nhưng chính là *lưới-đăng* mới hiến ta những cảnh-tượng đánh cá thật là thú-vị. Với những lưới trên kia, người ta thường chỉ hoạt-động

---

2. Sự dùng tiếng *ngoặc-đơn* để chỉ cái *parenthèse* của Pháp và tiếng *ngoặc kép* để chỉ cái *guillemets* xét ra rất luộm-thuộm, vì dấu trên chữ ă cũng là «ngoặc». Nhất là khi cần dịch hai tiếng *singgle brackets* để chỉ dấu ' ' và *double brackets* để chỉ dấu « » của Anh-Mỹ thì sẽ dùng tiếng gì? Bởi vậy, theo hình-dáng của dấu, tôi gọi *parenthèse* là *liềm*, *guillemet* là *móc*, và theo Anh-Mỹ, ta có-thể có (móc đơn) và móc kép », Tiếng *móc* này sẽ rất gợi-ý khi một tiếng được đặt vào trong hai dấu « » để « móc » ai! Tôi sẽ trình-bày một trường-hợp « móc » ở một bài sau.

trong *lọng*, nghĩa là trong phạm-vi một cây-số cách bờ biển, ở chỗ nước sâu 13, 14 sải là cùng, chứ cũng không ra đến *lỡ*, nghĩa là trong phạm-vi từ một đến năm cây-số cách bờ. Với lưới-đăng, người ta có thể ra đến *khơi*, nghĩa là ngoài phạm-vi 5-6 cây-số, miễn là chỗ nào có núi để tổ-chức bắt cá được.

Lưới-đăng thuộc loại lưới-bẫy, mặt to như mặt võng, làm bằng gai, dài 200 mét, cao chừng 20 sải. Muốn bủa nó, người ta cột một đầu lưới vào một tảng đá lớn trên gành, ở một điểm A chẳng hạn, mà giăng cho ngay[3] với hướng núi ra chừng hơn 50 mét, đến một chiếc bè ở một điểm B, rồi quây ngược lại song-song với hướng núi trên một khoảng dài đến một chiếc bè khác ở một điểm C, để rồi lại kéo vào chân núi đến một điểm D cách xa gành một quãng để chừa lối cho cá vào. Cũng song-song với hướng núi, mà cách chân núi một quãng, người ta giăng thêm một giàn lưới, gọi là *lưới bửng* từ một điểm E trên đoạn A B của lưới-đăng đến một điểm F không chạm đầu D của lưới-đăng.

Như vậy, giữa hai điểm F và D là một lối chừa ra nữa cho cá, và tấm lưới-bửng nhắc cho ta hình-ảnh tấm « ván-bửng » ở một căn nhà mà tạo thành một khu hình chữ-nhật EBCD vây quanh bởi hai cái lưới, với một lối-vào DF : cả khu đó gọi là cái *rọ*, và tiếng *rọ* ở các tự-điển sẽ phải có thêm nghĩa « Trong nghề đánh lưới đăng, vùng nước vây quanh bởi lưới-đăng và lưới-bửng cho cá vào mà bắt ».

Từng đàn cá, vốn ưa dựa theo bóng núi mà đi, sẽ tiến đến điểm A, gặp lưới-đăng đón đường, phải men theo lưới đi đến E, gặp lưới-bửng chặn lại, lại men theo lưới đi ngược trở lại để đụng đầu một lần nữa với lưới-đăng ở D nên kéo nhau qua lối DF mà vào rọ. Bấy giờ một chiếc thuyền đậu sẵn ở E, gọi là *thuyền-đăng*, sẽ chở một giàn *lưới-rút* đến D để cùng thả lưới với một chiếc thuyền khác đậu sẵn ở C, mà kéo lưới từ DC dần-dần đến EB để vét cá.

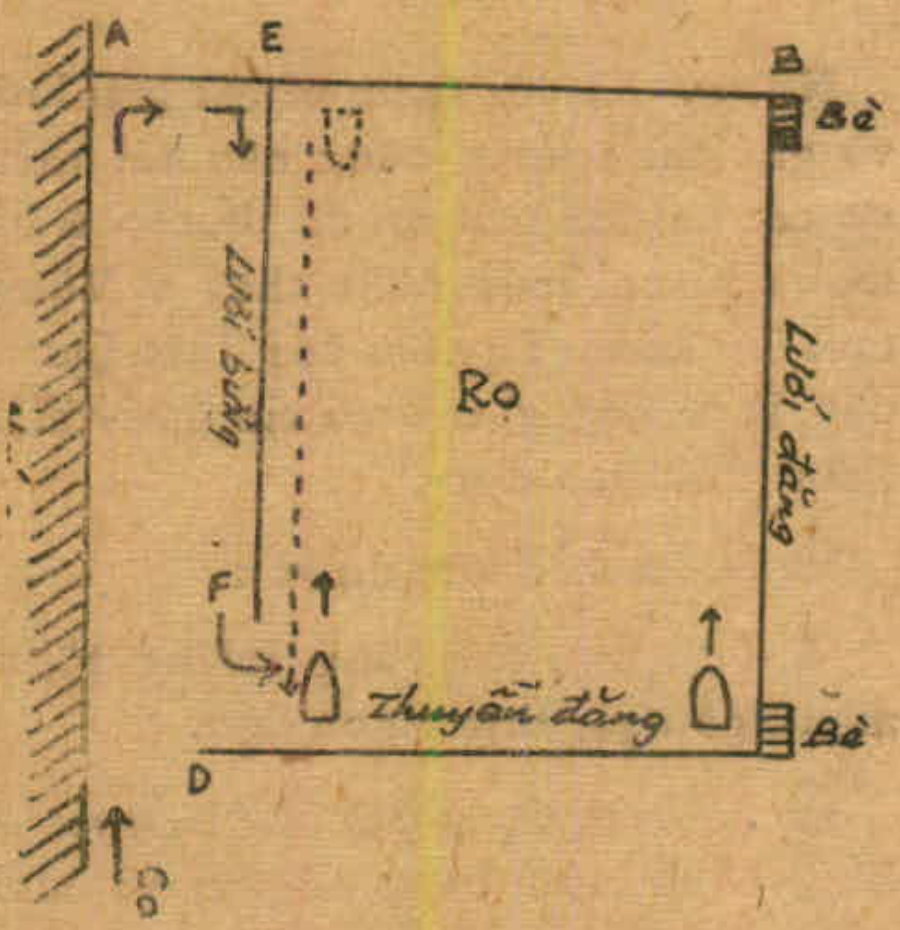

Lưới-rút nầy thuộc loại lưới-một hay lưới-hai, dài chừng 30, 40 mét, rộng chừng 50 mét, nghĩa là bằng gần

3. Tiếng *droit* của Pháp có hai nghĩa : « thẳng » là « không cong » và « ngay » là « không nghiêng». Với tiếng *angle droit* người Pháp muốn nói « một góc có hai cạnh ngay với nhau », nghĩa là « góc vuông », nên *perpendiculaire* mà dịch là « thẳng góc » thì không gì hại - hước cho bằng, vì một « góc thẳng » thật ra phải có 1800 . Các cụ xưa bàn về nét bút vẫn nói : « ngang *bằng* sổ *ngay* », tưởng để *bằng* ứng với *horizontal* và *ngay* ứng với *perpendiculaire* thì không gì hợp lí cho bằng.

chiều ngang của cái « rọ ». Hai bên lưới là dây-đối có mắc phao và ở dây-miệng có đeo hai hòn đá nặng chừng 30 kí cho miệng lưới chìm sát đất khi di-chuyển.

Một chiếc ghe khác, gọi là *ghe-phiên*, sẽ chuyên việc chở cá đã đánh được vào bờ trong khi hai chiếc thuyền kia, làm xong nhiệm-vụ lại trở về vị-trí cũ để chờ một mẻ cá khác. Sự canh-chừng cá rất quan-trọng, nên luôn-luôn có một người ôm *ống-lội*, một ống tre lớn đủ để giữ cho người ta nổi, nằm sấp trên mặt nước mà quan-sát đáy biển. Chừng nào nghe thấy tiếng-kêu « lui ! » của người đó thì các bạn-ghe dầu đang ăn cũng phải bỏ đó để nắm lấy dịp may : tiếng « lui ! » ấy là hiệu báo rằng có cá.

*
* *

Nhưng đã nói thêm về các loại lưới và ghe thì tưởng cũng nên nói thêm về các hải-sản mà tôi đã đề-cập ở bài trước và chỉ mới nhận thấy ở Vũng-tàu. Từ Bình-Tuy lên tới Tam-Quan, đây là những gì mà tôi xin giới-thiệu thêm với bạn-đọc :

Về ốc, ta kể thêm được :

Ốc-bàn-tay, lớn bằng miệng tô, vỏ màu ngà-ngà, thịt ngon dòn.

Ốc-bầu-rượu, gọi là *ốc-bi-rượu* ở Bình-Định, lớn bằng cổ-tay, vỏ hình như cái bầu rượu, màu vàng đỏ lợt.

Ốc-bỏ-cạp hay *ốc-tay-cùi*, có chân và càng, khi ló ra thì trông như con bò-cạp, vỏ màu tro, lớn bằng miệng chén, nhọn-chôn, ít xoáy, không mấy ai ăn.

Ốc-chà-và, lớn bằng cái chén, dài chừng 25 ph, một đầu lớn, một đầu nhỏ, không ăn được, nhưng vỏ dùng ở ghe thuyền làm tù-và (tức « còi» ở miền Trung).

Ốc-chìa-vôi, có chân cá càng, vỏ nhỏ mà nhọn-chôn, không ăn được.

Ốc-dừa, ở nước trà-hai, nghĩa là ở cửa sông chỗ nước nửa ngọt nửa mặn, vỏ lớn bằng đầu ngón-trỏ, trên thì màu đen tro, dưới miệng màu đỏ hồng, có mày (= vảy) hình tròn-nửa. Tiếng *trà-hai* này (Bình-định : *xà-hai*) nghĩa là « trà-trộn hai thứ ».

Ốc-điếu, lớn bằng ngón-tay, vỏ nhám, tròn mà dài, có xoáy trông như cái ống-điếu, màu xám đen, không ăn được. Con ốc-điếu này trông hơi giống con *ốc-leng* đã kể ở bài trước, và ngoài Vũng-tàu, tên *leng* kia không đâu có, kể cả những vùng có dân di-cư miền Bắc, nên ta có-thể yên-tâm ghi đúng theo phát-âm với *ng* cuối (Xem B K số 87, tr. 26, Ich. 1.)

Ốc-đủn, thứ ốc biển lớn bằng cái chén, vỏ nhọn-chôn như hình cái nón, màu vàng, ăn được.

Ốc-gạo, nhỏ như con ốc-ruốc, nhưng màu xám xanh, ăn được.

Ốc-hương, lớn bằng đầu ngón chân cái, vỏ nhọn - chôn mà ít xoáy, thịt thơm.

Ốc-lác, ở nước trà-hai, lớn bằng ngón-tay trỏ, vỏ vàng có rằn đen, dưới mày trắng, thường thấy ở các đám lác.

Ốc-mắm, giống ốc-chìa-vôi, nhưng không chân, ăn được.

Ốc-mặt-trời, lớn bằng ngón-chân cái, vỏ màu xám tro, trong mày màu xanh da trời có một cái quầng tròn màu gạch.

Ốc-ngọt, lớn bằng ngón-trỏ, vỏ màu xám tro, có nhiều ở theo gành đá.

Ốc-ngựa, ở đồng, lớn bằng đầu đũa, vỏ xám.

Ốc-nhảy, lớn bằng đầu ngón-chân cái, vỏ màu vàng lợt ở phía trên và trắng ở phía dưới.

Ốc-oan-ương, nuôi từng cặp để làm bả-yêu.

Ốc-quai, lớn bằng đầu ngón-tay cái, vỏ màu xám tro, dài chừng 4 phân.

Ốc-quắn, ở nước trà-hai, lớn bằng đầu đũa, dài chừng 5 li, vỏ màu đen, sống trên mặt bùn.

Ốc-sứ, vỏ nổi tiếng là đẹp, có một khe hình răng-cưa rộng độ nửa phân tây, và tùy ở màu nó còn chia ra : *sứ-trắng*, *sứ-bông*, v.v.

Ốc tai-bồ, lớn có khi bằng cả tờ giấy, hình rẻ quạt, vỏ màu rong, ăn được, nhưng trong ruột có thứ nhựa đen, ăn phải thì say.

Ốc tai-nghé, giống ốc-tai-bồ, nhưng lớn bằng bàn tay thôi.

Ốc xa-cừ, lớn bằng cái tô, vỏ nhám màu xám, cắt mài cho láng thì nổi vân mà dùng để cẩm đồ.

Ngoài những tên ốc trên đây tưởng phải kể thêm con *vú - nàng* một thứ ốc biển lớn bằng cái chén, vỏ cao gồ lên, màu hồng hồng. Tên này, mà tôi ghi nhận được ở bãi biển Phổ-Châu (Quảng-ngãi), nghe ra vẫn thanh-nhã, không như một tên ốc khác, mà tiếng khoa học gọi là *cipraca tigris* (4), tục đến nỗi thấy không tiện nói ra, mặc dầu rất phổ-thông trong giới chài lưới.

Nhưng ta cũng không nên hiểu lầm về tên một con ốc khác, con *ốc-mượn - hồn*, vốn chỉ là một thứ cua biển, bụng mềm, không mai, thường tìm một vỏ ốc nhọn-chôn nhiều xoáy mà ẩn ở trong.

Về sò ta cũng kể thêm được con *sò-mỏng*, vỏ tròn, khi bóc ra trông như cái mỏng gà. Vì vậy, lẽ ra phải gọi là «sò-mỏng», nhưng tiếng « mỏng » đã thông dụng mất rồi.

Về cua ta cũng kể thêm được :

Cua - bóng, thứ cua đồng lớn có khoang đen đỏ, hay bắt đẻn ăn.

Cua - cốm thứ cua biển lớn bằng bàn tay, mai xám xanh, hai càng đỏ hồng, gạch rất ngon. Tiếng *cua-cốm* này, về mặt thể-chất, còn chỉ bắt cứ con cua biển nào trong Nam sắp lột, mà ngoài Bắc gọi là *cua dẽ*. Trong mai cũ của con cua cốm bấy giờ có

(4) Tiếng này do Ô. Nguyễn-Hải, Trưởng phòng nghiên-cứu Viện-Hải-học Nha-trang chỉ giùm.

một lớp da mềm sau này sẽ thành mai mới của con *cua-lột*.

cua-đầu-rều, thứ cua biển lớn bằng miệng tô, càng to mà dài, mai đỏ bầm, hay ở hang.

cua-huỳnh-đế, thứ cua biển rất lớn, càng to mà giẹp, ngoe cũng giẹp mà có lông, màu đỏ tươi.

cua-lông, nhỏ bằng miệng chén, màu đen, có lông ở mai, ngoe và càng.

cua-lửa, thứ cua đồng lớn bằng bàn tay, càng lớn, yềm đỏ.

(*cua*) *cúm-núm*, lớn bằng miệng tách, mai trắng vàng, rìa mai có gai nhọn.

Riêng tên *nhém* chỉ để gọi con *cua đá* (xem bài trước) lúc còn nhỏ, và vài tên cua không cần có tiếng *cua* đứng trước :

con *nha*, lớn bằng miệng tách, mai đen toàn, thịt không ngon nên ít ai ăn.

con *sãi-thau*, nhỏ bằng miệng tách, mai xám sẫm, có ba khía dọc.

con *nham*, thứ cua đồng ở Quảng-bình, trông như con còng nhỏ ở biển.

Ngoài ra, thêm vào các tên còng, tên ghẹ đã biết, ta còn có :

còng-cơm, nhỏ hơn còng gió, màu hồng lợt, không ăn được.

còng-đỏ, nhỏ bằng đầu ngón tay, càng đỏ, mai xanh, ít ai ăn.

ghẹ-cát, màu vàng gạch, càng và ngoe ngắn hơn của ghẹ-nhàng.

ghẹ-đá, ở ngoài khơi, vỏ vàng, nhỏ hơn ghẹ-nhàng.

ghẹ-mặt-trăng, mai xám xanh có ba đốm tím ở phía trước, càng và ngoe có khoang tím.

Về tên tôm cũng có thêm :

Tôm-cỏ, lớn bằng ngón-tay cái là cùng, vỏ hồng, có rằn vàng.

Tôm-chấu ở nước ngọt, nơi vũng, bàu.

Tôm-đá, vỏ cứng

Tôm-lóng, càng đỏ.

Tôm-lít, ở nước ngọt, nơi hang-hốc, mình đỏ, một càng rất lớn, một càng nhỏ.

Các giống *ruốc*, *khuyết*, *mè mẹ* đều thuộc loài tôm rất nhỏ.

Ngoài ra, ở nhiều nơi có con *đồn-đột* thuộc loại địa-biền, chia ra hai loại :

đồn-đột đá, giống con hải-sâm mà nhỏ hơn, mình tròn, bụng phẳng, đầu bầu, dài chừng một tấc, ăn được.

đồn-đột biển, trông như trái xoài mình mềm, có hai vè hai bên, màu vàng gạch, không ăn được.

Riêng ở vùng Quảng-Ngãi, còn có con *nhum*, mình giẹp, hình tròn, lớn bằng miệng chén, vỏ cứng mà có gai bốn phía, hay bám chặt vào gành đá, dưới sâu chừng 2, 3 mét. Muốn bắt giống này phải dùng móc sắt móc vào miệng nó mà kéo ra rồi bỏ vào *trạc*, một thứ giỏ đường-kính 6, 7 tấc, để

nổi trên mặt nước nhờ 2 cái phao bằng ống tre. *Mắm-nhum* có tiếng là ngon và xưa kia dùng để tiến vua nên còn gọi là « Mắm-ngự ».

Nói tóm lại, trong hai bài liền, chúng ta đã có dịp làm-quen với một số tiếng-dùng khá mới-lạ nhận thấy trong nghề chài-lưới. Không kể những tiếng đơn, các tiếng ghép, trừ một tiếng *cua-huỳnh-đế*, tức « hoàng-đế » nói trại đi, tất cả đều tuy mộc-mạc mà rất hàm-súc. Dân chài-lưới, cũng như người bình-dân ở bất.cứ nghề nào khác, đã không cần đến « chữ-nho » mà vẫn đặt được những tiếng theo ý-muốn vì họ biết tư-tưởng theo đúng tinh-thần nòi-giống. Căn-cứ vào những tiếng ấy để đưa ra vài nhận-xét về ngôn-ngữ ta tưởng không phải là quá vội, nhưng tôi còn muốn trưng ra nhiều tài-liệu khác sắp-đặt có hệ-thống hơn, trước khi kết-luận. Tôi xin hẹn với quý bạn ở một bài sau chuyên khảo về « Cách đặt tên cá trong ngữ-Việt ».

NGUYỄN-BẠT-TỤY

☆

Xin đính-chính về bài trước :

tr. 27, dòng 9 : *tôm-vỗ* không phải *tôm-vồ*

tr 25, dòng 7 : *giọng miền*, không phải *giống-miền*.

✱ Điều lầm của người chỉ huy thường là sợ một công việc làm không xong, muốn chính mình làm việc ấy hơn là giao cho người cộng sự. Do đấy, người ấy làm cho người công sự mất hết sáng kiến và hứng thú làm việc. Có điều tai hại hơn thế, là người cầm đầu một khi tập trung năng lực của mình vào chi tiết, sẽ lần lần tự thu hẹp nhãn-giới lại và không bao quát được toàn bộ công việc nữa.

Trông mơ hết khát

Tào-Tháo đem quân đi đánh trận, tới nơi nọ quân khát nước mà không có nước uống. Tháo túng thế, nghĩ được một mưu, bảo quân : « Binh sĩ hãy nhìn rừng mơ đằng kia kìa ! » Quân thèm rỏ dãi, nhân đấy đỡ khát. Do đấy, câu : « *Vọng mai chỉ khát* » (Trông mơ hết khát) có nghĩa bóng chỉ cách dùng sự khi trá để thỏa-mãn nguyện-vọng của người. Cũng có nghĩa khác chỉ sự đặt chuyện cho qua thời, trong lúc vạn bất đắc dĩ .

BẠN XẤU
BẠN TỐT

✶ *ĐOÀN-THÊM*

Ít lâu nay, Thúy, vợ Nhân, hay trách mắng con. Liễn, học lớp ba, mỗi ngày điểm-số các bài một kém đi, quá ham chơi, quần áo lem luốc, thỉnh thoảng lại văng tục : năm trước có thể đâu ?

Ngờ là con chịu ảnh-hưởng xấu của bạn nhỏ, Thúy gạn hỏi xem chơi với những ai và bắt chước gì ? Thì ra Liễn chỉ lắp lại những tiếng của Tân hay Thu là những kẻ thường rủ Liễn thả diều đánh đáo, và hay cãi lộn với nhau.

Thúy bàn với Nhân : bảo nó cách chọn bạn, hay là cấm tiệt cả đi cho gọn chuyện. Nếu không, ở nhà uổn nắn công phu mà ra ngoài học thói xấu, thì dạy dỗ bao nhiêu cũng vô-ích. Bực nhất, là mắng mỏ cũng vô hiệu.

Nhân cũng hơi lo, nhưng lại phân-vân : đã đành rằng con bị lôi cuốn thì có giáo dục cũng như không. Song hồi nhỏ, hình như Nhân chưa từng chọn bạn, khôi kẻ xấu, sao mình chẳng đến nỗi hư đốn ? Ngăn cản giao du, thì tập ra đời làm sao ?

*
* *

Hồi tưởng khi mới cắp sách đi học, Nhân nhớ đã được cha anh hoặc thày giáo dạy rằng : gần mực thì đen, gần đèn thì rạng, phải chọn người tốt mà chơi.

Nhưng trong thực-tế, Nhân đã áp dụng các nguyên-tắc kia ra sao ? Mới đến trường, Nhân chẳng biết làm quen với ai trước, rụt rè ngượng

ngịu như các chú nhỏ khác. Nhân và chú ngồi cạnh mới đầu lầm lét nhìn nhau, không ai nói với ai, quay mặt đi cười là cùng, chẳng dám hỏi nhưng biết tên nhau là tại liếc giấy để danh trên vở : à thằng Tồn. Rồi đến : cho đây mượn cái tẩy, xắp hàng vào lớp, những sự lặt-vặt đưa tới ván bi ván đáo, ngảnh đi ngảnh lại thân với nhau đã mấy tháng : nào có ai chọn ai đâu ? Khi đã quen cả lớp rồi, Nhân chơi với mỗi người một ít, đá cầu với Lư hay Tín, chạy đuổi với Lan hay Thông, cãi nhau giận nhau chán rồi lại đùa với nhau, chẳng có sự ưa ghét phân biệt gì rõ rệt. Giá thử ai hỏi Nhân hồi đó hoặc con Nhân bây giờ : thích những ai ? tất lúng túng không biết trả lời ra sao.

Chẳng thân với ai hết, có lẽ không chịu ảnh-hưởng gì ? Nhân chưa chắc vì không nhớ nổi, chỉ vài năm sau, lên lớp nhì, lớp nhất tiểu-học mới biết chú ý để ngày nay xét lại. Mỗi lớp, mỗi trường đều có những đặc-điểm tùy theo giai-cấp trình-độ tư-cách đa-sốhọc sinh và đường lối dạy bảo của thày : con nhà nghèo hay phong-lưu, nhiều trẻ lớn hay trẻ nhỏ, đua nhau học hay nghịch và ăn quà, nói tục hoặc yên lặng ngoan ngoãn... Nhân không thuộc hạng hỗn xược. nhưng vì nhiều bạn thường quấy rồi ầm ĩ, nên có khi Nhân reo hò với chúng trong giờ học. Bởi phần đông gọi thày là « lão » và nói các tiếng lóng, Nhân cũng khen « lão Kính » giỏi, trách « lão Thịnh » cho nốt nghiệt, chê bạn này là « lọ » (lổ lăng), « hắc » (xấu tính). Rồi càng lên lớp trên, càng lớn tuổi càng thấy cần cho hợp-thời và tránh ác-cảm của các bạn : không thể mặc đồ ta khi hầu hết bận âu-phục, để đầu bù khi 3o trong 4o mớ tóc trong lớp bôi dầu chải mượt : cũng như Liễn ngày nay đeo đầy dây cao-su ở cổ tay và không chịu đội mũ khi các bạn phơi đầu hớt ngắn dưới nắng chang chang. Ở lớp tú-tài hay lên đại-học, sự đua đòi về bề ngoài nhiều hơn cả, vì nhiều nhu-cầu mới nẩy ra cùng với chứng cá và râu lún-phún của tuổi dậy thì. Ngoài sự cạnh tranh lặng lẽ ở lớp học, còn có sự kèn cựa do lòng tự-ái kích thích trước phái đẹp và giữa phái khỏe đầy những « tình địch có thể » ; cho nên tính hiếu-thắng loè loẹt trên chiếc cà-vạt phất phơ, nở phồng trên những bắp thịt chỉ muốn khuỳnh, in nếp trên bộ quần áo « này trông có được không ? » hoặc rền rĩ trong tiếng ca theo đĩa hát. Những sự kể trên, thiệt quả không ai dạy ở nhà, chẳng ai xúi giục ra miệng ở ngoài, nhưng toàn là kết-quả sự chung đụng ở học-đường và giữa giới bạn học : ảnh-hưởng chung này ngầm ngầm nhưng mạnh mẽ, tùy thời thay đổi hình-thức, song bao giờ cũng hiển hiện để đánh dấu cả một tầng lớp hay một thế-hệ.

Còn ảnh-hưởng riêng của từng bạn và đối với từng người ? Nhân thấy cần phân biệt xem ai gây và ai chịu ?

Trong đám thiếu-nhi thanh-niên cùng lớp, một vài người là học-trò tốt, dăm ba kẻ xấu, còn đa-số nhì-nhằng về mọi phương-diện.

Những người học khá, lắm khi không được ưa chuộng : hoặc bị ghen

ghét vì thày khen thưởng, hoặc thường chỉ cắm đầu vào sách vở, chẳng biết chơi thì còn chi đáng thích ? Thiếu-số này chỉ nêu gương sáng cho nhau và đua ganh với nhau mà thôi, chớ ít khi có sức hấp dẫn lôi cuốn.

Điều-kiện này, khổn thay, lại thấy ở nhiều kẻ thuộc hạng lười biếng nghịch ngợm. Công chẳng mấy khi thuộc bài, nhưng đá cầu rất giỏi, được các bạn gọi là Cao-Cầu Thủy-Hử : Cao-Cầu ta lại nói chuyện có duyên, ở trong lớp rủ rỉ sì sào khiến cho lắm anh khúc khích cười và bị phạt lây. Lương đội sổ luôn, gây nhiều thành-tích bất-hảo song lại được các bạn thấy hài-hước thú-vị : bắt ve sầu thả vào lớp để thày la thét, bỏ châu-chầu vào các lọ mực để chúng bay ra hội họa trên tường, cắm pháo vào hậu-môn con ngựa buộc ở vỉa hè rồi dùng kế hỏa-công cho xích-thổ chạy lồng khiến mọi người sẳng sặc. Những kẻ đó rủ được khối bạn theo, hoặc chẳng theo và lành như Nhân cũng phục ngầm là có gan dạ mới dám làm việc bị cấm.

Ba phần tư hoặc hai phần ba các lớp thuộc hạng « quần-chúng » làng nhàng, học không hăng, chơi không giỏi, thiếu cá-tính đặc-biệt, dễ nghiêng ngả a dua. Noi gương tốt thì bao giờ cũng khó nhọc, vì phải biết giữ gìn, chịu nhịn, ép mình tuân kỷ-luật và giáo-huấn. Có theo, thì theo những sự dễ dàng, như trêu cợt, chòng ghẹo, nô đùa, trốn học. Họ chán và sợ những sự thắt buộc khó khăn, dễ nghe lời rủ rê buông thả của hạng thứ hai « đầu têu » mách nước : muốn được nghỉ, nói dối phăng là mắc bịnh, muốn khỏi nhịn quà, tạ sự phải đóng góp ở trường để nài tiền cha mẹ... Mà cách quyến rũ hiệu nghiệm nhất là khiêu khích tự-ti mặc-cảm : Năm tuy chẳng phải học-trò tồi, cũng không có nết xấu đáng trách, nhưng hơi ngả về phía Tĩnh, một kẻ trí trá và biết lắm truyện lạ lùng để kể vanh vách ; hỏi vì sao biết, Tĩnh bảo phải rong chơi la cà nhiều ngõ ngách trong thành-phố ; rủ đi thì Năm tuy phục chẳng dám theo. Tĩnh giễu ngay là kẻ nhát gan nơm nớp bị các « lão » (thày) phạt và các « via » (cha mẹ) quở mắng, sợ quá ma cọp : Năm ức, theo liền. Sinh cũng ở trường-hợp tương-tự; thi tú-tài xong, Lẫm mời đi khao nhảy một chầu rồi lôi nữ-ky-binh đi chơi suốt đêm ; Sinh không có định kiến gì, song còn ngần ngại trước sự mới lạ, Lẫm cười và khẽ bảo anh em khác : thôi, mặc hạng người vô-dụng, gái có thấy cũng khinh thường «Lý-Toét » ; Sinh bực mình, nhận lời, và sau đó, còn làm quen hết đào nầy đến đào khác để Lẫm biết tay, nhưng rồi mắc thói trăng hoa, thi năm đầu đại-học rớt liền bốn khóa, không kể nhiều hậu-quả khác đau xót về lâu dài.

*
* *

Tóm lại, Nhân rút kinh nghiệm, thấy như sau :

Trẻ nhỏ (có lẽ cũng như người lớn) chỉ theo những kẻ mà chúng

thích và phục. Nếu đã ưa, thì ưa cả cách chơi, cách nói, cách ăn ở, thành ra từ chỗ ham chơi lãng học, còn đi tới thói ở bẩn vì hay lê la, nói tục cho dễ vui cười, nói dối để có dịp và kiếm phương-tiện rong chơi . . . Còn phương pháp lôi cuốn, là sự trổ tài và lựa lời khiêu khích tự-ái.

Nhưng chính lòng tự-ái lại khiến kẻ học khá không chơi với hạng kém mình : đã khinh trong bụng, thì ai thèm bắt chước ? Nhân đã ở tình-trạng đó, nên dửng dưng trước mọi trò của Cồng. Vậy thì bí-quyết để phòng tránh sự lây bịnh, phải chăng là gây tính hiếu học, bằng cách này hay bằng cách khác, và hướng tự-ái về phía lành mạnh ?

Nhưng vì sao cha anh xưa kia đã khiến được Nhân ham học nhiều hơn ham chơi ? Đó là điểm tối-yếu, ai dạy con cũng đều mong muốn như thế.

Có lẽ vì tôn-trưởng hàng ngày dăn bảo thúc đẩy, ngợi khen quí mến những con cháu học khá, chê bai mắng mỏ luôn luôn những kẻ lười biếng, nghịch ngợm, hỗn xược : nên Nhân có ý-niệm rõ rệt về sự gì cần làm, sự gì phải tránh.

Song Tôn, anh họ Nhân, cũng ở hoàn - cảnh gia - đình tương - tự, mà vẫn sao nhãng việc học, không nghe lời người trên ; đe dọa, đánh đập, dỗ dành Tôn cũng không ích gì. Phương-pháp của các cụ, hiệu nghiệm đối với Nhân, xem chừng không thích-hợp đối với Tôn.

Nhân thân hình nhỏ bé ít chạy nhảy nô đùa ; còn Tôn mập mạp hiếu động, khó ngồi yên chú ý, cứ phải lăng quăng kiếm đồ tìm cách nghịch, cầm trò này thì bày trò khác, thành ra khi gặp bạn rủ, Tôn quên cả học, mà đã ham chơi thì hay cãi nhau, rồi văng tục, nói nhảm, ở bẩn lem luốc v.v... chính là trường hợp Liễn.

Theo một vài phương-pháp mới, Nhân đã thử cho Liễn vừa học vừa chơi : các mảnh gỗ có chữ để học... xem tranh để nhận ra tên các giống vật. . . Liễn đỡ nản hơn là đọc sách và do đó cũng dễ hiểu biết. Song đến trường lại mải theo trò khác, không thiết những trò mà Nhân nghĩ là có ích.

Xét hỏi, mới rõ Liễn đua thả diều với Cung, đánh quay như Tồ, hì hục cắt hình vẽ trên các báo như Lâm. Nhân sực nghĩ ra : nó ham chơi với mục-đích kịp bạn, cũng là một trạng-thái tinh-thần thể-thao ; muốn nó khỏi bắt chước, thì cần cho nó đồ chơi gì hoặc trò gì khiến nó vượt được bạn. Nhân bèn mua cho bộ « Evereto » và bảo Liễn : tập xắp những mảnh gỗ thành hình chim hình ngựa rất khó, làm nổi thì không khác một kỹ-sư nhỏ, và chơi như vậy « cừ » và « oai » hơn thả diều, đánh quay, bắn bi. Quả-nhiên Liễn hì hục ở nhà với đồ mới, và độ hai tháng sau, thấy số điểm trong lớp tăng hơn : thì ra lên trường không mãi mê và bận óc đăng trí về « những trò rất tầm thường » của các bạn, không thèm « chơi cờ carreau trộm » để bị thày phạt nữa :

Đặc-tính hiếu-thắng đó, một khi khám phá ra, cần được lợi dụng triệt-

để. Nhân cho con chiếc đồng-hồ báo thức đã cũ kỹ, bảo tập tháo ra lắp vào trong những ngày giờ nghĩ; Liễn có thêm một trò hữu-ích để hí húi ở nhà và chán những trò vô-vị ở trường, lại vui lòng nhận điều-kiện làm thêm tính đố và tra tự-vị kỹ hơn những chữ khó ở bài bọc. Rồi nhiều bạn nhỏ thì thụt tới nhà luôn, để trồ mắt và hỏi han tíu tít về máy móc, lại nhờ cả Liễn giải hộ bài đồ chữ, vì tin rằng kẻ lắp được đồng hồ tất làm được các việc khó khăn vui thích, mặc dầu Liễn đã bị liệt vào hạng học chăm.

Nói một cách khác, Liễn đã từ hàng ngũ sẵn sàng theo đòi, bước lên địa vị kẻ được phục được thèm để bạn khác bắt chước, với một ưu điểm ít thấy ở những học-trò tốt : *biết chơi*. Sự thiếu kém của kẻ siêng-năng đã được bổ-khuyết, để gây thiện-cảm. Nhân hy vọng rằng nếu theo đà này, thì nhiều trẻ khác ngoan ngoãn chăm học có thể giành lại vai trò dẫn đạo mà mấy chục năm qua những kẻ lười biếng nhưng tinh quái đã thoán đoạt để lôi cuốn bạn xa con đường sáng : những Cồng-Quỳnh cần nhường bước cho những Lê-Quí-Đôn, song Lê-Quí-Đôn phải biết hấp dẫn.

*
* *

Nhân vẫn chưa hết thắc-mắc : bây giờ Liễn còn nhỏ, thúc cho chăm học, bớt chơi, đỡ hư, cũng đã đáng mừng. Song rồi ra Liễn nhớn hơn, liệu phương pháp của Nhân sẽ còn kiến hiệu không ? Vì sẽ nẩy ra những nhu-cầu và những sự-kiện mới, khi Liễn 17,18 tuổi...

Dĩ-nhiên khi đó cha mẹ không thể nào kiểm soát mãi từng hoạt-động, cũng phải thả lỏng hơn cho có nhiều bạn hữu vì cần tiếp xúc để tập nhận xét, biết tâm lý các thanh niên cùng tuổi và cùng ra đời : hiểu người tốt để cố kịp hoặc hơn người xấu để liệu cách để phòng hoặc đối phó nếu cần.

Nhưng để cho giao du nhiều, lỡ ra bị lôi cuốn thì sao ? Những sự dại dột của trẻ nhỏ không đáng ngại bằng những lạc lầm của tuổi 20. Vì một đằng Liễn sẽ tưởng là mình khôn lớn rồi, có khuynh-hướng thoát ly phụ quyền, đằng khác bị kích thích bởi những đòi hỏi của huyết mạch, thèm ăn ngon, mặc đẹp, tìm vui, mơ tưởng sắc đẹp ; mà xác thịt thường mạnh hơn lý-trí nếu gặp cơ hội cho buông thả : các cơ hội đó sẽ không thiếu trong một hoàn cảnh đầy sự quyến rũ, giữa giới bạn hữu thường thường tốt ít xấu nhiều.

Nhân đã từng trải giai-đoạn nguy hiểm đó vì sao thoát được nếu để kìm hãm những sức mạnh kia, không có sức mạnh và lành hơn ? Nhờ bạn tốt, nhờ ai, hoặc cái gì ?

Bạn, thì khác với hồi nhỏ, quả là có kén chọn một số người, song không theo những tiêu chuẩn của thày hoặc cha chú mách, nghĩa là không lựa toàn những người thiệt giỏi hay thiệt tốt để noi gương. Vì thực ra, khó lòng thấy ai đủ những điều kiện thông minh trung hậu, ... như ở trong sách

để kết nghĩa vườn đào ; vả lại, nếu có những nhân-vật ấy, chưa chắc người ta đã thèm chơi thân với mình, vì lý-do này hay lý-do khác. Hơn nữa, có người tuy ít tài đức nhưng đối với mình lại nhiều thiện-cảm, không lẽ xa lánh họ, khi mình chẳng hơn gì ? Thành thử chúng bạn phần đông là những người do « số mệnh » đưa lại cho, có kén cũng chỉ một phần nào mà thôi : đừng ai tỏ ra xấu hẳn, còn thì cũng phải đi lại, nói cười cho cuộc đời vui vẻ hơn. Nhân chẳng chịu ảnh-hưởng gì đáng kể của những bạn này.

Còn đối với dăm bảy người có thể coi là thân mật, thì sự lựa chọn đã theo một đường lối chủ-quan. Hợp nhau về một vài điểm nào đó, rồi kết với nhau để chia xẻ buồn vui, hoặc giúp đỡ lẫn nhau, chớ chẳng phải để bắt chước nhau, hoặc xúi giục nhau. Cồng và Nhân vẫn thích tiểu-thuyết và điện-ảnh, hai người cùng đọc cùng xem chớ không ai mách bảo ai ; Lung cũng ôn-hòa như Nhân, nên mến nhau, chớ đâu phải theo gương Lung mà Nhân có đức-tính đó ? Có đồng-khí đồng-thanh thì mới tương cầu tương ứng, chớ đâu phải tương cầu tương ứng rồi tạo cho nhau thanh-khí ?

Như vậy, liệu có ảnh-hưởng lẫn nhau được không và như thế nào ? Nhân cũng thấy cần phân biệt. Chơi với nhau gần hai mươi năm rồi, Cồng chẳng khuyên được Nhân chừa thuốc lá, hoặc rủ được Nhân đánh mà-chược. Nhân cũng chẳng can ngăn nổi khi Cồng mê say một vũ-nữ không thực tình. Nhưng hai kẻ vẫn thường hỏi nhau và nghe nhau mà sửa đổi về đường lối nghệ-thuật. Vì sao vậy ? Ưa nhau, trọng nhau về hội-họa văn-chương, nên chỉ sẵn lòng tin nhau ở phạm-vi đó và càng thúc đẩy nhau sáng tác. Nghĩa là dễ dàng khiêu cho mạnh hơn những đồng tình sẵn có, nhưng rất khó chấm dứt những thói gì đã trót đa mang hoặc chỉ thấy riêng ở một người, cũng không gây nổi những tâm-trạng và xui những hành-vi chưa từng có mầm mống ở bạn.

Nhân có cảm - tưởng rằng, thực ra nghe bạn ít hơn là nghe chính mình : khi phân vân trước một vấn-đề đưa hỏi Cồng, Nhân đã thấy lờ-mờ hai ba giải pháp trái ngược, Cồng biện thuyết chỉ để xác nhận cho Nhân một cách rõ rệt hơn, Nhân cũng đã có ít nhiều khuynh hướng để xiêu xiêu, rồi Cồng mới đẩy được cho ngả hẳn về một phía mà quyết định. Trái lại khi Cồng uốn ba tấc lưỡi ca ngợi vui thú của mà-chược, Cồng vấp phải một vạn-lý trường - thành : từ nhỏ, Nhân đã được cha anh in sâu vào óc những tai hại của cuộc đỏ đen, và chính Nhân nóng tính hay sốt ruột không thể ngồi hàng giờ mà xoa những cục xương loạt xoạt.

Tuy-nhiên, những nhận xét kể trên hình như không đúng ở trường hợp Thịnh ? Nhân chưa hiểu vì lẽ gì trong nhóm bạn thân Cồng, Lung, Thịnh, Lý và Nhân chỉ có Thịnh bị Lý lôi cuốn vào những chủ-nghĩa cực-đoan, không chối từ bạo động, muốn lật đổ hết các

tổ-chức cũ với cuồng-vọng tạo-lập ở thế-gian này một thiên đường huyền hoặc : mặc dầu Thịnh rất nhu mì, khi năng đi lại với Nhân hoặc Lung, thì vẫn tỏ ra điềm đạm, nhưng sau một hồi gần gũi Lý nhiều hơn, Thịnh ưa đọc sách báo cách mạng. Thịnh vốn là một cậu ấm sống đầy đủ êm đềm tự nhỏ, nên không thể ngờ rằng Thịnh sẵn có khuynh-hướng chọc trời khuấy nước để Lý chỉ việc lay động cho nghiêng ngả. Ngẫm kỹ, Nhân nhớ lại Thịnh hiền lành nhưng thiếu xét đoán, không có ý-kiến lập-trường riêng mỗi khi bàn luận, không có nguyên tắc nào vững để dựa vào nên dễ bị kéo đi, Thịnh thường được các bạn nhận là « dễ tính, thế nào cũng được ».

Phải rồi, chính vì tâm hồn Thịnh như một thuyền không lái, không có hướng đường nhất định, lênh đênh tùy gió cuốn phương nào thì lao về phương ấy. Ngược lại, những lý thuyết đảo lộn xã-hội của Lý đã đụng chạm nhưng không rung chuyển được tín-ngưỡng của Lung, ý-niệm tự-do cá nhân của Công, và nền nếp hiếu thuận của Nhân.

Như vậy, muốn bảo vệ cho Liễn sau này, phải tạo cho nó một lý trí sáng suốt để xét đoán tinh - tường, và xây dựng một nền tảng lý - tưởng vững vàng. Nó cần tập nhìn, tập nghĩ, tìm hiểu tâm lý và sự vật, tóm lại, vẫn là học theo những phương - pháp thiết thực ?

Tuy nghĩ thế, Nhân vẫn chưa hài lòng : ý - kiến của Nhân, bao nhà giáo-dục mô - phạm đã nghiền ngẫm xưa nay và tìm cách áp dụng, song thực ra chưa ai dám quả quyết đảm bảo kết-quả đối với tất cả các hạng người. Khối thanh-niên được dạy dỗ để tới trình-độ trí-thức rất cao ; nhưng có khi học giỏi, đậu thạc-sĩ, triết-học, làm giáo-sư, làm văn-sĩ, chỉ để phá hoại một cách nguy-hiểm hơn những nhân-bản mà gia-đình bao năm bồi đắp hộ ; để la hò cùng thiên-hạ rằng cha anh đầy rẫy thành-kiến, phản tiến-hóa, gây nên một xã-hội phi-lý v.v...

Những vị đó chẳng chịu ảnh-hưởng xấu tốt gì của chúng bạn, nhưng còn lôi cuốn họ vào những con đường phiêu-lưu đáng sợ.

Mà dẫu con em không tới mức « bách-gia chư-tử » thời mới, Nhân cũng không thể chắc chắn hướng dẫn mãi được theo nhân-sinh-quan riêng của cha mẹ, khi nhân-loại bước vào một giai-đoạn khủng-hoảng mà tất cả các lý-tưởng với các giá-trị tinh-thần bị đem xét lại trong sự kiêu-hãnh, và bôi nhọ là khác.

Nhân hơi buồn.

Song Nhân chợt nhớ, nên tìm và đọc lại mấy câu trong cuốn gia-phả của ông nội soạn thảo, đại-ý như sau :

« Thánh hiền thuở trước rồi ra có
« lẽ chẳng được tin theo nữa ; gia-
« phong bao đời hun đúc, có thể suy
« tàn ; đời người sẽ tùy văn-minh đổi
« mới. Đó là lẽ thịnh suy biến dịch
« của trời đất.

« Nhưng mà con cháu sau này, dù « tài giỏi gấp mấy ông cha, nếu không « nhớ ơn thì cũng biết thương tiền- « nhân, thương cha mẹ là những « người dẫu kém vẫn trọng hiếu để « liêm sỉ. Con cháu đừng nên nói gì « hay làm gì khiến người trước có thể « đau lòng. Bởi các đời trước đều « nghĩ thế, cho nên trải bao mưa nắng, « trong nhà ta già trẻ trên dưới đều « được an vui, âu cũng là phước trời « vậy ».

Nhân cũng thấy ông mình nói phải, Nhân cố dạy con cho giỏi, nhưng dạy gì chăng nữa cũng không bằng nuôi lấy tình thương. Yêu mến để biết nghe lời, kính nể để tránh làm bậy, cha mẹ còn hay mất vẫn thương, lúc nào cũng dễ xót xa : còn giữ được thiện-căn đó, thì dù lâm vào cảnh nào, thuộc giới nào hay ở thời nào, cũng khó bị lý-thuyết ngỗ ngược hoặc ảnh-hưởng gì xô vào đường tội ác. Đã còn thiên-lương đó, không thể vì bạn, vì người chung quanh, vì những kẻ xúi bẩy từ phương xa, mà làm cực lòng cha mẹ. Mấy ngàn pho sách chưa chắc công hiệu bằng một chữ hiếu ; nhân-tâm và thế-cuộc loạn phần lớn vì tình thương cạn từ nguồn gốc con người.

Nhưng tuy cùng cha mẹ, và cùng được yêu thương, các con mỗi kẻ một bản-tính, lương-năng ở mỗi người ít nhiều khác nhau, và do đó, hiếu thảo cũng tùy mỗi trẻ mà nhiều ít : anh em Nhân còn thế, huống chi các con Nhân ? Gia-phong rất tốt, song chỉ có thể truyền thụ dễ dàng đối với những kẻ mà lòng thương kính đáp lại tình yêu của cha mẹ, có thể khơi động dồi dào. Còn sức gì mạnh hơn nữa không, để phù trì cho những tâm hồn thơ dại tránh bước hiểm nghèo sa ngã ?

Bạn Lung, cha mất sớm, mẹ hiền lành biết thương mà không biết dạy bảo, nhưng đã gây cho Lung đức-tin từ nhỏ. Chính Lung cũng nhận rằng đó là một điều may mắn nhất trong đời Lung, vì giá thử chỉ có sự nuông chiều ủy-mị của mẹ, tất Lung đã hư hỏng rồi : Lung chẳng rõ gia-phong của tổ-tiên ra sao mà theo. Ở nhiều dịp, Lung đã bị quyền rũ rất khéo hoặc rất mạnh để định lừa dối, làm những việc nhơ nhuốc, gây tai hại, và Lung đã sắp ngã nhất là yên trí rằng giá mẹ biết thì cũng sẵn lòng tha thứ. Lung không nỡ làm buồn lòng mẹ, song những ma - lực chung quanh lôi cuốn Lung, rất khó cưỡng. Đến phút cuối cùng, Lung sợ vi-phạm những luật thiêng-liêng và phải cầu cứu đến sức bí-huyền siêu - việt, con người hèn yếu của Lung mới thoát nạn nhiều lần.

Nhân thấy trường-hợp của Lung rất đáng suy - ngẫm, và cũng mong muốn cho các con được một tín-ngưỡng cao-siêu phù trợ đắc-lực hơn là gia-giáo với phụ-quyền.

Đ. T.

CÁO LỖI

Vì lý do ngoài ý của chúng tôi nên bài « **Thông-thương và chiến-tranh giữa người Hòa-Lan và xứ ta** » (*Thế-kỷ thứ XVII và XVIII*) của Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu phải để tới kỳ sau.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

B. K.

GIẢI THÍCH BỐN CHỮ

LỄ, NGHĨA, LIÊM, SỈ

Nguyên-văn bạch thoại
của
NHẬM-GIÁC-NGỦ

Thúc-Hạ BÙI-LƯƠNG
(trích dịch)

Lời dịch giả

Bài này là một thể văn diễn giảng, tác giả làm từ năm Trung-Hoa dân quốc thứ 27 (1938). Kể thời gian tuy đã khá lâu, nhưng tôi nghĩ vẫn không mất thời-gian-tính. Vì mục-tiêu bài này là nói về Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ là bốn giường-mối của xã-hội nhân quần. Vốn là một thứ giáo-điều mà Trung-Hoa và nước ta vẫn tôn trọng xưa nay, coi như khuôn vàng thước ngọc.

Hơn nữa, bốn giường mối ấy vừa là mực thước để tu thân, lại là khuôn mẫu để trị quốc.

Vậy tuy rằng : bốn chữ ấy mang tên « Cổ » mà công-dụng vẫn thích-ứng với « Kim »... Nên tôi trích dịch ra đây để cống-hiến các bạn đọc, tưởng cũng không phải là vô-ích vậy.

T. H. B L.

NHƠ lại hồi Tân-vận hội ở Nam-Kinh mới thành lập vào khoảng Dân-quốc thứ 23. (1934) có một số bạn hữu, đối với lời giải thích bốn chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ trong tập : Tân sinh-hoạt vận-động cương-yếu của Ủy-viên trưởng, (tức Tưởng-Giới-Thạch) không hiểu rõ cho lắm. Bấy giờ có ít người dù tin chắc rằng : vị lãnh tụ đã nói, tất có kiến thức rõ ràng chân xác, song không hiểu cái rõ ràng chân xác ở đâu. Chí giả rất tiếc rằng không thể giải đáp rõ ràng, tường tận với các bạn ngay lúc đó.

Vì thế chí giả quyết tâm nghiên cứu ngay vấn-đề ấy, liền đem các loại sách cổ với sách Quản-tử (1) giải thích chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ; đều thu-thập lại, rồi tổng hợp và nghiên cứu. Mới hiểu ra rằng : những lời Ủy viên trưởng đã giải thích ở trong tập Tân vận cương-yếu, là tổng-hợp hết thảy phần tinh hoa của những lời giải-thích cổ thời, mà lại còn bổ sung, phát-triển thêm rõ nữa. Không những thế, xem lời giải thích của ông rất là bình dị nghiêm chính, đã đúng với sự yêu cầu, của thời đại, lại hợp với phương-pháp khoa-học.

(1) Tức là Quản-Di-Ngô, quen gọi là Quản-Trọng, tướng quốc của Hoàn Công nước Tề, làm cho nước Tề giầu mạnh.

Vì thế làm cho chí-giả nhớ lại khoảng trước năm Dân quốc thứ 20, mình đã dùng cái thì-giờ trong vài năm, để tâm nghiên-cứu Vũ-trụ lý-luận để đả phá những thuyết sai lầm của những Duy vật luận, Duy tâm luận cùng Nhị-nguyên luận mà thiết lập ra cái thể hệ « Duy sinh luận ». Nhưng kết luận cũng không ra ngoài ý nghĩa mấy câu của Tổng lý (tức Tôn Văn) đã nói ở trong tập Quân nhân tinh thần giáo-dục như sau này :

« Tinh-thần tuy là đối tượng với « vật chất, nhưng kỳ thực giúp đỡ « lẫn nhau để thành công. Xét lại « thời-đại về trước khoa-học chưa « phát minh, thường cho tinh-thần « với vật chất là phân ly nhau một « cách tuyệt-đối, nhưng không biết « rằng hai thứ vốn là một ».

Vì thế tôi càng tin rằng : một nhà lãnh-tụ cách-mệnh sở dĩ vĩ-đại, không những ông có thể sáng tạo cái sự nghiệp phi-thường, lại còn có thể sáng tạo cái tư tưởng phi-thường, để đạo-dẫn cho cái sự nghiệp ấy.

*

Cái mục-đích cuộc nói chuyện hôm nay, là căn cứ ở lời giải thích bốn chữ Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ ở trong tập Tân-vận cương-yếu, hết sức dùng phương pháp bình-dị mà thuyết-minh ra, để các bạn dễ hiểu một cách minh-bạch, để rồi thể nghiệm và thực-hành.

Để mục này tôi đã từng diễn giảng hồi Dân quốc thứ 24 tại An-Huy, hồi 25 năm ở Tổng đội tập huấn học sinh tại Tứ-Xuyên.

Hôm nay vì các vị thính giả đều là bạn chiến tuyến cách mệnh, tôi lại đem cái kiến-giải cá-nhân của tôi ra, để thỉnh giáo cùng các vị.

Trước hết xin lập nên một cái biểu để các vị dễ hiểu.

	LỄ
A —	Các nhà giải thích : Lễ mạo — Nghi thức
B —	Quản tử giải thích : Lễ là : không vượt quá cái mực thước.— (không vượt quá mực thước thì địa vị người trên được yên)
C —	Ủy viên trưởng giải thích : Lễ là lý — Là cái thái độ có quy củ — Là biểu hiện của hành vi — Hành vi của người rõ rệt ở lễ.

	NGHĨA
A —	Các nhà giải thích : Nghĩa khí — Công việc hào hiệp
B —	Quản tử giải thích : Nghĩa là : Tự mình không tiến hành công việc một cách táo bạo — (Tiến hành công việc không táo bạo thì dân không sảo trá).
C —	Ủy viên trưởng giải thích : Nghĩa là hợp nghi — Là công việc chánh đáng. Lý tiễn của việc làm — Công việc của người thực hành ở nghĩa
	LIÊM
A —	Các nhà giải thích : Trong sạch — Không lấy bậy và cho bậy
B —	Quản tử giải thích Liêm là không giấu ẩn sự xấu (không giấu ẩn sự xấu thì tự nhiên đức hạnh được hoàn toàn).
C —	Ủy viên trưởng giải thích : Liêm là rõ ràng — Là phân biệt rõ ràng trắng đen. Là hướng đạo của việc làm — (Công việc của người rõ ở liêm).
	SỈ
A —	Các nhà giải thích : Biết xấu hổ — Mình lỡ làm sự xấu mà biết hổ thẹn
B —	Quản tử giải thích : Xấu hổ là tự mình không theo đường lối bất chính — (Không theo đường lối bất chính, thì việc gian tà không nảy nở ra)
C —	Ủy viên trưởng giải thích : Sỉ là : Hiểu biết rõ — Là sự giác ngộ thiết thực — Là động cơ của việc làm — Công việc của người phát sinh ở sỉ.

Nay thử đem so sánh ba thuyết xem.

Thuyết A giải thích lễ là lễ mạo... nghĩa là nghĩa khí... vân vân. Lối giải thích như thế, tuy không thể nói là sai lầm, song ý nghĩa không đầy đủ, và không liên lạc với nhau.

Lời giải thích của thuyết B, so với thuyết A thì ý nghĩa có phần đầy đủ hơn, và còn có liên lạc ít nhiều như ông nói: « Lễ là không vượt quá mực thước. Nghĩa là tự mình không tiến hành công việc một cách táo bạo ».. vân vân. Gọi rằng Lễ là không vượt quá mực thước — Tiếng mực thước đây có nghĩa là : một thứ tiết độ, một thứ khuôn phép như : pháp luật của nước nhà, trật tự của xã-hội, kỷ luật của quân đội, hệ-thống của công-vụ, đều là ý nghĩa ấy cả.

Đã biết giữ pháp luật, trọng trật tự, nghiêm kỷ luật và tôn hệ thống thì xã-hội tự nhiên ổn định, người lãnh đạo tự nhiên có thể vững vàng mà làm công việc cai trị nhân dân. Nên Quản-tử lại nói tiếp theo : « không vượt quá mực thước, thì địa vị người trên được yên ».

Gọi rằng : « Nghĩa là tự mình không tiến hành công việc một cách táo bạo » —Tiếng táo bạo đây có nghĩa là : nóng nẩy, không suy nghĩ kỹ lưỡng, tự mình quá chủ quan. Vì một số các người nghĩa hiệp, thường thường bị nghĩa khí xung động, cậy ý chí của mình mà làm ngang, kết quả thành ra xúc phạm vào pháp thuật công cộng, hóa nên có hại cho Xã-hội. Nên chữ « Nghĩa » cốt yếu phải lấy sự tự mình không hành động táo bạo làm phạm vi. nếu không thì chữ « Nghĩa » dễ bị lũ người sảo trá hiểu loạn lợi dụng mà phá hoại kỷ cương của xã-hội. Nên Quản-tử lại nói tiếp : « không hành-động táo bạo thì dân không xảo trá » (xin xem thêm đoạn « Nghĩa dĩ thực danh» trong tập «Lễ nghĩa liêm sỉ dữ vị danh hóa thọ » của tôi). (1)

Gọi rằng : Liêm là không giấu ẩn sự xấu. Câu này có nghĩa là : không những tự mình làm sự xấu, không nên giấu ẩn, mà cần phải biết ăn-năn, sửa-đổi. Ngay khi biết người khác làm việc xấu, cũng không nên che đậy hộ y, nên khuyên can y để lần sau chớ làm nữa. Hiện nay biết bao người thích khoe khoang cái liêm khiết của mình, nỗi túng thiếu của mình. Nhưng về thực tế thì chúng rất tham-ô, bởi có người tham-ô thích tìm cách che-đậy. Trái lại, những người liêm-khiết chân-chính thì không thích khoe-khoang.

Vì chúng hiểu rằng tại liêm-khiết nên nỗi túng thiếu, đó là « Cầu mong làm đạo nhân, đã làm đúng đạo nhân rồi. » Thế thì rất hả dạ yên lòng, còn việc gì phải oán trách, cần gì phải khoe khoang nữa ? Đó tức là ý nghĩa câu cổ ngữ « Đã chăm làm thì chớ kể nỗi nhọc mệt. Đã liêm khiết thì chớ kể nỗi nghèo nàn. »

Một cá nhân đã có thể đối với mình, đối với người không giấu ẩn sự xấu, như thế có thể kể là đã trọn vẹn hết bổn phận mình rồi. Nên

(1) Nếu có dịp, dịch giả sẽ dịch lần lần.

Quản-tử lại nói tiếp : « Không che đậy sự xấu thì tự nhiên đức hạnh được hoàn toàn ».

Gọi rằng : « Xấu hổ là tự mình không theo đường lối bất chính » — Chữ bất chính đây là thiên lệch. Một cá nhân biết cho sự « theo đuổi đường thiên lệch », « mà theo giòng nước bẩn chan hoà » là sự đáng xấu hổ, thế là người ấy đã làm đúng ý nghĩa chữ « Sỉ » rồi. Giống như một số quan liêu ngày nay lạm dụng thế lực ăn tiền làm giầu, phần nhiều được thế tục ngợi khen, còn như hạng người chịu vùi đầu vất vả, liêm khiết giữ mình, thì lại bị thế tục khinh rẻ. Ví phỏng mọi người không cho sự thế tục ngợi khen là vinh, sự khinh rẻ là nhục, thế thì làm cho xã-hội hư hỏng hết.

Cái tinh thần thơm tho, trong sạch của một số người liêm chính ấy có thể làm cho những tội ác trong xã-hội không quá nỗi nẩy-nở, lan-man. Nên ông lại nói tiếp theo : « Không theo đường bất chính thì việc gian tà không nảy nở ».

Tiết trên là Quản tử cắt nghĩa từng chữ « Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ ». Còn đến ý nghĩa liên lạc của bốn chữ ấy, thì Quản-tử đem bốn chữ ấy ví với bốn mối giường của nước. Ông nói như sau :

« Giường mối thứ nhất là « Lễ »
« giường ấy mất thì nước nghiêng lệch.
« Giường mối thứ hai là « Nghĩa »,
« giường ấy mất thì nước nguy ngập.
« Giường mối thứ ba là « Liêm, »
« giường ấy mất thì nước đổ sập.
« Giường mối thứ tư là «Sỉ», giường
« ấy mất thì nước ta tiêu diệt. Nghiêng
« lệch còn có thể sửa cho ngay được.
« Nguy ngập còn có thể làm cho vững
« được. Đổ sập còn có thể chồng lên
« được. Đến như tiêu diệt thì không
« còn có thể sửa chữa được nữa ».

Ý ông muốn nói rằng : « một nước
« ví như một tòa nhà. Lễ, Nghĩa, Liêm,
« Sỉ giống như bốn cây cột cái. Cây
« cột thứ nhất là « Lễ », mà không
« có, thì xã-hội mất tiết độ, tòa nhà
« ấy nghiêng lệch ngay; nhưng nghiêng
« lệch còn có cách sửa cho ngay được.
« Cây cột thứ hai là «Nghĩa», mà không
« có, thì xã-hội nhan nhản những
« người sảo trá, tòa nhà ấy nguy ngập
« ngay ; nhưng nguy ngập còn có
« cách làm cho vững vàng được. Cây
« cột thứ ba là «Liêm», mà không có,
« thì xã-hội đen trắng không phân
« minh, tòa nhà ấy sập đổ ngay ;
« nhưng sập đổ còn có cách chồng
« dựng lên được.

« Đến cây cột thứ tư, là «Sỉ», phỏng
« như không có, thì mọi người trong
« xã-hội rủ nhau làm sự xấu-xa,
« không biết hổ thẹn, thế là lương
« tâm của người đã chết hết, tòa nhà
« ấy bị hủy diệt ngay ; bây giờ không
« có cách gì cứu vãn được nữa. »

Theo như lời tự-thuật bên trên, thì chúng ta biết rằng : lối giải thích «Lễ nghĩa liêm-sỉ» của Quản-tử so với các nhà có phần tinh-mật hơn nhiều, vì những phương-diện sau này : 1 — Ông giải thích ý nghĩa với giá-trị của từng chữ. 2 — Ông nói rõ cái phần

khinh trọng của bốn chữ liên quan với nhau.

Song Quản - tử còn có mấy điểm thiếu sót là : 1 — Ông chỉ theo mặt tiêu-cực mà giải thích từng chữ một, chứ không giải thích theo mặt tích-cực như ông chỉ nói « không được quá mực thước là Lễ, chứ không nói phải như thế nào mới là Lễ, vì thế lời giải thích của ông có phần chưa đầy đủ. 2 — Ông chỉ thuyết minh một bộ phận của ý nghĩa từng chữ, chứ không chỉ vạch rõ ràng cái đường lối thực hành từng chữ. 3 — Ông đã bỏ sót cái quá trình của bốn môn đạo đức đã phát xiển ở trên tâm lý loài người, nên ông chỉ mới được cái phần khinh trọng của giá trị, mà không thăm dò đến cái nguồn gốc của sự phát động. 4 — Ông đã bỏ sót cái tính cách liên lạc của bốn môn đạo đức tu dưỡng, vì thế ông không đem cái đặc tính tốt đẹp sáng sủa từng chữ mà chỉ rõ ra.

(Còn tiếp một kỳ)

Thúc-Hạ BÙI-LƯƠNG

trích dịch

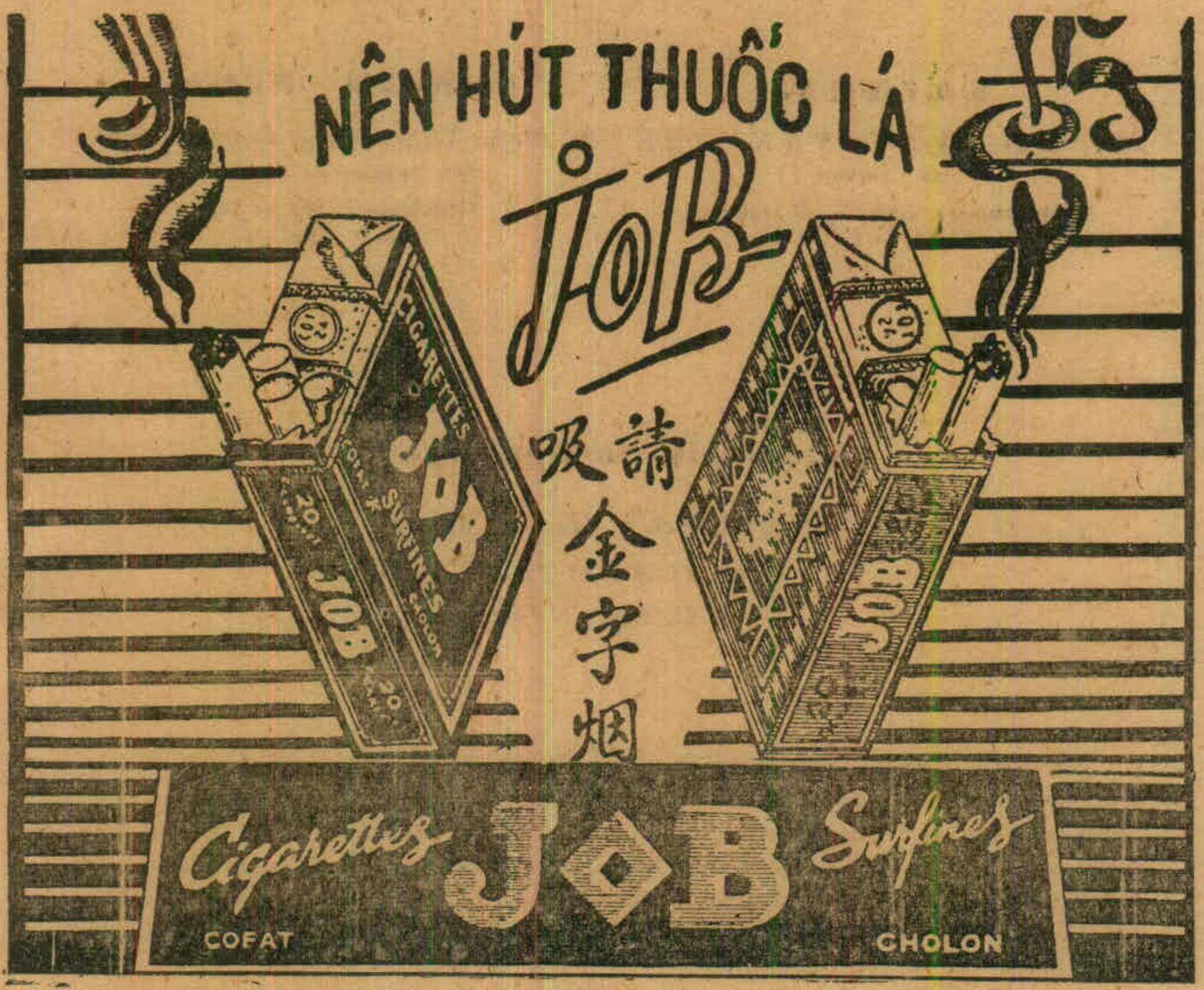

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE
pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 2.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A Queen's Road Central
Tel. 21.000 et 23.000
P. O. Box nº 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoire d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles. Colombie Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International), à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.).

Để phúc đáp một bạn đọc ở Long-Bình-Điền.

CHUYỂN-BIẾN TRONG CA-DAO

THUẦN-PHONG

SAU khi đăng bài « *Con Chuột theo quan niệm ta trong Văn Thơ* » trong Bách-Khoa, số Kỷ-niệm đệ tam chu niên, tòa soạn Bách-Khoa có nhận được và trao cho tôi bức thư đề ngày 28-4-1960 của một bạn đọc ở Long-Bình-Điền góp ý về một câu ca-dao dẫn trong bài Con Chuột. Thơ có đoạn viết :

Trong Bách-Khoa số 73 ngày 15-1-60 trang 25, có câu ca-dao :

Chuột kêu chút chít trong rương,
Anh đi cho khéo, đụng giường má hay !

Hồi còn sanh tiền thân phụ tôi nói cho tôi nghe hai câu ca-dao ấy lâu ngày người ta quên, nên nói sai ; trước kia là :

Vạc tre róc rách khó nương,
Anh đi cho khéo đụng giường má hay.

Vì rằng giường nằm lót vạc tre chẻ nhỏ, cũng gọi là « chõng tre », theo trong thôn dã có dùng...

Đây tôi hỏi để học, chớ chẳng có ý chi hết. Tôi nghiệm xét trong rương đâu có chuột ở.

Trước tiên, tôi xin hết lòng cám ơn ông bạn đã chiếu cố đến bài Con Chuột của tôi và đã chịu khó viết thơ về nhà báo trao cho tôi để góp ý cùng nhau học-hỏi.

Thưa phải, chúng ta ai cũng cần học-hỏi, bất câu với ai và bất kỳ lúc nào. Khiêm-nhường ông khéo nói rằng ông hỏi để học. Hỏi như thế là ông đã giúp cho tôi học thêm.

Từ thuở nhỏ, tôi đã học ca-dao với mẹ, với cha, với chị, lớn lên, tôi học tiếp

theo với đồng bào ở trên sông rạch và trong ruộng vườn. Câu hát trên võng và câu hò trong đồng quê đã dạy tôi thật nhiều, từ quan sát đến cảm nghĩ, từ thi-pháp đến văn từ. Bây giờ tôi có biết chi về dân tộc, về xứ sở, nhứt là về văn nghệ và đặc biệt hơn hết là thi nghệ, chưa kể dân ca, ấy là nhờ ở lối học truyền-khẩu trong câu hát, điệu hò. Hiện nay tôi còn hằng ngày tìm học trong câu hò, câu hát với mọi người và thừa mọi dịp. Cho nên tôi hết sức cám ơn ông đã giúp cho tôi một cơ hội học thêm.

Chép lại câu hát của lịnh tiên-nghiêm, ông bạn nêu lên một trường hợp đáng học hỏi trong ca-dao, nhứt là ca-dao miền Nam.

Thật vậy, nếu không chấp chứa từ-ngữ hình như có chỗ không được chỉnh lắm, chúng ta nhận thấy câu ca dao của ông sao lại thuộc về loại ca dao « thấy đâu nói đó, cảm sao nói vậy » có tánh cách thật thà, tả chơn, mà văn từ kim thời gọi là *hiện thực* còn ngày xưa người ta dựa vào KINH THI gọi là *phú* (1).

Nếu chấp nhận câu ca dao của ông thuộc về loại phú, thì chúng ta có thể chấp nhận đó là một câu hát đúng theo phương pháp hành văn của ca dao, mặc dầu có một ít tiếng không chánh xác lắm. Thật vậy câu hát đó đặt đúng theo nguyên tắc nhứt trí, về sau tiếp theo về trước chung quanh một chủ điểm, một đối tượng, là cái giường tre, nói đúng hơn là cái chõng tre. Câu da dao như thế là đã thoả mãn điều kiện sơ đẳng, mà căn bản, là « nhứt khái quân hạ »

Còn câu của tôi dẫn :

Chuột kêu chát-chít trong rương,
Anh ải cho khéo, đụng giường má hay !

thì thế nào ?

Đầu tiên, người ta nhận thấy, như ông đã chỉ trích, rằng trong vế đầu *hình như* quan sát không đúng sự thật, vì chuột nào có thể sa vào rương, thứ rương xe bự xộn chắc chắn ngày xưa ? Vế sau không tiếp theo ý nghĩa của vế trước, gây trong trí độc giả một bỡ ngỡ, một bất ngờ, vì đối-tượng ở đây là cái giường, không còn là con chuột nữa : câu thơ từ trên xuống dưới *hình như* không nhứt trí, không « nhứt thái quán hạ ».

Nhưng các điểm nhận xét trên đây có thể cho ta kết luận rằng câu hát nầy sai không ?

Chúng ta biết có rất nhiều câu hát đặt theo điệu câu ấy, chẳng hạn như :

— Mưa lâm dâm ướt dầm bụi hẹ,
Cám thương người có mẹ không cha.
— Trồng trầu mà lộn với tiêu.
Con theo hát bội, mẹ liều con hư.
— Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt thương bà bấy nhiêu.
— Gió đưa cây sậy nằm dài,
Ai làm em bậu buồn hoài không thôi.
— Giọt nước mắt rớt xuống cái đọp,
Lấy nắp hộp đậy liền,
Đôi đứa ta thương trộm, xóm láng giềng đều hay.

Trong vế đầu, mấy câu hát trên đây trình bày một cách nhận xét cụ thể và trong vế dưới diễn tả một sự trừu tượng. Ở trong âm nhạc ta, một bản đàn mở đầu bằng một câu rao. Ở trong ca dao, một ý niệm mở đầu bằng một hình ảnh, một sự việc trừu tượng đi sau một sự vật cụ thể là thường. Ở trong âm nhạc, câu rao có tác dụng

(1) X. Ca-Dao Giảng-Luận của Thuần-Phong, tr 8

cần thiết là *đưa hơi* ; ở trong ca dao, ý niệm mở đầu có tác dụng hữu ích là *gợi ý*, tức là *gây hứng thú* cho ý niệm theo sau, ý niệm then chốt : ý niệm mở đầu trình bày theo phương pháp tả chơn, tức là phép *phú* ; ý niệm theo sau nương theo hình ảnh mở đầu, do hình ảnh nầy mà tức hứng và diễn đạt theo phép *hứng*. Vậy những câu trên đây, cũng như câu tôi dẫn trong bài Con Chuột... đều thuộc về loại ca dao đặt theo hai phương pháp hỗn hợp : *phú và hứng* (1).

Vậy bây giờ trở lại câu hát :

Chuột kêu chút chít trong rương,
Anh đi cho khéo, đụng giường má hay !

Trong câu đầu, cô gái nêu ra một hình ảnh cụ thể : « Chuột kêu chút chít », dụng ý phải là nói thì thầm vào tai của người yêu một cách khéo léo, nhắc nhau cho nhớ rằng họ đương « mèo chuột », đương làm một việc trái với đạo thường : Chuột nào mà vào được trong rương, trai nào mà nhập vào phòng gái ? Đây là một việc bất thường, kỳ hi, nếu không muốn nói là « trật đời », không hề xảy ra trong thế gian. Song ở trong thực tế, đã có những hũ nếp không khéo đậy, để cho con chuột sa vào thì sao không có những rương xe, rương sắt để hở cho nó bò vô ? Người ta nói được và nói đúng :

Chuột sa hũ nếp,
Chuột sa chĩnh gạo, (tục-ngữ)

thì người ta có thể nói được và cũng có thể nói đúng :

Chuột kêu chút-chít trong rương...

Anh trai đã vào phòng cô gái cùng nhau rù-rì, thì chính anh trai là con chuột đột-nhập vào rương rồi đó ! Vậy thì cô gái, vốn biết mẹ sẽ thức, cố-nhiên khuyên nhỏ bạn lòng :

Anh đi cho khéo, đụng giường má hay !

Nếu sự trình-giải trên đây không được thoả-đáng, và nếu có người muốn khẳng-nhận câu nầy là đúng, câu nọ là sai, thiết tưởng người ta còn có thể trình bày vấn-đề dưới một góc-cạnh khác ; mà góc-cạnh nầy có lẽ là chánh-yếu hơn và có lẽ rất gần sự thật.

Thưa phải, có một sự thật mà chúng ta phải nhìn nhận, là ca-dao cứ luôn luôn *chuyển-biến*, từ thể-thức đến nội-dung. Ở đây, chỉ có nội dung là quan-hệ với ta, vậy nội dung chuyển-biến thế nào ?

Ở miền Nam nầy, đàn-bà con trẻ cứ hát luôn :

Gió đưa mười tám lá xoài,
Bến văn, bến võ có tài hát thi.

Vậy mà cũng có người hát :

Bảng treo ở chợ Cai Tài,
Bến văn, bến võ có tài hát thi.

Rồi người ta minh-giải : Chợ Cai Tài là một thị-trấn ở Tân-An, thuộc làng Nhơn-Thạch-Trung, tổng An-Ninh-Hạ, tọa lạc trên hữu-ngạn một ngọn rạch, cũng kêu là rạch Cai Tài là một chi lưu của ngọn rạch lịch-sử Nhựt-Tảo ; ở chợ đó, xưa kia đã có cuộc thi hát .. Minh-giải như thế, người ta cho rằng đây là một câu phương-ngôn, có tánh-cách lịch sử chỉ đúng với địa-phương nầy thôi ; còn họ cho là sai và vô ý nghĩa nếu ai hát :

Gió đưa mười tám lá xoài ..

(1) X. Thuần-Phong Kt, tr. 9, 10.

Có một chàng trai hát nhắn bạn gái :

Nước mắm ngon dằm con cá bẹ,
Anh biểu em rình lén mẹ qua đây !

Cô gái ở bên kia sông đáp lại :

Nước mắm ngon dằm con cá đối
Em biểu anh chờ, để tối em qua !

Một câu hát khác, có thể nói là phổ-thông nhứt ở miền Nam, được thiên-hạ hát khắp nơi nào có nhiều cá tép :

Ba phen quạ nói với diều :
Đi về sông cái có nhiều cá tôm.

Câu hát có khi hát là :

Đi về trại đáy có nhiều cá tôm,

Có khi hát :

Đi về Chợ Mới có nhiều cá tôm.

có khi :

Đi về Ông Chưởng có nhiều cá tôm.

và mấy năm nay còn nghe hat :

Ai về Cầu Sắt có nhiều xác Tây.

Ít câu hát trên đây cho ta nhận thấy câu hát chuyển biến không ngừng, ít nhứt là trong hai trường-hợp. Trong trường-hợp thứ nhứt, câu ca-dao chuyển-biến một cách vô ý-thức ; trường-hợp thứ-nhì, câu ca-dao chuyển-biến có dụng-ý. Dụng ý sửa chữa một câu ca-dao là khi nào người ta muốn cho câu hát thích-hợp với cá-nhân của mình với hoàn-cảnh của mình. Trái lại, vô ý-thức mà một câu ca-dao phải sai lạc ý-nghĩa hay văn-từ, là khi nào bị thất truyền, trải qua nhiều địa-phương, nhiều thế hệ.

Trở lại câu hát chúng ta đương học hỏi, nếu những luận-giải trên đây được chấp nhận, chúng ta có thể nói : theo phương-pháp hành-văn thì câu :

Chuột kêu chút-chít trong rương,
Anh đi cho khéo, đụng giường má hay !

là đúng phép phú-hứng ; còn theo tánh-cách chuyển biến của ca-dao thì câu :

Vạc tre róc rách khó nương,
Anh đi cho khéo, đụng giường má hay !

vẫn có thể không sai trong đại-thể.

THUẦN-PHONG

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

Spring

Thuốc thơm điếu dài :
"MÙA XUÂN"
HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ
GIÁ
BÌNH DÂN

DUC THU 60

TÔI DẠY CON TÔI NHƯ THẾ NÀO ?

✱ *THIÊN-GIANG thuật*

DƯỚI cái đầu đề nầy chúng tôi trích dẫn hai bài của hai tác-giả, hai phụ huynh, mỗi người một xứ, nhưng cả hai đều thừa nhận một cách thẳng thắn nhiệm-vụ tất yếu của hai gia-đình đối với giáo-dục. Cả hai đều không đề cập lý-thuyết giáo-dục mà chỉ theo lương-tri của mình để hướng-dẫn con cái. Mỗi người dùng một đường lối riêng, tựu trung đều nhắm mục-đích làm nầy nở năng khiếu trẻ con và giúp chúng xây-dựng tinh-thần trách-nhiệm.

Phần đông phụ huynh học-sinh đều qui nhiệm vụ giáo-dục cho trường học. Nhưng trường học ngày nay có làm được cái nhiệm-vụ quan-trọng đó không ?

Trong cuốn « La Jeunesse coupable vous accuse » Odelette Philippon viết rằng :

« Như vậy, có một đều không chối cãi được : từ đầu nầy đến đầu kia thế-giới, từ Hoa-Kỳ đến Trung-hoa, từ Úc-đại-Lợi tới Phi-Châu, nếu trường học đơn phương làm công việc giáo-dục thì không đủ sức ngăn cản một đứa trẻ khỏi lăn xuống cái giốc phạm pháp được, bất kể đứa trẻ đó có đi học thường xuyên hay không, và bất kể cái giá-trị lối giáo-dục được dùng.

« .... Trường học không khải là cơ sở của giáo-dục, nó chỉ là phần bổ-túc..... Không có sự hợp-tác giữa gia-đình và trường học thì *công-trình giáo-dục chắc chắn phải gặp thất bại.*

Cứ bình tâm mà xét thì trường học chúng ta ngày nay không làm gì được cho giáo-dục hết. Với một số giờ học hạn định học sinh tới trường chỉ để kịp tiếp nhận một cách vội vàng trong một không khí bế tắc, ngột ngạt, những môn học mà phần nhiều chúng không tiêu-hóa hết. Một vài điểm Hiệu-đoàn, đức dục ghi vào học-bạ một cách không thận trọng có đủ để định giá con người của học-sinh không ?

Nhiệm-vụ giáo-dục tóm lại phải qui hoàn cho gia-đình, ít nhất trong giai-đoạn lịch-sử hiện tại.

Với đầu đề « Tôi đã dạy con tôi như thế nào » tác-giả muốn hiến cho phụ huynh đồng một lo âu với mình những kinh-

nghiệm bản thân trong việc giáo-dục con cái. Tác - giả là người trong hạng trung lưu, tiểu tư-sản, có khi lại ở trong hoàn cảnh eo-hẹp thiếu công ăn việc làm nhất định, đời sống có phần thiếu đảm bảo. Vậy mà trong hoàn cảnh đó, tác giả đã tìm ra phương tiện để dạy con. Tập cho con sửa một ống khóa hay bón xới một vuông đất, người cha đã hướng-dẫn chúng vào những công việc cần lao hữu hiệu mở mang con người tinh thần, tâm lý của nó. Không có ý làm cho con trở nên tay thợ sửa ống khóa thạo, hoặc nông phu giỏi người cha đó đã nhận định được rằng những hoạt-động cần lao hữu ích có một ảnh hưởng quyết định đối với trí thức và tính tình của con, tức là tạo nên tương lai của chúng.

Trong lúc chờ đợi hoàn cảnh thiện mỹ và có đủ điều kiện, phương pháp, kỹ thuật giáo dục thích nghi, nếu phụ huynh nào cũng tùy khả năng, nghĩ đến những đứa trẻ mà mình phải chịu trách nhiệm trực tiếp, tức là con em, thì trẻ con không những thâu lượm những điều học tập ở trường một cách dễ dàng mà còn biết áp-dụng điều học đó trên thực tế.

Phần trí và phần ức có thể phát triển song song mà ít bị lệch lạc.

Bạn đừng bắt cây phải đơm hoa thơm, kết quả ngọt, nếu bạn không lo chu đáo công việc bón tưới.

I. Tác - dụng của thiên - nhiên đối với trẻ em

Vì hoàn cảnh đặc biệt mà tôi chỉ bắt đầu giáo dục thật sự con tôi vào lúc nó lên sáu tuổi. Hơi trễ, nhưng còn kịp. Vào tuổi ấy nếp sống trẻ con chưa định, mọi sự lệch lạc còn có thể sửa chữa được. Theo các nhà giáo dục thì quá tuổi dậy thì tức là quá mười ba tuổi, sự giáo dục phải gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi nhiều công khó.

« Một linh hồn trong sạch trong một thể xác tráng kiện ». Chân lý bất di dịch đó bắt tôi phải lo sức khỏe cho con trước hết. Mà con tôi khi sanh ra chỉ được 2 kí rưỡi, bị ngộp khi mới lọt lòng. Thiếu sữa mẹ, nó phải bú sữa bò, đến tám tháng mới bằng con người ta ba bốn. Thầy thuốc dặn lớn lên phải coi chừng buồng phổi. Bước khởi hành như vậy không có gì hứa hẹn cả. Em nó lên bốn mà bụ bẫm hơn. Tuy thua 2 tuổi, nhưng dáng vóc muốn bằng anh. Gặp tiết hè, tôi đưa chúng ra bãi biển, mướn một cái nhà lá dưới rừng thông, giao chúng cho bà nội săn sóc. Nước mặn, gió khơi tăng sức khỏe cho bà lẫn cháu. Bữa ăn thường rất thanh-đạm, một ít cá liệt, cá cơm kho ngọt, nấu chua với cơm ghế bắp, khoai. Mỗi ngày hai lần sáng và xế chiều, bà chăn cháu dớn sóng, bụi cát, tha hồ nhảy múa hoạt-động. Duy có tôi là cực nhọc, mỗi ngày phải kéo bộ sáu cây số đi về để mưu sinh trong thành phố. Thời buổi khó khăn, tôi lại là tên tù con trong thời kỳ quản thúc của mật thám Pháp, ít ai dám gần. Sáng nào cũng vậy tôi dậy thật sớm, ăn một bụng cơm no để chiều tối mới về ăn một bụng nữa. Những giờ trưa tôi thường ngồi dựa những gốc cồ thụ, ở rìa thành phố, ăn một củ khoai lang, mẹ tôi gói theo, rồi lim dim đôi mắt, suy nghiệm chuyện đời

Con tôi lớn như thổi. Tôi chỉ tốn tiền để thỉnh thoảng mua một lọ thuốc nhỏ mắt để mỗi ngày cho vào mắt, mũi chúng vài giọt. Một bác sĩ ra chơi bãi biển khen không ngớt miệng « con ai khéo nuôi quá », và xin chụp một cái hình làm kỷ niệm. Đời sống hoang dại đó không phải là không có hại.

Cơn dầu tôi — thằng Hải — rất sợ cái máy chụp hình. Có lẽ một phần vì bầm thọ nó yếu. Bác sĩ yêu trẻ kia đành phải chụp lén vậy.

Được phần vật chất rồi tôi chưa biết nghĩ sao về mặt tinh thần. Tôi tạm theo J.J. Rousseau (văn hào tiền khu cách mạng tư sản Pháp), giao -chúng cho thiên nhiên. Thiên nhiên chẳng những làm cường tráng thân thể và còn xây dựng tính tình. Được sống từ nhỏ đến lớn với bà ngoại ở đồng quê, tự nhiên tôi thích thiên nhiên mà thật ra lúc đó tôi chưa hiểu rõ vai trò trong giáo dục như thế nào. Tôi thấy cần phải đọc sách giáo dục. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi, làm sao tìm được thứ sách hiếm hoi đó nhất là ở một đô thị nhỏ bé. Biết nỗi băn-khoăn của tôi, một giáo viên, anh ruột của nhân viên mật-thám có nhiệm vụ coi ngó tôi, mượn giùm của thư viện nhà trường cho tôi cuốn « Les pères et les enfants ». (Cha và con) của một vị hàn-lâm Pháp mà tôi quên tên. Sách gồm những chuyện ngắn giáo-dục liên tục nhau, viết một cách rất hấp dẫn. Ý chính trong sách là muốn dạy con không chi bằng cha mẹ nên gương mẫu. Cha mẹ là hình ảnh của con ở tương lai nhất là cha. Muốn con ngay thẳng cha phải ngay thẳng, muốn con siêng năng hiền lành, cha phải siêng năng hiền lành. Trong sự chung đụng hàng ngày con nhìn cha để xây dựng con người tinh thần của nó. Những điều tác giả dạy, tôi tự nguyện làm theo. Lúc đó con tôi gần tôi hơn ai hết.

Đến chuyện học vấn. Hồi đó, nghĩa là cách đây 18 năm, tôi chưa từng biết một tí gì về khoa giáo-dục mới. Nhưng theo sự suy xét riêng, tôi thấy lối dạy cũ không hợp lý chút nào, ít nữa là đối với trẻ con. Tôi không muốn bắt con tôi phải chịu cực hình ngồi yên một chỗ, giờ nầy sang giờ khác, học những mẫu tự, vần xuôi vần ngược mà chúng không hiểu nghĩa lý gì cả. Điều đó chẳng những làm hao mòn thân xác mà còn làm hao mòn thân xác mà còn làm tê liệt nhiều năng khiếu đương hồi nảy nở. Tôi đánh bạo làm một cuộc thí-nghiệm. Tôi dùng bút chì viết lớn trên một cuốn tập những câu : *kiến tha lâu đầy lỗ ; một cây làm chẳng nên non*..... Mỗi câu tôi viết một trang, rồi tôi gọi thằng Hải bảo : Từ đây con có thêm một trò chơi này là khi nào con thích, con lấy bút mực đồ những hàng chữ nầy. Đồ được một chữ, con đọc lên một lần, và hết một câu con đọc lại một lần nữa.

Trẻ con hiếu động, bắt ngồi một chỗ đọc sách như vẹt thì không thích, mà bảo cầm bút tự viết lấy thì không bao giờ chối từ. Nhưng khi nào chán thì nó được chơi trò khác, để rồi trở lại viết nữa. Thường thường cháu nó hỏi nghĩa những câu nó viết thì tôi chịu khó dẫn nó đi quan sát ổ kiến, xem tha mồi và tùy theo sự hiểu biết của nó mà giải thích thêm. Còn chi làm nó thích bằng thấy được, hiểu được và tự mình ghi lên giấy được (cố nhiên với sự giúp đỡ của tôi). Hoặc là tôi dựa vào trò chơi hằng ngày của nó mà tập nó viết, đọc :

« Em đi xuống biển mò cua,
« Bà nội xuống biển hỏi mua tôm càn »

Nó vừa chơi vừa học như vậy mỗi ngày chừng hai mươi phút. Tôi nhớ sau vài ba tháng nó biết đọc, biết viết dễ dàng mà không nhọc mệt chi cả. Khi đọc viết thành thạo rồi nó mới để ý tới mẫu tự, vần xuôi, vần ngược. Các con tôi về sau đều vỡ lòng cách đó. Hậu quả rất tốt là chúng không bao giờ chán học, sợ học. Tôi dám nói chắc chắn

là tôi chưa từng biết cái khổ tâm của người có con lười biếng.

Sự thật thì đời sống chúng tôi lúc đó không có ngày mai, và cố nhiên không thể kéo dài mãi như vậy được. Chẳng qua tôi theo sát phương châm : « biến rủi thành may » và tìm một lối sống vui, lối sống hữu hiệu trong cuộc đời hoạn nạn. Không bao lâu nhờ một người bạn kỹ-nghệ-gia bảo lãnh, tôi được vô Saigon tìm sanh kế, và chịu sự quản thúc ở đây.

Tôi tới Saigon với hai bàn tay trắng. Người bạn kỹ-nghệ-gia đó cho tôi làm quản lý một hãng buôn. Nói quản lý cho oai chớ kỳ thật tôi làm phận sự của một người canh văn-phòng, ghi sổ sách và tiếp những người khách hiếm hoi của thời kỳ giặc giã. Lúc ấy quân đội Nhật đã có mặt ở Việt-Nam. Đời sống của tôi thật là chật vật, nhưng không bao giờ tôi xao lãng việc dạy con. Công việc đầu tiên của tôi là tìm thiên nhiên cho chúng. Nhưng ở một đô thị như Sài-gòn làm sao có được một thiên nhiên phong phú? Tôi in trí rằng trẻ con thiếu thiên nhiên cũng nguy-hiểm như cá thiếu nước vậy, nên không nhiều thì ít phải lo kiếm cho ra. Thời kỳ chiến-tranh, bom đạn, thiên hạ bỏ chợ về quê, phố xá ở trung âm Saigon không phải khó kiếm, nhưng tôi nhất định đi sống xa những chỗ đô hội, tìm về vùng Phú-nhuận cất nhà. Tiền không có để mướn đất lớn, tôi mướn một cái nền nhà chừng trăm thước vuông ở góc một nghĩa địa tư nhân. Tôi hứa với chủ đất coi giùm mồ mả khỏi bị trâu bò tàn phá. Tôi nghĩ rằng có người chết chung quanh thì khỏi bị người sống quấy rầy. Trăm thước đất, tôi cất chỗ ở chừng năm chục, còn năm chục để trồng rau, trồng hoa, và con tôi bươi xới. Các ngôi mộ cổ xây bằng đá bằng vôi là những núi đồi mà chúng có thể leo trèo vào những khi trời mát. Những tiếng tre kẽo kẹt dưới nồm, tiếng chào mồm, chim sâu hót trong lùm bụi, đã không hại như tiếng xe hơi, hát máy mà còn gợi cảm cho trẻ con. Thiên nhiên có thật là nghèo nàn, nhưng có còn hơn không. Tôi cố tận dụng nó trong việc giáo-dục. Chủ nhật, ngày lễ tôi đem chúng ra bờ rạch xem cá lội, hái hoa mùa, hoa siêm, bắt cào-cào, châu-

Ở nơi ta mất một nghệ-sĩ siêu tuyệt!

Hoàng-đế Néron trị vì đế quốc La-Mã từ năm 37 tới năm 68. Là một bạo-chúa, ông đã giết mẹ là Agrippine, giết vợ là Octavie, và làm nhiều việc quái ác khác nữa. Sinh thời, ông được nổi danh là một kịch-sĩ có thiên tài. Trước khi tự sát chết, ông có thốt ra một câu tỏ ý than tiếc cho thế giới đã mất ở nơi ông một nghệ-sĩ hy hữu trên đời: « *Qualis artifex perco!* » Quel artiste périt en moi! *Ở nơi ta mất một nghệ-sĩ siêu tuyệt ngần nào!*

chấu, lăn lộn trên những bãi cỏ, lúc đó người ta còn giữ để nuôi bò. Chúng tôi giúp nhau hốt phân trồng rau, trồng hoa. Còn gì làm cho trẻ con thích thú hơn là chính tay chúng hái những quả cà tô-mát đỏ ửng mà chúng có công bón xới mỗi ngày để làm mứt, nấu canh. Tôi không ngờ là tôi đã thực hiện giáo dục cần lao mà sau nầy tôi mới có dịp nghiên cứu tới. Tôi chỉ thấy mơ hồ rằng đời sống đó tập cho con tôi tháo vát, siêng năng, biết quan sát, tổ chức và do đó mở trí thông minh.

Về học vấn của nó thì tới đây tôi thấy bí lối. Tôi chỉ giúp chúng qua khỏi những bước vỡ lòng. Từ đây về sau tôi đành phải gởi chúng tới trường trong xóm để theo lối học cũ, nhưng những bước đầu là bước quyết định, con tôi đã lấy được trớn và không coi học là một gánh nặng nữa. Tuy nhiên tôi giao thiệp với cô giáo để tránh cho con tôi những sự bắt buộc quá đáng hoặc những sự trừng phạt làm cho tính tình chúng lệch lạc.

Cuộc đời chúng tôi ở cái nghĩa địa nầy cũng không lâu. Những quả bom đầu tiên của đồng minh rơi xuống hải khẩu Sàigon làm nẩy trong đầu tôi một ý nghĩ : đem gia đình về thôn quê để tránh giặc, đồng thời cho trẻ con gần gũi thiên nhiên sâu đậm hơn.

Tôi làm theo ý tôi nghĩ, và chỉ một tháng sau chúng tôi đã đến tỉnh lỵ miền Hậu-giang. Thành phố nầy rất yên tĩnh, nhà thưa, người ít, xe cộ gần như không có. Tuy nhiên tôi cũng không để con trong thành phố. Tôi mua một căn nhà lá nhỏ và mướn một khu vườn bỏ không trên một con rạch, cạnh căn nhà tôi cất thêm một cái trại nữa để nuôi heo, gà, vịt, thỏ. Tôi chưa kinh nghiệm về chăn nuôi cho nên gặp mùa nước rông tôi thất bại hoàn toàn. Đời sống chúng tôi thật là cực nhọc, nhưng con tôi hưởng thụ sự học tập rất nhiều mà giáo dục ở đây chính là thiên nhiên. Chúng tôi tha hồ thí nghiệm, dò dẫm cái thiên nhiên vừa hiền hòa, vừa nghiêm khắc. Muốn chạy nhảy, leo trèo, bơi lội ư? Thiên nhiên cho phép tất cả, nhưng nếu quá mức nào đó thì thiên-nhiên trở lại nghiêm khắc lạ thường. Trèo quá cao thì té nặng, lội quá sâu thì hụt chơn, chun qua lùm bụi thì gai chích. Chúng nó chung đụng, đấu tranh với cái thiên nhiên đó. Không bao lâu thằng con tôi biết lội như rái, bơi xuồng như một tay lành nghề. Nó là một đứa trẻ mạnh dạn, linh hoạt, siêng năng, ưa giúp đỡ kẻ chung quanh. Trong công việc hằng ngày của tôi đều có nó. Sống cạnh những nông dân giản dị, chất phác, nó có vẻ con một nông-phu. Một hôm một đứa bé trong xóm qua cầu rạch, trợt chân rơi xuống nước, chìm lỉm. Không do dự thằng Hải phóng theo và chừng một phút sau nó đã lôi đứa bé lên bờ.

Tôi cho nó theo học trường tỉnh lỵ với mọi đứa trẻ khác vì tôi không biết làm cách nào hơn. Nó học một cách dễ dàng, không gắng sức và thường đứng vào những hạng đầu. Sự học đối với nó chỉ là một trò chơi đúng giờ giấc và hơi trang nghiêm mà thôi. Tôi chưa biết tương lai con tôi như thế nào, nhưng lòng tôi chỉ ao ước nó trở thành một đứa trẻ can đảm, trung trực, một công dân yêu nước và ngày sau tùy khả năng mà phụng sự dân tộc.

Chiến tranh Pháp Việt nổ bùng ở Nam phần, chúng tôi đi tản cư. Con tôi lên chín tuổi. Nó đã giúp chúng tôi một cách đắc lực trong cuộc phiêu lưu khá vĩ đại nầy. Một mình nó lái một chiếc xuồng khá lớn, chở

khầm những nồi, niêu, chai, hũ, củi, gạo theo chiếc tam-bản của gia-đình, đi qua nhiều tỉnh của Hậu giang. Tôi tin rằng trong thời gian đó nó học tập được nhiều. Đời sống dạy nó.

Khi quân đội Pháp chiếm đóng hết các tỉnh lỵ của Nam phần, đời sống trong đồng sâu trở nên khó khăn, tôi đưa gia-đình quay về Saigon. Bây giờ thì ở những nơi nhiều thiên nhiên không còn an-ninh nữa. Chúng tôi đành ở Saigon. Nhà cửa bỏ không lúc này không thiếu gì, nhưng không bao giờ tôi có ý nghĩ kiếm một căn nhà ở trung tâm với tiện nghi đèn nước. Một là những nhà đó trước kia không phải là nhà của tôi, hai là cái thiên nhiên đối với con tôi quan trọng hơn là nhà cao cửa rộng. Tôi xin tá túc tại một trại cưa gần cầu Bông. Nhà chật tôi thường phải ngủ ngoài sân. Mùa mưa tôi được nằm trong nhà nhưng sáng ra phải xếp ghế bố lại. Đời sống chật hẹp quá, nhưng con tôi còn chạy chơi quanh các đống gỗ và dọc bờ rạch. Đất, nước, trời, mây, gió, đối với nó cần hơn đèn điện máy hát. Ngày nghỉ tôi đưa chúng nó vào sở thú, hoặc đi dạo những nơi có nhiều cây mà ít người. Tôi bòn cho con từng chút thiên nhiên.

Học xong lớp nhất, nó rớt trong kỳ thi Tiểu-học. Được tin đó tôi tươi cười bảo: Rớt đậu không quan trọng, con cứ học lại lớp Nhất một năm nữa. Nhưng sự thất bại đó làm cho nó nghĩ ngợi. Năm sau nó không để rớt. Niên khóa tới nó bắt đầu lên Trung-học. Giữa lúc chiến tranh, nền giáo huấn Nam phần chưa chỉnh đốn lại, tôi định xin cho nó vào trường Tabert. Mọi sự sắp đặt đâu vào đó, chỉ còn chờ ngày nhập học.

Nhưng trước ngày nhập học tôi được một nhà in ở Saigon gởi đi nghiên cứu nghề ấn loát ở một xứ xa. Cách ít lâu tôi bắt được một thư của nó, đại để cho tôi biết nó đã bỏ trường Tabert, tự ý nộp đơn xin thi vào trường Trung-học Petrus Ký và đã trúng tuyển. Năm ấy nó được 12 tuổi.

Từ đây trở đi nó đã biết làm chủ lấy việc học hành của nó. Tôi chỉ lo tạo cho nó một hoàn cảnh thuận tiện mà thôi. Năm sau vừa về tới nhà tôi tìm cách dời chỗ ở ra ngoại ô Saigon, và mỗi lúc càng xa hơn một chút tùy điều kiện và hoàn cảnh cho phép.

Rốt cuộc tôi tìm được một nơi tương đối yên tịnh, có một ít cây và một ít đất. Những khi nhàn rỗi tôi lo trồng trọt, và trong các công tác hốt phân, bới đất tôi muốn con tôi dự phần. Thấy nó đã đến tuổi vượt khỏi khuôn khổ gia-đình để tiếp xúc với xã-hội, tôi cho nó gia nhập đoàn thể Hướng đạo. Để hướng dẫn con trong đời sống mới nầy, tôi không ngần ngại làm một sói già ở dưới quyền chỉ huy của nó và bạn bè nó. Mặc dầu ít rảnh rỗi tôi không bỏ những cuộc cắm trại hoặc gần hoặc xa để theo sát mọi hoạt-động của con.

Trong những cuộc hội họp, tôi cũng bày tỏ ý-kiến và thường nói rằng: Giáo-dục Hướng đạo có mấy điểm ưu là:

— Biết cho trẻ em tiếp xúc thiên nhiên.

— Phát triển tình đoàn thể của con người.

Tôi khuyên con tôi nên bám lấy những điểm đó, nếu không thì bộ áo Hướng đạo không có giá-trị gì.

Lúc nầy tôi đã đọc sách giáo-dục mới và thấy rằng giáo-dục Hướng đạo chỉ phát-triển được ở những nước mà giáo-dục mới chưa phát-triển mà thôi. Giáo-dục Hướng

đạo thật ra chỉ phụ vào các phương-pháp đó chớ tự nó, nó không thể xây-dựng con người. Cho nên tôi vẫn hướng con tôi về phía giáo-dục cần lao, nhắc nhở nó những công-tác hữu hiệu thật sự có tính cách giúp ích cho nó và chung quanh nó. Những công-tác ấy phát-triển năng khiếu của nó, đồng thời giúp nó nhận-định vai trò của nó trong xã-hội loài người. Giữa nó và xã-hội không có gì cách biệt, và khi ra đời nó làm chủ ngay được cuộc đời. Nó có thể hòa mình với cuộc đời như con cá trong nước.

Vấn-đề giáo-dục là một vấn-đề quốc-gia liên-quan với nhiều vấn-đề chánh-trị, xã-hội khác. Nhưng xét về phương-diện cá-nhân trong lúc chờ đợi những biện pháp rộng lớn có một hiệu lực phổ-biến thì mỗi người chúng ta nếu ai cũng chịu khó nghĩ đến phận sự của kẻ làm cha mẹ, thì con cái chúng ta sẽ khá hơn nhiều.

Dạy trẻ chẳng khác trồng cây. Được đặt vào một nơi thích hợp ; dưới đủ màu mỡ trên có ánh sáng, khí trời, thời tiết hòa dịu thì cây sẽ nở nang, cành cao tàn rộng, nhiều hoa, sai trái. Trẻ con cũng vậy. Gặp hoàn cảnh thuận tiện cho sự phát-triển giác quan năng khiếu, nó sẽ lớn lên trong sự điều-hòa, sung-túc, đủ đức đủ tài. Trừ những hạng siêu quần bạt chúng, trẻ con nuôi dạy đúng phép đứa nào cũng có thể đạt đến kết-quả trung bình. Sự hơn thua sẽ không khác nhau là mấy.

Thằng Hải của tôi ra đời với chất bạc nhược. Hồi 4 tuổi mắc bệnh ban đỏ, rồi kiết lỵ, suýt vong mạng. Nhưng nhờ sự cố gắng của gia-đình nó trở nên đứa tháo vát, lanh lợi hiền lành. Ở nhà giúp đỡ cha mẹ, ở trường tham-gia công-tác giáo-dục, tổ chức các trại hè. Đến 23 tuổi nó đỗ bằng cao học với điểm tối ưu. Gặp cơ-hội thuận tiện nó còn có thể đi xa hơn nữa.

THIÊN-GIANG

Giảng-Văn Đệ thất

của *THẨM-THỆ-HÀ*

Một quyển sách giáo-khoa biên soạn rất công phu, với tài-liệu phong-phú và phương-pháp bình-giảng mới mẻ.

1) Phần Cổ văn gồm đầy đủ tài-liệu về các tác phẩm **Hưng-đạo-Vương truyện, Nam-Hải Dị-Nhân** của *Phan-Kế-Bính* **Truyện Cổ Nước Nam** của *Nguyễn-văn-Ngọc v.v...*

2) Phần Kim văn, trích giảng những bài văn đặc-sắc của những nhà văn danh tiếng hiện-kim: từ Khái-Hưng, Nhất-Linh, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam... đến Đỗ-Tấn, Nguyễn-thị-Vinh, Bình-Nguyên-Lộc, Phan-Du, Nguyễn-văn-Xuân, Tô-Nguyệt-Đình v.v...

Sách do nhà **SỐNG-MỚI** (30B Phạm-ngũ-Lão Saigon) xuất-bản, dày 250 trang toàn giấy trắng mịn, giá **40 đồng.**

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Nhân buổi nói chuyện về « Saigon Năm Xưa » của Ô. Vương-Hồng-Sển.

TÌM HIỂU VÀI ĐỊA-DANH NAM-VIỆT

THÁI-VĂN-KIỂM

TẠP-chí Bách-Khoa số 87 ra ngày 15-8-1960 có thuật lại buổi nói chuyện về « Saigon năm xưa » của ông bạn Vương-Hồng-Sển tại Câu-lạc-bộ Văn-hóa, chiều thứ sáu 29 tháng 7 năm 1960.

Bài lược thuật này khá đầy đủ, mặc dầu có mấy điểm thiếu sót mà chúng tôi xin phép được bổ chính như sau :

Về danh xưng *Phù-Nam*, chúng tôi xin nêu lên rằng tài-liệu xưa nhất của Trung-Hoa nói về xứ này là quyển « Sử-ký » của *Tư-mã-Thiên* (1), một sử-gia trứ danh đời Tây-Hán. Trong quyển Sử-ký, có đoạn nói như sau :

« Chu-Thành-Vương tân-mão lục niên, Giao-chỉ nam hữu Việt-thường thị, trùng tam dịch nhi lai hiến bạch trĩ . . . Sứ giả mê kỳ qui lộ, Chu-công tích dĩ bình (biền) xa ngũ thặng, giai vi chỉ nam chi chế ; sứ giả tái chi, do Phù-Nam Lâm-ấp hải tế, ky (cơ) niên nhi chí kỳ quốc » (Đời Chu-thành-Vương, năm tân-mão thứ 6 (1110 trước T. L.), ở phía nam Giao-chỉ có nước Việt-thường, qua ba lần thông-dịch tiếng nói, đến dâng chim trĩ trắng . . . Sứ giả không nhớ đường về, nên Chu-công cho họ năm chiếc xe chỉ nam ; Sứ giả ngồi trên những xe ấy, do đường bờ bể Phù-Nam, Lâm-ấp, đi một năm thì về đến nước họ).

Như thế là nước Phù-Nam không phải chỉ xuất hiện từ đầu Công-nguyên, mà từ trước Công-nguyên ít nhất là 11 thế-kỷ, trái với những lập-luận thông-thường của những nhà khảo-cổ Tây-phương chẳng hạn như:

— Henri Parmentier cho rằng Phù-Nam đã xuất hiện từ thế-kỷ thứ 2 và tồn tại cho

(1) Xin xem các chú thích trong bài ở đoạn cuối.

đến năm 550 là khi Phù-Nam đã bị Chân-Lạp thay thế (Xem Guide d'Angkor, Portail Saigon xuất bản năm 1950) ;

— Georges Coedès cũng xác nhận rằng Phù-Nam đã tồn tại từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 6 (Xem « Histoire ancienne des Etats Hindouisés d'Extrême Orient », trang 113 — 120). Lúc đó người cháu của Rudravarman (vị vua cuối cùng của Phù-Nam), tên là Bhavavarman cưới một công chúa tên là Kambujarajalaksmi dòng họ nhà vua xứ Kambuja, tức là xứ Chân-Lạp ngày xưa (Xứ này nguyên là một thuộc quốc của Phù-Nam). Do sự hôn phối này mà Hoàng Tử Phù-Nam Bhavavarman đã trở nên vị lãnh tụ của người Kambuja. Đó là mối liên-hệ lịch-sử giữa Phù-Nam và Chân-Lạp (Xem « Nouvelles données sur les origines du Royaume Khmer », kỷ-yếu số XLVIII, tập I, của Viễn-Đông Bác Cổ Học Viện).

Theo các từ điển Trung-Hoa và theo nhà bác-học Mã-Đoan-Lâm, người đời Tống (960-1280), đồ đệ của Chu-Hy, và là tác-giả bộ sách « Văn-Hiến thông-khảo », hai chữ Phù-Nam không viết tới ý nghĩa Phù là nổi và Nam là miền Nam, mà lại viết *Phù* (bên thủ, bên phu) = có nghĩa là *giúp đỡ* (phù trì phù hộ), và cũng có nghĩa là = hai cây mọc dựa với nhau (có ý nương dựa nhau như phù-tang, phù trúc; Còn Nam là phương Nam. Vậy Phù-Nam có nghĩa là : « giúp đỡ miền Nam » hoặc là « miền Nam có những thứ cây mọc đôi, mọc bụi để nương tựa nhau », đại loại cây dâu, cây trúc.

Nhưng đây cũng chỉ là một giả thuyết, Phù-Nam, mà Tây-phương viết là *Founan*, chỉ là phiên-âm của một danh xưng địa phương tối cổ, mà nhà cổ-học George Coedès cho là *Phnom*, tiếng Chân-lạp có nghĩa là *núi*. Chúng ta không nên nhầm lẫn như Phnom này với chữ *Phnaur*, có nghĩa là cái *gò*.

Chính chữ Phnom đã cho ta chữ *non*, và chữ Phnaur đã cho ta chữ *nông* (gò đất, tumulus).

Theo Mã-Đoan-Lâm, xứ Phù-Nam xưa kia có bà chúa Liễu-Diệp (Lieou Yé), dõng mãnh hơn nam-nhi, nhưng khi giao chiến với Hỗn-Hội (Kaundinya), một tướng sĩ của nước Khích (Mã-Lai), ở phía nam Phù-Nam, đã bị thất trận và đành phải làm vợ của Hỗn-Hội. Thấy Liễu-Diệp lõa thân và để tóc đài, Hỗn-Hội buộc Liễu-Diệp phải che thân với một tấm vải cắt một lỗ để cho lọt cái đầu vào; đồng thời Hỗn-Hội cũng buộc vợ mình phải vấn tóc lại.

Hỗn-Hội chết đi, con cháu kế nghiệp được mấy đời tại Phù-Nam; khi người sau cùng là Hỗn-Bàn-Huống mất đi thì nhân-dân Phù-Nam bèn cử viên thượng tướng Phạm-Sử-Mang (Fan Che Man) lên làm vua. Phạm-Sử-Mang đánh đông dẹp bắc, mở mang bờ cõi cho đến 5, 6 ngàn lí. Ông ta tự xưng là Phù-Nam Đại-vương.

Phạm-Sử-Mang vừa mất đi thì Phù-Nam phải chịu một thời kỳ hỗn-đồn; sau cùng có viên tướng Phạm-Tầm (Fan Siun) lên nắm chính quyền- Những sự kiện này xảy ra vào thời nhà Ngô (222-265) và nhà Tấn (265-420).

Theo Mã-Đoan-Lâm, thì xứ Phù-Nam là một « hòn đảo lớn » có nhiều núi, thung lũng và đồng bằng — khí hậu, sản vật và phong tục cũng gần giống như Lâm-ấp. Phù-Nam có nhiều thành trì và điện đài nguy nga.

Điện nhà vua có hai tầng. Những đồn ải đều có hàng rào bao bọc. Người ta lợp nhà lá với một thứ cây mọc ven bờ biển. Nhưng lá này dài đến 6, 7 xích và hình thù giống con cá (Có lẽ là cây dừa nước, palmier d'eau).

Sở dĩ Mã-Đoan-Lâm nói rằng Phù-Nam là một hòn đảo lớn, là vì thuở xưa kia, có lẽ biển Nam Hải ăn sâu vào tận Tonlé Sap, do đó một phần lớn Việt-Nam bây giờ chỉ là một cái vịnh, lần hồi đã được phù sa của sông Mékong (sông mẹ) lấp dần. Như vậy, Phù - Nam ngày xưa có nước bao bọc ba bốn phía, và nếu Phù-Nam chưa phải là hòn đảo thì ít nhất cũng là một bán đảo (2).

Như trên kia đã nói, Phù-Nam xuất hiện từ ngàn xưa cho đến thế kỷ thứ VI thì không thấy nói đến nữa mà lại bắt đầu nghe nói đến một xứ khác là Chân-lạp, gồm có Lục Chân-lạp, (Chen La terrestre) và Thủy Chân-lạp (Chen La maritime).

Thủ - đô của Thủy chân - lạp là *Prei Nokor*. Prei có nghĩa là *rừng*. Nokor là *xứ*, kinh-đô, vương quốc (ville royale, royaume), chứ *không phải là gòn*. Nokor, theo Linh-mục Tandart, lấy gốc ở chữ pali *Nagara*, *Nagaram* là xứ, thành, vương quốc (cité, ville, forteresse).

Chính chữ Prei đã sinh ra chữ *rẫy*, còn Nokor đã sinh ra chữ *nước*, mà nhiều nơi ở xứ ta còn đọc là «*Nác*». Ngoài ra, chúng ta còn thấy danh từ Nagar trong *Poh Nagar*, có nghĩa là Bà Chúa Xứ, tức là vị nữ thần Bhagavati, dưới hình dáng của nữ thần Uma (Ngu Ma), vợ (cakti) của thần Civa, còn thờ tại Tháp Bà Nha-Trang.

Vì những lẽ trên Prei Nokor có nghĩa là *Rừng Vương Quốc*, *Rừng của vua*, mà Emile Aymonier dịch là « Forêt royale » trong quyển « Le Cambodge » do Ernest Leroux xuất bản tại Ba - lê năm 1900. Nhưng Linh-mục Tandard, trong cuốn tự điển « Dictionnaire Cambodgien-Français » đã dịch là « Ville de la forêt » (Lâm-thành).

Nhà cổ-học Moura là người đầu tiên đã ghi chép danh xưng Prei Nokor, trong quyển sách « Le Royaume du Cambodge » do Ernest Leroux xuất bản năm *1883* tại Ba-lê. Trong quyển này, tập II, trang 59, có một đoạn rất quan - trọng, vì có liên-hệ đến nước ta, mà chúng tôi xin chép ra đây :

« En l'an 2167 de l'ère bouddhique, 1623 de l'ère chrétienne, un ambassadeur du roi d'Annam apporte au roi du Cambodge Preas-Chey Chesda une lettre dans laquelle le roi d'Annam exprime de désir : « d'emprunter » au Cambodge le pays de *Prei Nokor* et *Kas Krobey* pour y installer ses bureaux des douanes. Preas Chey-Chesda, après avoir consulté ses ministres, donne une suite favorable à la demande du roi d'Annam et envoie à ce dernier une lettre lui faisant connaître qu'il accepte de lui donner ce qu'il demande. Le roi d'Annam ordonne alors à ses fonctionnaires des douanes de s'installer à Prei Nokor et Kas Krobey, et, à partir de ce moment, de procéder à la perception des taxes douanières ».

Năm 2167 Phật-lịch, tức là năm 1623 Công-nguyên, một sứ-giả của vua An-Nam đã dâng lên vua Câm-Bốt Préas Chey-Chesda một phong thư trong đó vua An-Nam ngỏ ý « mượn » của nước Câm-Bốt xứ Prei Nokor và xứ Kas Krobey, để đặt

làm nơi quan-thuế. Preas Chey Chesda, sau khi đã tham khảo ý kiến của đình thần, đã chấp lời yêu cầu trên và đã phúc thư cho vua An-Nam biết. Vua An-Nam bèn ra lệnh cho quan-chức đặt *sở quan-thuế tại Prei Nokor và Kas Krobey*, và từ đó, bắt đầu thâu quan thuế).

Tài-liệu này còn giữ tại Văn-khố của nước Câm-Bốt (Annales manuscrites du Cambodge, Collection de la Bibliothèque royale — Fonds Cambodgien — Règne de Préas Chey Chesda, trang 369).

Sở dĩ vua Chân Lạp đã nhượng cho nước ta hai địa điểm trọng yếu nói trên, là vì muốn được lòng Chúa Sải đã gả công chúa Ngọc-Vạn cho mình, và đồng thời cũng muốn tìm hậu thuẫn để chế ngự tham vọng của người Xiêm về phía Tây.

Do tài-liệu lịch sử trện kia, chúng ta thấy: sau danh xưng Prei Nokor, lại xuất hiện thêm danh xưng *Kas Krobey*. Danh xưng này gồm có chữ Kas, có nghĩa là *tiền* (monnaie) và Krobey (Krabey) có nghĩa là *trâu*. Vậy Kas Krobey có nghĩa là tiền trâu, nghĩa là *nơi buôn bán và thâu thuế trâu*, một gia súc rất cần cho xứ Thủy Chân Lạp là nơi bùn lầy nước đọng.

Theo nhà cổ-học Malleret viết trong bài « A la recherche de Prei Nokor » đăng trong tạp-chí của Hội Nghiên-cứu Đông-dương năm 1942, đệ nhị tam cá nguyệt, thì Prei Nokor là *Sài-côn-xứ*, tức là vùng Cây Mai, Chợ-lớn ngày nay. Bản đồ của Trần-văn-Học vẽ 1815 cũng có ghi ba chữ « Sài-côn-xứ » tại vùng này. Còn trong danh xưng Kas Krobey chúng ta thấy đã có sẵn chữ Krobey là trâu làm cho ta liên tưởng đến xứ *Bến-nghé*, tức là *Nguru-Tận* theo Trịnh-hoài-Đức phiên nghĩa, trong « Gia-định thành thông chí », để chỉ định chỗ Rạch Bến Nghé (Nguru chử hà) chảy ra sông Tân-Bình (sông Saigon), mà xưa kia người ta gọi là vàm Bến - nghé. (Chữ vàn do chữ péam : cửa biển, cửa sông mà ra).

Theo Trịnh-Hoài-Đức « Người thổ-trước thường xưng đất Bà-rịa Phiên-An là *Bến-nghé*, cũng như xưng Biên-Hòa là Đồng-Nai, xưng Saigon Định-Tường là Vũng-cù v.v. (Xem Gia - Định-Thành Thông-chí, quyển 2, trang 19).

« Sông Tân-Bình ở địa-hạt phủ Tân-Bình, trước thành Gia-Định, tục danh Sông *Bến-Nghé*, rộng 1 trăm 42 tầm, sâu 10 tầm. Sông này sâu rộng mà trong, tàu buôn và ghe thuyền người bản quốc và ngoại quốc đến neo đậu, trông thấy cột bườm liên lạc, làm thành chỗ đại đô-hội.

« Bến đò trước thành uốn quanh lên phía tây, trải qua sông Bình-Đông đến sông Băng-Bột, ngược giòng lên Thủ-sở Tầm phong tích, đến thác lớn Bương-Đàm là chỗ cùng-trạch, dài 462 dặm.

« Bến đò trước thành quanh qua phía Bắc, vòng xuống phía đông, đến Tam-giang-khẩu (Nhà Bè) hiệp làm sông Phước-Bình, chảy ra biển Cần-Giờ, dài 142 dặm rưỡi, 2 bên có nhiều sông nhánh.

« Phía tây nam con sông nầy thuộc về giới hạn trấn Phiên-An, phía đông bắc sông này thuộc về giới hạn trấn Biên-Hòa » (Xem Gia-Định thành thông chí, quyển 2 trang 22 và 23).

Cũng theo Trịnh-Hoài-Đức, chúng ta thấy danh từ *Sài-Côn* đã xuất hiện từ 1674:

« Tháng 2 năm Giáp-dần, đời vua Thái-Tôn Hiếu-Triết Hoàng-đế (1674), tên Nặc-Đài ở Cao-miên đuổi vua nước Y là Nặc-Ông-Nỗn, Ông-Nỗn chạy qua cầu cứu vua ta ; vua ta bèn khiến quân Khâm-mạng Thái-Khương-Dinh (tức trấn Bình-Hòa tỉnh Khánh-Hòa bây giờ) là Dương-Lâm-Hầu (Nguyễn-Dương-Lâm) làm Thống-suất cùng Tham-mưu-Trưởng Diên-Phái-Hầu (Nguyễn-diên-Phái), hiệp lý biên vụ đem binh vào Nam. Tháng 4 quân ta chiếm được 3 lũy *Sài-côn* (nay là địa hạt Phiên-An) *Gò-bích* (La-Bích, khu Bích, Lovek) và *Nam-vinh* (Phnom-Penh). Nặc-Đài bỏ chạy rồi chết.

« Khi ấy Nặc-Thu đến bái hàng. Tháng 6, báo thiệp lên vua. Triều nghị xét Nặc-Thu là phái đích bèn phong làm Chính-quốc-vương Cao-miên ngự trị tại thành Vương luôn (Oudong), còn Nặc Ông-Nỗn làm Phó quốc vương ngự trị tại thành Sài-côn » (Xem Gia-Định thành thông chí, quyển 3, trang 4).

Danh xưng Sài-côn mà Trịnh-Hoài-Đức dùng đây đáng lẽ phải viết *Sài-Gòn*, nhưng vì chữ Hán không có chữ Gòn, hoặc một chữ gì có nghĩa là Gòn, nên Trịnh-Hoài-Đức phải viết chữ *Côn* nhưng mà ta phải đọc là *Gòn*. Như vậy danh xưng Sài-Gòn đã xuất hiện ít nhất là từ năm 1674, khi quân Việt tiến vào Nam để lập lại trật tự ở xứ này.

Xin nhắc lại danh xưng xưa nhất của Bến-nghé là *Kompong Krabey* (Kompong = bến ; Krabey = trâu). Chữ Kompong đọc lanh thành ra *K'pong*, *Pong* và người Việt đã phiên âm là *vũng* ; cũng như địa danh *Kompong Thom*, mà chúng ta đã phiên âm là *Vũng thom*, rồi được dịch ra Hán-Việt là *Hương Úc*, mặc dầu chữ Thom của người Miên không có nghĩa là *hương thơm* mà có nghĩa là *to lớn*. Do đó Kompong Thom có nghĩa là vũng lớn, bến lớn.

Cũng như danh xưng Prei Nokor, người ta đọc lanh thành ra Prei N'kor, rồi còn lại *Prei Kor*, có nghĩa là *Rừng gòn* (3). Danh xưng Prei Kor đã được sử gia Adhémard Leclère ghi chép lần đầu tiên trong bài Sdach Kan, đăng trong tạp chí của hội Nghiên-cứu Đông-dương năm 1910, đệ nhị bán niên, trang 26.

Theo ông này thì Prei Nokor và Prei Kor cũng chỉ là một địa điểm. Theo ông Malleret, thì Prei Kor có thể dịch là *Rừng bò* (forêt des boeufs) hơn là Rừng gòn. *Lập luận của ông Malleret hoàn toàn sai*, là vì trong Miên-ngữ, chữ *Kou mới là bò* ; Ông Malleret đã nhầm lẫn hai chữ *Kou* và *Kor*.

Trong Nam, còn có một danh xưng rất xưa trong đó có tên con bò là *Kompong Kou*, mà người Việt phiêm âm là *Vũng Gù* (Tân-An), còn Đại-Nam Nhất Thống Chí (quyển Gia-Định) thì gọi là *Cù úc* (Vũng cù).

Cũng theo Đại-Nam Nhất thống chí, danh xưng Bến-nghé có lẽ là cái bến xưa kia có rất nhiều *cá sấu* kêu « nghé, nghé » như trâu con, nên gọi là Bến-nghé, nhưng theo tôi thì đây có lẽ là một sự lầm lẫn giữa hai thổ âm *Krabey* (con trâu) và *Krapeu* (con cá sấu). Điều đáng chú ý nhất vẫn là những tài-liệu cổ kính còn tàng trữ tại Thư-viện Hoàng-gia Cao-Miên, đã ghi rõ chữ Krobey là con trâu chứ không phải Krapeu là con cá sấu vậy.

Một ông bạn đã lăn lộn nhiều tại miền Nam này đã đưa ra một giả-thuyết là Sài-Côn không phải do danh xưng Prei Nokor hay là Prei Kor mà ra, mà chính là do danh xưng *Prek Angkar*, có nghĩa là *Rạch gạo*. Chính chữ *Prek* của Chân-lạp đã cho ta chữ *Rạch* (lạch) cũng như chữ *Xuyên* của Trung-Hoa đã cho ta chữ *Sông* vậy.

Tôi không đồng-ý với ông bạn về giả-thuyết Prek Angkar, là vì ông bạn đã lầm lẫn Angkar với *Angkor*, mà Angkor cũng đồng nghĩa với Nokor, là thành-phố, là xứ, do chữ pali nagara mà ra. (Xem Henri Parmentier viết trong « Guide d'Angkor », trang 49 : ..... Angkor, déformation du mot nagara, la ville, terme qui se retrouve également dans Vat Nokor).

Còn về danh xưng *Đê Ngạn* (đê : bờ đất đắp để ngăn nước, ngạn = bờ sông dốc cao), nó chỉ xuất hiện vào năm 1778, sau khi người Hoa-Kiều của Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình di cư từ Biên-Hòa về Sài-Côn (Chợ-lớn bây giờ) để tránh nạn chiến tranh giữa Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh. Bọn Hoa-kiều này đã phiên âm hai chữ *Sài-Gòn* bằng hai chữ *Đê Ngạn* mà họ đọc *Thầy Ngồn* (giọng Quảng-Đông), còn Sài Côn họ cũng viết là *Tây Cống* để mà đọc là *Xì Cúng*.

Vì lẽ danh xưng Sài Côn xuất hiện trước danh xưng Đề Ngạn hơn 100 năm (1674, 1778), chúng ta không thể nào chủ-trương rằng Sài Côn hay Sài Gòn đều do Đê Ngạn mà ra, mà trái lại chúng ta phải theo thứ-tự thời-gian của mỗi danh xưng để nhận-định danh xưng nào có trước và những danh xưng nào đã đến sau.

Còn hai chữ Sài-Gòn mà người Tây Phương viết dính lại là *Saigon*, chỉ xuất hiện từ năm 1784 trong một bức thư của André Ton, đề ngày 1 tháng 7 năm 1784 (Nouvelles lettres édifiantes et curieuses, Edition Ad. Lechère, 1821, tome VII).

Nói tóm lại các danh xưng của Saigon có thể xếp theo thứ tự thời gian như sau :

1/ Prei Nokor	(	
		1623
2/ Prei Kor	(	
3/ Sài-Côn (Sài-Gòn)	(1674	
4/ Đê Ngạn	(	
		1778
5/ Tây Cống	(	
6/ Sàigòn	(1784	

✱ Điều quan trọng đối với người cầm đầu là giữ cho tâm trí được thanh thản để dùng tư-tưởng và quyết-nghị mà bao-quát công việc.

✱ Người cầm đầu không bận tâm về những việc chi tiết, là phần việc dành cho hạng người dưới ; hạng người dưới làm phần việc này chu đáo và kỹ càng hơn hạng người trên. Người trên nên dành cho mình những việc đại quan, tổng quát và chớ làm tưởng mình phải mó tay vào hết mọi việc thì việc mới chạy. Người trên cần rảnh trí để quyết định những mục tiêu tối hậu; và bởi phải tập trung hết thời giờ và sức lực vào phần việc chủ nào cần do chính mình phụ trách, người cầm đầu phải trao phần việc thứ yếu cho kẻ khác phụ trách thế mình. Nhờ đấy, người cầm đầu không mó tay vào hết mọi việc, mà công việc vẫn hoàn thành một cách viên mãn.

Như vậy, chúng ta có thể quả quyết rằng tất cả các danh xưng về thủ-đô miền Nam đều bắt nguồn ở danh xưng tối cổ của ChânLạp để lại là Prei Nokor hoặc là Prei Kor.

Tại xứ nầy, trên bờ sông Tân-Bình, có một địa điểm ngày xưa gọi là *Kompong Luông* (Kompong = bến; Luông = vua) có nghĩa là « *bến nhà vua* » hay là « *Bến ngự* » Theo Pétrus Ký viết trong « Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs », (1885), Kompong luông là bến *Thủ-Thiêm* ngày nay. Nơi này, trước kia có một thủy các và một Lương tạ xây trên những bè tre nổi, để vua ra hóng mát và tắm gội.

Hình như bạn Vương-Hồng-Sển có nói rằng Kompong Luông sau được Việt-Nam-hóa thành ra Tầm-phong-long, rồi rútn gắn lại là Tân-Long. Về điểm này, tôi xin trình bày rằng Kompong Luông đã thuộc về xứ An-Nam (Srock Iuồn, Sóc Duồng) từ năm 1623 do sự nhân nhượng hai xứ Prei Nokor và Kas Krobey, như trên kia đã nói, hay là ít nhứt vào năm 1674, với sự chiếm đóng thành Sài Côn. Còn như đất Tầm phong Long là do Trương-Phúc-Du và Nguyễn-Cư-Trinh tiếp nhận của Chân-Lạp vào năm Đinh-Sửu 1758, nghĩa là gần 100 năm sau, ở miền Hậu-Giang, thuộc vùng Châu-Đốc (An-Giang) ngày nay.

*
* *

Miền nầy có lẽ là trung tâm của Phù Nam ngày xưa. Theo Mã-Đoan-Lâm, Phù Nam ngày xưa có một giống *diều hâu* lớn khi lao mình xuống biển thì hóa ra một thứ *rùa* mà dân Phù-Nam lấy thứ *đồi mồi* gọi là *Kha*, dùng để làm những đồ trang sức. Sự kiện này làm cho ta liên tưởng đến xứ *Hà tiên* là nơi sản xuất nhiều *đồi mồi* từ thời đại Phù-Nam cho đến ngày nay.

Đã Đoan Lâm lại kể thêm rằng vua xứ Phù-Nam, thường hay « nửa nằm nửa ngồi » nghĩa là nằm dựa trên những cái gối, một chân co lại, một chân duột thẳng.

Đây không phải là thứ vua « Ngoạ Triều », mà có thể nói là điệu bộ nghỉ ngơi của một vài vị thần thánh của phương Đông, như ta thấy ở Thái Lan, có tượng ông Phật nằm (Sleeping Buddha) thờ trong một ngôi chùa ở Vọng Các. Trái lại, ở làng Vọng-Thê (4), quận Núi Sập, tỉnh An-giang, còn thờ một tượng đá thần Vishnu. Tượng này người ta tìm thấy ở núi Ba Thê (Ba-Sré), cao 3m35, đến khi đồng bào ta chở về thờ ở Vọng Thê, cách đó chừng 2 cây số, thì họ chôn bức tượng mất phía dưới, chỉ còn thấy phần trên, trông như ngồi vậy và họ nhầm lẫn là tượng Phật, nên gọi là « Prah Thê ».

Ba Thê là một địa điểm thần linh quan trọng của xứ Phù Nam. Cho đến ngày nay, các nhà cổ học cũng chưa có thể xác định rõ ràng thời đại và biên giới của xứ Phù-Nam xưa kia. Theo Remusat, Phù-Nam là Bắc-Việt (Nouveaux mélanges asiatiques. 9-1, trang 77). Theo Klaproth, Phù-Nam là miền giữa hai xứ Bengale và Pégou (Tableaux historiques de l'Asie, Atlas, pl.8). Deguignes cho rằng Phù-Nam là một hòn đảo ở phía tây Xiêm-la (Histoire des Huns, 9-1 tr. 173). Linh-mục Gaubil cho là Câm-Bốt (Notice historique sur la Cochinchine, trang 7). St Julien lại bảo là nước Xiêm-la (Mélanges de géographie asiatique, tr. 150, 159 và tiếp theo).

Pauthier cho là xứ Barmanie và Pegou (Mélanges sur l'Orient). Về sau, Ông De Rosny thiên khảo cứu « Etude sur les peuples orientaux connus des anciens Chinois » đã mở rộng biên cương xứ Phù-Nam cho đến nước Lào, trung-tâm Cao-mên trung-tâm Miến-điện, cho đến tận biên giới Bắc-Việt và Vịnh Xiêm-la, nghĩa là giáp giới Mã-lai.

Còn kinh đô xưa kia của Phù-Nam, người ta cũng chưa biết rõ là nơi nào. Người ta ước đoán là thành phố Óc Eo. ở gần núi Ba Thê nói trên. Xưa kia, Óc Eo có lẽ là một hải cảng, sau lần lần bị đất phù sa lấp mất, cho đến năm 1940-1941 nhà cổ học Malleret mới đào thấy.

Một điều chắc chắn là từ đầu Công-nguyên, xứ Phù-Nam đã có giao thiệp với Đế-quốc La-mã, vì người ta đã đào thấy ở Óc Eo tấm huy chương có tạc hình và ghi tên vua Antonin Le Pieux (152 sau Công-nguyên), cũng như xưa hơn, xứ Giao-chỉ nói chung và Ái-châu (Thanh-hóa) nói riêng đã có giao thiệp với Đế-quốc Hi-lạp, vì người ta đã tìm thấy trong những ngôi cổ mộ đời nhà Hán, ở lưu vực sông Mã, có chôn tượng thần Dionysos quỳ chân cầm đèn, để soi sáng con đường cho những kẻ đi qua bên kia thế giới.

Giữa hai xứ Phù-Nam và Giao-chỉ, lại còn có Lâm-ấp, là nơi mà cũng vào những thế kỷ đầu của Công-nguyên, đã có sự giao thiệp với văn minh Hi-lạp: bằng chứng là pho tượng Phật đồng đen vô giá tối cổ tìm thấy ở Đông - Dương (Indrapura) trung tâm xứ Amaravati, một linh-địa của Lâm-ấp, mà các nhà cổ học cho là rất giống thần tượng Apollon của Hi-lạp, qua nghệ thuật Gandhara ở phía tây Ấn-Độ, là nơi mà ngày xưa bộ đội của Alexandre le Grand đã dừng chân và truyền bá kỹ-thuật điêu khắc qua phương Đông, tức là Ấn-Độ, Trung-Hoa và miền Đông Nam Á chúng ta vậy (5).

Gia-Định, ngày 31 tháng 8 năm 1960

THÁI-VĂN-KIỂM

CHÚ-THÍCH :

(1) Tư-mã-Thiên, tự là Tử-Trường, người ở Long-môn, đời Tây-Hán. Cha là Tư-Mã-Đàm làm chức Thái-sử-công, cho nên ông đã nối nghiệp. Khi Lý-Lăng dầu hàng Hung-nô, vua Hán Võ-đế (140-88 trước Tây lịch) giận lắm; Nhưng Tư-mã-Thiên hết sức bênh vực Lý-Lăng, cho Lăng là người trung. Vua càng thêm giận bèn ghép Thiên vào tội hủ hình (cắt bộ sinh dục). Ông bèn khởi sự viết quyển Sử-ký, kể từ thời vua Hoàng-đế cho đến đời Xuân-Thu, khi nước Lỗ săn được con lân dưới đời vua Ái-công năm 14, tức là năm Canh-thân đời vua Chu-kinh-Vương năm thứ 49 (Trước Tây-Lịch)

(2) Các nhà địa-lý-học ước lượng rằng sông Cửu-Long mang đất phù sa ra bể phỏng chừng một nghìn triệu thước khối một năm. Nhờ đất phù sa này mà bờ biển Nam Việt, nhất là ở vùng Cà-Mau, thêm rộng ra 80 thước mỗi năm, nghĩa là 80 cây số mỗi ngàn năm.

(3) Cây Gòn : faux-cotonnier, grand cotonnier, ouatier, kapokier, fromager (ériodendrum orientale anfractuosum).

(4) Vọng Thê có nghĩa là bắt 'thang nhìn' để đào kênh Thoại-Hà.

(5) Tượng Phật Đồng Dương hiện có chưng bày Viện Bảo Tàng Sàigon, và nay mai sẽ đem sang triển lãm bên Mỹ quốc nhân dịp lễ Quốc Khánh 26 tháng 10 năm 1960.

CALTEX (ASIA) LIMITE

Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

R.E.G.T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.

PASTILLES: { VANCO MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'O'NG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Thành-tích năm mươi năm khoa-học

(1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

NHỮNG VẤN-ĐỀ VỀ TIẾN-HÓA

(Evolution)

Hiện-tượng tiến-hóa là một sự kiện đã được để ý và phỏng đoán ngay từ đời thượng cổ. Đến thế kỷ thứ 18 thuyết tiến-hóa mới bắt đầu thành hình — Đến thế kỷ thứ 19 và với khoảng đầu thế kỷ thứ 20, thuyết tiến hóa đã gần như là chiếm được địa vị độc tôn. Lý thuyết về tiến hóa của mọi loài, ai ai cũng đều công nhận, nhưng cách tiến hóa đó ra sao thì cho đến bây giờ cũng chưa đi đến chỗ minh bạch. Những giả thuyết cổ xưa của Lamarck về Hoàn cảnh (milieu) và của Darwin về « luật tự nhiên đào thải (sélection naturelle), vẫn có phái ủng hộ và có phái phản đối, cho đến nay mới lập thêm phái Tân-Đác-u-in (Néo-Darwinisme) để cố giải thích mọi vấn đề tiến hóa bằng luật « tự-nhiên đào-thải » cộng với luật « ngẫu biến ». Tựu chung, vẫn có nhiều nhà sinh vật học chưa chịu công nhận thuyết « tự-nhiên đào-thải » của phái « Tân Đác-u-in » dù rằng học phái này đã viện thêm nhiều lý lẽ do khoa học di truyền học mới tìm kiếm thêm được. Tính từ năm 1901, Hugo de Vries là người đầu tiên được chứng kiến hiện tượng ngẫu nhiên (mutations) ở một giống cây *oenothère* (cây này Trung-Hoa gọi là

Nguyệt-kiến-thảo), Những ngẫu biến đó càng về sau người ta lại càng thấy nhiều hơn, và nhiều khi các nhà khảo cứu lại còn có thể tạo ra được nhiều ngẫu biến khác nữa để thí nghiệm trong đủ mọi loài như cây cối, động vật, vi trùng. Điều cần biết là những ngẫu biến thiên nhiên đều do tính chất di-truyền đến đời sau, và người ta tự hỏi đấy có phải là phương pháp duy nhất của luật đào-thải chăng ?

Học phái Néo-Darwinisme, như tôi đã nói ở trên, muốn giải quyết vấn đề tiến-hóa bằng cách viện đến lý lẽ của những ngẫu biến thiên nhiên có tính cách hoàn toàn «tình cờ mà phát hiện» và trong đó luật đào thải tự nhiên, đã quyết định một xu hướng rõ rệt ! Phe phản đối học phái này không vì thế mà chịu thua, và tuyên bố là thuyết Tân Đác-u-in không đủ để giảng giải nhiều hiện tượng khác (tỉ dụ như sừng hươu : nhiều con hươu chết vì sừng mọc cao quá, bị vướng vào cành cây, không chạy thoát trong khi bị hổ đuổi bắt...)

Ngoài phái Tân Đác-u-in, có nhiều người lại để ý đến vấn đề tiến hóa, không những trên lĩnh vực hình thể, mà còn trên nhiều địa hạt khác như hóa-học, sinh hóa-học, sinh-lý học v.v... Người ta đã nêu lên giả thuyết là : chắc đâu luật tiến hóa bắt buộc phải đi đến chỗ càng ngày càng tiến bộ ? Biết đâu là tiến hóa lại chẳng có thể đưa con người đến chỗ giật-lùi là đằng khác ! Mấy nhà bác học như Bateson, Lwoff (1943) đã nghiệm thấy rằng con người thời nay yếu hơn con người đời trước nhiều lắm. Càng ngày chúng ta càng mất thêm nhiều cơ năng mà người xưa vẫn có. Sự chúng ta càng ngày càng cần đến sinh tố (vitamine) là một chứng cớ hiển nhiên. Đứng trước những hiện tượng «thái hóa» ấy, có một phe khác tin tiến hóa là một định luật, trong đó phần lớn là tiến bộ và có một phần rất nhỏ là thoái bộ (évolution régressive).

*
* *

CỔ-SINH VẬT-HỌC

(Paléontologie)

Khoa cổ-sinh vật-học thành lập ở bên Pháp vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 19. Từ dạo đó đến nay khoa này tiến bộ rất nhanh chóng và khắp các nước trên thế-giới đều đua nhau đào đất để tìm các cổ-vật và để biết cách sinh sống của tất cả các động vật thực vật đời tiền-sử. Người ta phỏng đoán là vật sống đầu tiên trên trái đất có lẽ là một loại rong bể (algues) mà Sederhom đào thấy ở bên nước Phần Lan (Finlande). Di tích của loại rong này là những túi thau tên gọi là « corycium enigmaticum ». Sau khi tìm thấy loại rong ấy, người ta đoán rằng sự sống đã hiện trên trái đất cách đây độ chừng Một nghìn Ba trăm Triệu năm. Năm 1910 Schlosser đã đào được ở bên Ai - Cập nhiều xương khỉ có lẽ sống từ đời thứ nhì của đệ tam kỳ

ĐÃ PHÁT HÀNH MAI SỐ 5 NGÀY 10-9-1960

địa-tầng (Eve tertiaire). Từ 1922 đến 1930, nhiều phái bộ Mỹ đã tìm thấy trong Sa-mạc Gobi (Sa mạc Qua Bích bên Mông Cổ, phía bắc Trung Hoa) 7 cái sọ của loài động vật chuyên ăn côn-trùng. Theo sự khảo cứu của các phái bộ đó thì những động vật ấy có lẽ xuất hiện vào cuối đệ nhị địa tầng (ère secondaire).

Ngày 22 tháng chạp năm 1938 một người thuyền chài đã bắt được một con cá mà người ta tin rằng sống từ đệ nhị địa tầng, và ai ai cũng tưởng rằng loài cá đó đã mất từ lâu. Người thuyền chài đã kiếm được thứ cá ấy — tên là Latimeria Chalumnae — ở bên Phi-Châu, dưới 40 thước nước. Năm 1926, giáo sư Riggs tìm bắt được một loại rong bể dài tới 305 thước, tên là Nereocystis Luetkana.

Về cổ-sinh-vật học của nhân loại, người ta đào được sọ của giống người Néanderthal năm 1856, của giống người Pithecanthrope (ở Java) năm 1893. Á-Châu mà nhiều người học-giả cho là nơi đầu tiên sản xuất loài ngoài, cũng cho ta rất nhiều di tích như những bộ xương của giống người Mégauthrope, và gigauthopithèque. Trong mấy năm 1927 — 1929, Pei và Davidson Black đã đào được ở gần Bắc-Kinh xương của giống người Sinanthrope. Những xương này đã do cha cố đạo người Pháp Teilhard de Chardin khảo xát. Bên Phi-Châu người ta cũng đào được nhiều xương của những giống người như giống Australopithèques tìm thấy ở xứ Transvaal năm 1924, giống Africanthrope tìm được ở bên xứ Tanganiyka năm 1935.

Bên Pháp ngành cổ-sinh vật học tiến rất nhanh, và người ta tìm thấy nhiều di tích trong những vùng như La Chapelle-aux-Saints, Fontechevade, Menton (giống người Grimaldi...)

Năm 1900, bên Đan Mạch, Sarauw đã đào được cả một thành phố sống trên mặt nước ở vùng Maglemose (Danemark) và đây ta đã nhập vào lãnh vực của ngành khảo-cổ học (archéologie) và không còn trong địa hạt cổ-sinh-vật-học nữa.

N. T. H.

*
* *

Kỳ sau : KHOA-HỌC NHÂN-VĂN
(Sciences Humaines)

Thiện và Ác

«*Video meliora proboque deteriora sequor*», Je vois le bien, je l'approuve et je fais le mal, *Tôi thấy điều thiện, tôi nhận điều thiện, mà tôi vẫn làm điều ác*, đó là câu thi-sĩ la-tinh Ovide đặt vào miệng nàng Médée để tả người có trí sáng suốt thấy rõ đường chính song vẫn bị sự hèn yếu kéo về nẻo tà. Câu trên hợp với câu trong Phúc-Âm : « *L'esprit est prompt, mais la chair est faible* », *Tinh-thần thì tỉnh-táo, song xác thịt lại yếu-hèn.*

Bài cậy đăng

ÔNG NGUYỄN-QUANG MUỐN GÌ ?

ĐỖ-TẤN

Tôi vốn không ưa nhiều chuyện. Nhưng không ưa nhiều chuyện không có nghĩa là để mặc người ta muốn nói gì về mình thì nói, nhất là sự « nói gì về mình » đó lại ngụ ý xuyên tạc.

Số là trên nhật báo Ngôn-Luận ra ngày 15-7-1960 tôi có viết một bài phê bình về tập khảo luận THI NHÂN HUẾ của ông Lê-Mộng-Hòa, Trong bài một đoạn như sau :

« *Theo lời tựa của ông Bửu-Kế thì chín người làm thơ trong THI NHÂN HUẾ tập 1 đều* « sanh trưởng ở nơi chốn cố đô đất Việt ». *Không hiểu ông Bửu-Kế đã hiểu chữ* sanh trưởng *thế nào, chứ ở trang 94, người ta được đọc :* « Bá Thiệu chính tên thật là Hoàng-Bá-Thiệu, sinh năm 1932 quán làng Khái Đông, Hòa Vang, Quảng-Nam... !

Hẳn Quảng-Nam không phải là Huế và người đọc không thể không lấy làm ngạc nhiên tự hỏi : tại sao đã gọi là « thi nhân Huế » *lại có người Quảng-Nam làm thơ xen vào ? Nói như thế để ông Lê-Mộng-Hòa chú ý đến nhiều hơn về thành phần thi sĩ mà ông sẽ đề cập đến ở tập II và để ông Bửu-Kế lần sau nếu có viết tựa thì* « chịu khó đọc tác phẩm kỹ hơn, trước khi đặt bút ».

(Những chữ « chịu khó đọc tác phẩm kỹ hơn » *lần này tôi xin phép được in đậm để độc giả lưu ý).*

Vậy mà trong một bài tranh luận với ông Bửu-Kế về một vấn đề sử học đăng trên tạp chí Phổ-Thông số 40, ông Nguyễn-Quang đã nhắc đến bài phê bình ấy của tôi như thế này :

« *Không phải như ông Đỗ-Tấn ở nhựt báo* Ngôn Luận *ngày 15-7-1960 chỉ trích ông Bửu-Kế đề tựa cuốn* « Thi Nhân Huế » mà không đọc sách *trước*

khi cầm bút,..:« Những chữ không đọc sách *của ông Nguyễn-Quang, tôi cũng xin được phép in đậm để độc giả lưu ý, tiện bề đối chiếu với những chữ* chịu khó đọc kỹ hơn « *của tôi ở trên).*

Chắc toàn thể độc giả không một ai lại hiểu « không đọc sách » *và* « chịu khó đọc kỹ hơn » *lại cùng một nghĩa như nhau. Và riêng ông Nguyễn-Quang, một người viết văn, lại viết văn khảo cứu và tranh luận, hẳn ông phải hiểu hơn ai hết rằng*« không đọc sách » *có nghĩa là* không *để mắt đến những chữ, những trang trong sách, và do đó* « không biết gì hết » *về nội dung cuốn sách; còn* « chịu khó đọc kỹ hơn » *có nghĩa là có đọc, nhưng đọc không kỹ, và do đó* có thể biết *về cuốn sách nhưng biết không được tường tận, chưa chu đáo. Và đã hiểu như vậy rồi thì không có lý gì ông Nguyễn-Quang lại gán cho tôi cái tội là vu cho ông Bửu-Kế đã* « không đọc sách », *trong khi đó tôi chỉ có ý đề nghị* « lần sau nếu có viết tựa thì » (*ông Bửu-Kế*) « chịu khó đọc tác phẩm kỹ hơn».

Gán cho tôi cái tội đó, nếu tôi không làm thì ông Nguyễn-Quang đã nhắm mục đích dùng tôi làm « đòn kê » để tranh luận mạnh miệng hơn với ông Bửu Kế, kéo tôi về phía ông để chứng minh rằng không phải chỉ riêng ông nói ông Bửu-Kế đã « lấy óc phán đoán chủ quan và đề cập đến vấn đề » *chứ không chịu đọc kỹ ai, mà ngoài ông ra còn có kẻ khác nữa (là tôi, Đỗ-Tấn, xin hiểu ngầm).*

Sở dĩ tôi đã nghĩ như vậy là vì tôi tưởng việc ông Nguyễn-Quang nhắc đến tôi trong bài tranh luận với ông Bửu-Kế đăng trên Phổ-Thông số 40 là thừa, vì điều tôi đề nghị với ông Bửu-Kế, đứng về mặt nội dung mà xét, không ăn nhập gì đến bài tranh luận về một vấn đề sử học của ông Nguyễn-Quang cả. Nhưng nói cho cùng, nếu ông có cần nhắc đến tôi, dẫn chứng đến điều tôi nói thì, tinh thần tự trọng bắt buộc, tinh thần tôn trọng sự thật bắt buộc, ông phải nhắc và dẫn chứng cho đúng, đừng nên vu bịa và xuyên tạc,

Và nếu ông Nguyễn-Quang hiểu thêm cho rằng giữa ông Bửu-Kế và tôi còn có tình hiểu biết quen thân thì, ngoài cái tội vu bịa và xuyên tạc về tôi, ông còn mắc cái tội vô tình (nói cho nó nhẹ) chia rẽ giữa anh em cầm bút (vì nếu chỉ đọc có ông Quang ông Kế có thể hiểu lầm tôi).

Ấy là tôi đã nghĩ vậy về ông Nguyễn-Quang khi đọc qua bài ông ở tạp chí Phổ-Thông. Có thể là tôi đã nghĩ sai. Nhưng nếu tôi đã nghĩ sai thì xin ông hãy cho độc giả và tôi cùng ông Bửu-Kế hiểu rõ dụng ý của ông khi ông định tâm xuyên tạc một câu văn như vậy.

ĐỖ-TẤN

LỤC-HUYỀN-CẦM

Tang tình tang tình dỏ nhớ thương
Tình tang, lả điệu liễu mơ sương
Tang tình giật phím, sao bừng ánh
Trầm bổng trầm, mây nước lộng gương

Văng vẳng đồng giao sắt, dịu cung
Đơn hòa nhịp kép sáu dây rung
Hắt hiu lau trúc rừng thu úa
Trăng hút trào dâng bạc vạn trùng

Điệp-khúc ngân dài giọng thiết tha
Dư-âm rền rĩ sóng *MI LA*
Buồm xa xa khuất bờ hoang vắng
Lướt ngón, buông huyền, rụng cánh hoa

Nhạc rót hương say thả gió chiều
Du - du hồn ngả bóng cô-liêu
Sợ sầu vẫn ước sầu ngây ngất
Muốn khóc cho đàn bật tiếng yêu.

Đ. T.

ĐIỂM SÁCH

Tác-phẩm : Men Chiều

Tác-giả : NGUYỄN-THỊ-VINH

Nhà xuất bản : Phượng-Giang

★ *CÔ PHƯƠNG-THẢO*

Men chiều là tác phẩm thứ tư của bà Nguyễn-Thị-Vinh. Sự đã quá tam, người ta thực khó giữ lòng hờ-hững mà không cảm thấy ít nhiều băn khoăn về sự... hững hờ. Thêm nữa những cây bút phụ nữ trong nền văn học hiện tại thật là quá sức ít oi, đến nỗi mỗi sự có mặt cũng là một sự tri hô, một cái hiện tượng giữa một khung trời vắng vẻ, một cù lao nổi trên một mặt biển trầm ngâm trong vẻ quang đãng nghèo nàn, bắt buộc cả đến những người đãng trí cũng phải lưu tâm.

Men chiều là tập truyện ngắn gồm có tám truyện chưa chiếm đến trăm trang sách. Tám truyện là tám tâm tình phụ nữ, phụ nữ trung lưu với cái không khí thị thành vây bọc chung quanh.

Nếu ta gượng ép đem tám truyện này sắp xếp trở lại, chúng ta sẽ có cái tâm-tình của một người đàn bà, từ khi còn là thơ ngây cho đến khi lập gia-đình. Ta gặp nàng trong Chuyện Tết, bé bỏng, hiền lành, cha sớm qua đời, vui buồn với mẹ và người u già trong những ngày lễ đầu năm, giữa một gia-cảnh đã nghe thiều-thồn nói lên những tiếng ngập ngừng.

Ta lại gặp nàng trong Cắt tiết gà, đã lớn hơn xưa nhiều lắm, cầm dao cắt lấy cổ gà và cứ giữ mãi cái cảm-giác ghê rợn đến phải ăn chay suốt mấy hôm liền. Trong Hận thì nàng bắt đầu đối diện ái-tình. Nàng gặp hai kẻ đàn ông, một rất chân thành, đứng đắn mà nàng yêu bằng mối tình trong sạch, bằng phẳng nhưng không gây được sự xúc động, say mê, quyến rũ như với kẻ kia, phóng đãng tầm thường mà nàng vẫn cứ tự dối cho là mình ghét. Rồi trong Men chiều, nàng yêu một người đàn ông đã có vợ rồi.Biết rằng không lấy nh au được,

nàng vẫn cứ yêu, và đến khi lấy chồng, mỗi lúc chiều về, dư-âm của mối tình xưa vẫn còn vọng lại với nàng, an-ủi lòng nàng, nuôi dưỡng trong nàng những nguồn hy-vọng sum-họp về sau, trong cõi linh-hồn bất diệt. Đi vào Bệnh viện ta gặp lại nàng buồn chán, lo âu, đang nằm nghỉ ngơi, nghĩ-ngợi, chờ đến ngày mai mổ phổi. Với Niềm tin, nàng đã tìm lại được sự yên lòng sau những tháng ngày băn-khoăn cảm thấy chồng mình không còn thương-yêu như ngày mới cưới. Với Tình và nghĩa, nàng lấy tình thương sâu đậm để tìm lối thoát cho cái cảnh-ngộ gặp phải người chồng thô-bỉ. Cuối cùng ta lại nghe được tiếng reo vui về của nàng. — Con đã về — Nói lên cả nỗi lòng người mẹ hân hoan sau những giờ phút phập phồng lo ngại cho con phải bị tai nạn dọc đường.

Ghép tám câu chuyện vào cho một người, nếu có gượng ép, cũng chỉ là phần hình thức. Cảnh ngộ của tám câu chuyện, dù có khác nhau, nhưng nhân vật chính, chung qui là một.

Đó là tâm hồn một người đàn bà suốt đời sống trong khung cảnh thanh nhàn, với sự cảm nghĩ đơn giản theo khuôn-khổ của một gia-phong đã có nếp truyền nhưng không khe khắt, cũng không buông thả. Người đàn bà ấy có học nhưng nàng chấp nhận những điều đã học một cách thụ-động và không dám nghĩ xa hơn những điều sách vở đã nói với nàng. Nàng có cái trình độ trí thức trung bình đủ để giữ nguyên lương-trí của nàng, gợi thêm cho nàng ít nhiều suy tưởng tự do nhưng không trái với nếp sống từ lâu đã được chấp nhận. Nàng cũng như đa số những người mà ta gặp gỡ hằng ngày, không dám nhìn rõ lòng mình, luôn luôn tự dối với mình một cách chân thành, và rốt cuộc lại quay về với lẽ phải, với bổn phận, một cách ngoan ngoãn, không vì lẽ phải cao đẹp, không vì bổn phận thiêng liêng mà vì tự vệ, cần phải dựa cậy vào nơi chắc chắn sợ nỗi xông pha sóng gió hiểm nghèo. Cho nên « *có lẽ suốt đời nàng sẽ tránh không bàn cãi với ai về chuyện có linh hồn hay là không có. Nàng sợ khi mất niềm tin ấy thì nhất định nàng sẽ tìm đến người yêu ngày trước của nàng. Nàng sẽ không còn là người đàn bà đức độ sống trong khuôn khổ luân-lý của xã-hội được nữa* » (trang 20) Đức độ của nàng — như ta đã thấy — là cái đức độ tạm bộ, giả dối như phần đông đức độ mà ta nhìn thấy quanh ta, nó được thành hình hoàn toàn là bởi xã-hội chứ không phải vì xã-hội. Sở dĩ có tâm lý ấy là vì con người bị cái áp-lực xã-hội ràng buộc mà không được xã-hội khai phóng, con người phải chịu cái liên hệ của mình đối với xã-hội một cách hoàn toàn bị-động. Cái trạng thái giả dối ấy xuất phát từ điểm mâu-thuẫn sau này : nàng muốn được sống vì nàng, trong khi xã-hội cần nàng phải sống cho nó. Nàng phải khuất phục xã-hội vì nàng yếu thế hơn nhiều. Và nàng cứ tiếp tục tách rời tình yêu ra khỏi bổn phận,

cứ việc làm vợ và mơ màng đến tình nhân cũ. Để khỏi bỏ chồng bỏ con, nàng phải cậy dựa vào thuyết linh hồn bất diệt mà xã-hội đưa ra để giữ nàng lại trong cái trật tự của nó, mặc dầu ở trong thâm tâm nàng không chắc rằng thuyết ấy có giá trị nào. Ở trong người nàng không có một sức phản ứng, một mầm đối kháng bởi vì nàng chịu chấp nhận tất cả để được yên thân, cho dù phải chịu thiệt thòi bao nhiêu đi nữa. Sự nhượng bộ ấy, nàng vẫn thực hiện thường xuyên nhưng nàng cố tình không thấy. Đến khi đối diện với sự nhục nhã quá rõ thì nàng lại tìm lối thoát một cách tiêu cực là chấp nhận nó, khuất-phục nó và tự thấy mình lớn mạnh hẳn lên, cố nhiên đấy là ảo tưởng về sự lớn mạnh để che đậy sự bất lực. Đó là trường hợp của Loạn gặp phải người chồng thô bỉ càng chửi rủa vợ được nhiều thì càng ăn ngủ ngon lành. Người chồng gọi vợ là « *đồ khốn nạn* », và dám mở miệng « tuyên bố » *tao chỉ chửi cha mày thôi* », người chồng chửi xong, *im lặng một lát lại chồm ngóc đầu lên xỉa vào Loan mà chửi một hơi xong lại nằm xuống, một lát lại chồm lên, cứ như thế tái diễn đến mấy lượt*, (54) và người vợ đối phó thế nào ? Nàng cho rằng chồng là *kẻ bị mất linh hồn trong cơn giận dữ*, rồi *những nỗi oán giận đau khổ của nàng chìm lẫn vào trong tình thương mỗi lúc một tăng như bóng đêm mát lạnh rộng mênh mông...* (57)

Người ta bỗng nghĩ đến nhân vật A.Q. của Lỗ-Tấn, mỗi lần ra đường bị kẻ mạnh nắm đầu đập vào tường thì chỉ cần tự nhủ « nó đánh thằng bố nó đấy » và có cảm tưởng mình là bố thật để tự yên lòng và hãnh diện về nhà. Loan không bao giờ tự hỏi tại sao chồng nàng có quyền giận-và lăng nhục nàng trong khi nàng không có lỗi lầm nào ? Sự im-lặng của nàng sẽ đem đến cái hậu quả gì, ngoài sự nuôi dưỡng cho cái thú tính của chồng mỗi ngày mỗi thêm lăng-loàn, khuyến khích cái thói tật đàn áp vô liêm vô sỉ của chồng mỗi ngày một thêm phát triển ? Nàng không ý thức được cái giá trị của người nàng ở trong cuộc sống, không thấy được cái vai trò của nàng ở trong gia-đình, và cái trách nhiệm của nàng đối với những cảnh bất bình như thế. Chịu đựng, chịu đựng, đó là phương châm giải thoát của nàng, miễn sao cho được yên ổn, dù là phải mua bằng một giá nào. Cái tư tưởng muốn được yên phận ấy khiến ta càng thấy rõ thêm một sắc thái khác của tâm hồn nàng là sự ích kỷ đến mức cao-độ. Hình như người đàn bà ấy không còn nghĩ ngợi đến ai xa lạ, ngoài người đàn ông mà nàng sẽ biến thành kẻ thân yêu. Suốt tám câu chuyện ta chỉ nghe người đàn bà kể lể về mình, về người cật ruột của mình, quanh quẩn trong những băn khoăn lo nghĩ về cái cá nhân của mình, hầu như xã-hội bên ngoài không có còn ai đáng để lòng nàng nghĩ đến. Thực ra trong Con đã về nàng có nghĩ đến một cô nữ-sinh nào đó bị xe cán chết giữa

đường, nhưng chỉ nghĩ đến là vì con gái của nàng cùng đang đi ở ngoài đàng lúc ấy và nàng chỉ mượn cái hình ảnh thảm khốc kia để mà lo âu cho hạnh-phúc mình, mừng rỡ cho hạnh-phúc mình thêm được vẹn toàn. Trong Cắt tiết gà nàng có nghĩ đến những nỗi khổ đau của nhân-loại và trong *giây phút rất ngắn ngủi, nàng chợt hiểu tất cả sự sống của mọi loài trên mặt đất đều đáng quí như nhau* (61) tuy nàng vẫn cắt cổ gà và sẽ cắt cổ gà nhiều nữa. Hãy nghe nàng bảo u già : « *Lần sau định ăn gà, mua về thịt liền thì không sao, chứ nuôi thế này rồi còn ai dám ăn thịt nữa* ». Nàng không hiểu được vì sao nàng nói như thế, và dễ tưởng như thế là nàng nhân từ. Thực ra, chỉ vì con gà nuôi lâu nó thành quen thân với nàng, nàng khó hạ sát. Con gà kia cũng như cô nữ sinh nọ, nếu không liên hệ với nàng, với một hình ảnh thân yêu của nàng thì dù có chết thế nào, hay chết bởi nàng, cũng mặc. Cái tình thương loài vật của nàng càng nói rõ thêm một cái khía cạnh ích kỷ đến độ tàn nhẫn mà nàng không dám tìm hiểu đến cùng. Cho nên nàng dễ lý luận một cách hết sức trẻ con như sau : «*nỗi bất lực sợ hãi đau khổ trước sự tàn bạo thì dù là người hay vật cũng đều giống nhau* » (62) Làm sao mà người lại giống với loài vật được ? Làm sao mà đem một sinh vật có ý thức, có tổ chức, một sinh vật tối linh xuống hàng muông thú chỉ có phản ứng thuần bằng bản năng ? Nàng thực là người đơn giản, đơn giản đến mức bi đát, khiến ta tự hỏi phải chăng nàng định đùa cợt giải sầu ?

Đây là một vài nét chính của cái tâm hồn đàn bà mà tác giả vẽ ra trong tám truyện ngắn ở tập *Men chiều*. Đây là mẫu người cảm tính, nông cạn, suy nhược dễ bị nhận lầm là hiền từ, dễ dãi, đứng đắn. Mẫu người này là sự kết tinh của cái ý-thức tam tòng thụ động biểu hiện trong sự lệ thuộc và cái tinh thần trưởng giả sa-đọa, biểu hiện ở trong cuộc sống ích kỷ, thèm được vỗ về, thỏa mãn cảm-giác hơn là chịu khó phân tích lý giải bằng cái năng lực lý trí, ham thích vật chất hơn là say mê lý-tưởng. Điều đó cắt nghĩa vì sao nàng vẫn luôn luôn chịu ép một bề ở trong thân phận làm vợ và sẵn sàng leo lên trên xe của gã điếm đàng mà nàng khinh ghét để đi dạo chơi với nó nhiều lần trong khi có kẻ yêu nàng, một kẻ cao thượng lo-lắng công tác xã-hội hơn là chú trọng bản thân, và nàng cũng yêu, nhưng đành từ chối. Điều đó nàng có nhìn thấy nhưng không được thật rõ ràng, đáng lẽ tác giả nên nói giúp nàng mới phải. Ta có thể chắc rằng, một trong những lý do làm nàng không ưa con người công tác xã-hội là vì anh ta chỉ đi bằng cái... xe đạp.

Qua tám truyện ngắn ta gặp một Nguyễn-Thị-Vinh giản dị, điềm đạm, cố gắng trình bày sự thật về cái tâm hồn của một tầng lớp phụ nữ quen sống trong cái không khí thị thành. Tác giả chỉ nói những gì mình đã nhận xét nơi mình hoặc ở những

người gần gũi và giữ được vẻ khiêm tốn, chân thành. Sự cố gắng này đã giúp tác giả thể hiện được nhiều cảm nghĩ tinh-tế qua các sự việc, như đoạn mô tả tâm trạng người vợ giận dỗi chờ chồng ở trong Niềm tin hoặc đoạn mô tả thái độ của người con gái trong Hận bị lôi cuốn theo gã điếm đàng. Sự cố gắng chân thành vẫn là đức tính căn bản của những con người văn-nghệ để mong thực hiện xứng đáng nhiệm-vụ của mình. Nhưng ở Men chiều sự cố gắng ấy, bị hai trở lực khá lớn. *Trở lực thứ nhất là cái trình độ trí thức về sự phân tích tâm lý, về sự quan sát xã hội, còn quá sơ sài.* Ta có cảm tưởng tác giả chỉ có đời sống tình cảm cá nhân dồi dào mà thiếu hẳn hai đời sống rất cần cho sự xây dựng tác phẩm : đời sống lý trí sâu sắc và đời sống xã hội rộng rãi. Dù cho tác giả chỉ là nhà văn chuyên viết tâm tình và chỉ mong là ngòi bút mô tả sinh hoạt gia-đình mà thôi, tác giả vẫn không thiếu được những mối liên hệ tất nhiên giữa phần tình cảm và phần lý trí, giữa cái khung cảnh gia đình và cái khung cảnh xã-hội. Trong ba đời sống căn bản ấy nếu chỉ có một, tác phẩm khó lòng có một sự sống lâu dài, Nhất là chỉ có đời sống tình cảm thì tác phẩm không có bề sâu, không có trình độ tư tưởng để làm xương sống vì thiếu đời sống ý trí — không có tác-dụng rộng rãi — vì thiếu đời sống xã-hội. Không phải nhà văn tâm tình chỉ nên biết có tâm tình. Trái lại, muốn viết tâm tình lại càng cần đến cả ba đời sống bởi vì không có tâm tình thuần túy và tâm tình đơn độc. Do lẽ đó nhiều người phải khó nhọc lắm mới đọc cho xong tác phẩm của Nguyễn-Thị-Vinh bởi vì cuộc đời ở trong tác phẩm đã bị đơn giản hóa đến mức tối thiểu để chỉ nhìn thấy khía cạnh tình cảm. Cuộc đời, vì vậy, không còn là cuộc đời thực mà chỉ là một màu sắc về cuộc đời, một cái ý niệm về sự sống, những biểu hiện sinh hoạt lờ mờ, thiếu cả sắc cạnh.

Trở lực thứ hai là sự sống công thức của tác giả cản trở tác giả nhìn cho thấu-đáo vấn-đề. Qua các truyện ngắn, ta thấy tác giả lúng túng trong một trạng-thái mâu-thuẫn : Con người văn-nghệ muốn tìm sự thực trong khi con người xã-hội muốn che sự thực. Con người xã-hội ở đây chỉ định con người làm vợ, làm mẹ, làm dâu với tất cả lễ-nghi, thành kiến, chi phối tâm tình tác giả.

Trong sự sống hằng ngày tác giả không dám nhìn thẳng vào mình nên trong tác phẩm tác-giả cũng chỉ phản ảnh bấy nhiêu. Như vào quán trọ Y-Pha-Nho những người văn nghệ chỉ có thể tìm gặp những gì mình đã mang đến. Người ta có cảm tưởng rằng, tác giả viết văn chỉ có mỗi một tác dụng là để tô điểm đời mình và chỉ có thể mà thôi. Tác-giả không cần sự thực, nếu như sự thực xúc-phạm đến sự yên tĩnh của tâm hồn mình. Và tác-giả nhắm bớt mắt lại, bịt bớt tai lại, từ chối mọi sự suy - tưởng, tránh bớt mọi sự tiếp xúc, hầu dễ tạo ra một cái khung cảnh yên vui, thanh nhàn giả tưởng.

Bởi vậy có người nhắc đến cái vẻ hiền lành ngăn nắp đầy ý xây-dựng ở trong nội dung tác-phẩm. Nếu làm văn-nghệ chỉ là đồng nghĩa với làm đạo-đức, e rằng các nhà luân-lý đã thành những văn nghệ-sĩ từ lâu. Nhà văn phải là một nhà khoa học sử dụng phương pháp nghệ-thuật khám phá cuộc đời, tìm hiểu con người để mà xây dựng cuộc đời, xây dựng con người.

Vì thế, nhà văn, trước hết phải nói cho được sự thực. Kẻ thù thứ nhất và cuối cùng mà nhà văn phải cố tiêu diệt là sự giả dối ở bản thân mình. Thấy được sự thực rồi nhà văn mới biết mình sẽ về đâu. Nhà văn phải đi, không thể đứng làm vũng nước ao tù. Tác-giả Men chiều không cho ta thấy sự chiến-đấu ấy. Từ lâu, khi vào tác-phẩm, ta gặp tác-giả đầu hàng. Đầu hàng với chính bản thân cho nên không còn năng lực đi vào cuộc đời phức-tạp. Những sự cố-gắng chân-thành mà ta tưởng rằng tìm thấy chỉ là do lòng ta yêu mến tác-giả, mong chờ ở nơi tác giả mà thôi. Quan-niệm về nghệ-thuật, về cuộc đời đã ảnh-hưởng sâu xa đến lối hành văn tác-giả. Ta chỉ tìm thấy qua những nhân-vật hiền lành, những câu gãy gọn, một sự dung thường, giản-dị. Đó là dung thường giản dị của một bãi đất thưa cây, của một ngôi nhà trồng trải. Lời văn, bố cục, đề tài, phảng phất cái khuôn đã cũ của Tự Lực Văn Đoàn.

Nhưng buổi trưa Tự Lực Văn Đoàn đã xế từ lâu, đổ nghiêng bóng ngả về chiều đến độ nào rồi. Đây là buổi chiều sót lại của ngày xưa ấy, giờ đã lên men, phảng phất những ánh hoàng hôn thoi thóp mong manh, chờ bóng đêm về.

Cô PHƯƠNG THẢO.

ĐAKAO CÓ GÌ LẠ ? ?

Phòng trà Ca nhạc TỨ-HẢI

(Ở TRƯỚC TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐAKAO)

Số 44 — 46 Đại lộ Đinh-Tiên-Hoàng

Nơi tập-hợp của nhiều ca-sĩ duyên-dáng, trong một khung cảnh đầm ấm.

Mỗi tối từ 20 giờ 30 đến 23 giờ 30, trình-bày ca nhạc với sự cộng-tác của nhiều ca-sĩ hữu danh thủ đô

Nhận đặt tiệc (món ăn Âu Tây, hoặc Việt-Nam).

Suốt ngày : bán giải-khát và khai-vị, giá bình-dân.

Tiếp-đải niềm-nở, giá cả phải chẳng.

QUÁCH-GIAO

MƯA THU

Tôi yêu mưa mùa thu
Dịu dàng buông mái tóc.
Yêu khi mùa tang khóc
Dòng lệ đắng lên môi.
Yêu không nói nên lời
Nhưng là thương là nhớ
Khi thu còn bỡ ngỡ
Mưa nhè nhẹ tình ai.
Yêu từ thuở ban mai
Một mùa thu nguyên phối.
Mai sau dù bắc thối
Thu bạt hướng chim trời
Nắng dù ráo lệ đời
Trong lòng mưa thu mãi.

Nha-Trang, mùa hoa Phượng 55

QUÁCH-GIAO

(*Dạ-lý hương*)

MỘT CHUYỆN ĐÃ LÀM CHẤN ĐỘNG DƯ-LUẬN GIỚI KHOA-HỌC.

NGƯỜI CHÓ SÓI

VĂN-VINH

(Chúng ta thường được nghe kể chuyện những đứa trẻ lạc trong rừng rồi được thú vật nuôi nấng. Chúng ta không biết có nên tin những chuyện ấy không?... Thì đây, câu chuyện xảy ra tại Ấn-độ hồi cuối năm 1920 sẽ trả lời cho mối thắc mắc của chúng ta. Chuyện đó đã một hồi làm chấn động dư luận thế-giới, và vừa mới được đăng tải lại trong nguyệt san « Paris variétés » số xuất-bản kỳ tháng 7 năm 1960 dưới đầu đề « Kaméla et Améla — Les fillettes-louves de la jungle»)

Xứ Pundja bở Phía bắc Ấn-Độ là một miền nằm trong dãy Hi-mã-lạp-sơn, thổ dân là người Sikh. Họ cũng có tôn giáo riêng, nhưng hồi sau đại-chiến 1914-1918, có một người Sikh bỏ đạo của tổ tiên để theo đạo Tin-Lành. Người ta quen gọi ông là cha Singh. Cha Singh lấy vợ người bản xứ, nhưng không có con. Ông trông nom một giáo khu và một viện mồ côi đặt ở Midnapur, một thị trấn hẻo lánh trong tỉnh Calcutta thuộc lưu vực sông Hằng.

Ấn-Độ là một xứ rất rộng, tín đồ Thiên-Chúa lại không đông nên cha Singh thường phải đi rất xa để truyền giáo và săn sóc con chiên. Ông không hề phàn nàn nỗi vất vả và khó nhọc, vì ông vốn có đức tin rất lớn.

Hồi cuối tháng Chạp năm 1920, cha Singh tới thăm làng Godamuri ở sâu trong rừng thẳm, về phía đông-nam

cách thành Calcutta chừng vài trăm dặm. Vừa mới tới nơi, cha Singh gặp ngay một nhân viên chức việc trong làng tên Chinarem tìm đến. Y run lẩy bẩy kể cho cha nghe rằng y vừa mới chính mắt nhìn thấy ma quỷ — « manush-bagha ».

Cha Singh hoài nghi, nhưng cũng mở cuộc điều tra trong đám dân làng. Một số người chứng nhận những điều Chinarem kể là có thực ; họ còn thuật lại rành rọt, tỉ mỉ nhiều chi tiết khiến cha Singh không thể bỏ qua được việc ấy. Cha bèn quyết định mở cuộc ruổng xét. Thật tình cha không tin có « manush-bagha », nhưng cha nghi ngờ trong chuyện ấy có điều gì bí mật.

Thế là ngày 19 tháng chạp năm 1920, cha Singh mở cuộc ruổng xét thứ nhất quanh những ổ mối ven rừng. Quãng rừng đó rất rậm rạp, bóng tối âm u, không khí nặng nề u uất, thú dữ và rắn độc có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Cùng mấy người can đảm — trong đó có Chinarem, cha Singh dình dập hàng giờ. Lúc bóng chiều buông xuống, cha đã thất vọng định ra về, bỗng cha thoáng nhìn thấy (hay tưởng như nhìn thấy) một vật gì khác thường. Lúc ấy cha Singh đang bị cơn sốt rét hành hạ nên cha ngỡ mình nhìn lầm. Chờ đợi thêm mấy phút không thấy gì, cha mới cùng mọi người bỏ ra về. Ở những xứ miền nhiệt-đới, bóng tối đổ xuống rất mau ; phút chốc cảnh vật đã chìm trong tấm màn đêm dày đặc.

Tờ mờ sáng hôm sau, cha Singh lại mở cuộc ruổng xét thứ hai cùng với một số dân làng. Cũng như lần trước, vào lúc sẩm tối, cha nhận thấy một vật gì khác thường động đậy. Mọi người kia cũng nhìn thấy. Cha liền tiến sâu vào trong rừng. Đa số dân làng nhút nhát đứng bên ngoài, chỉ có mấy tay thợ săn là bạo dạn bước theo cha, mũi tên đặt sẵn sàng trên nỏ. Bụt, một con chó sói to lớn nhảy ra và chạy vào rừng. Bọn thợ săn định đuổi theo, nhưng bị ngay một con chó sói thứ hai — con cái — ngáng đường cản lại, miệng gầm gừ. Cứ xem dáng điệu liều chết của nó, mọi người cũng đoán được rằng nó đang có con và muốn bảo vệ con nó.

Cha Singh kêu mọi người đừng bắn, nhưng không kịp ; những mũi tên đã nhả ra và bay vèo tới đích. Một mũi ghim đúng trái tim con chó khiến nó nhắm mắt lại, chết không một tiếng kêu. Con đực chạy biến vào rừng. Thấy không còn gì đáng lo ngại nữa, mọi người mới tiến vào chỗ chó làm ổ. Cha Singh rọi đèn bấm vào sâu trong hang tối om om và nặng mùi hội hám. Thoạt đầu cha nhận thấy hai con chó sói con hốt hoảng chạy luồn qua chân cha ra ngoài. Rồi sau cha nhìn thấy hai con vật lạ đang ôm chặt lấy nhau như để che chở lẫn cho nhau. Hết sức kinh ngạc, cha Singh tiến thêm mấy bước về phía chúng. Con vật lớn nhất nhe răng gầm gừ, lấy thân mình để che chở cho con vật nhỏ hơn. Bọn thợ săn thấy vậy hoảng sợ xô nhau chạy trốn.

Còn lại một mình, cha Singh vẫn

can đảm xông lên. Sau một hồi vật lộn, cha bắt được cả hai con vật. Đến lúc ấy, cha không còn nghi ngờ gì nữa... Hai con vật nọ chỉ là hai người, hai đứa con gái, đứa lớn chừng lên bảy tuổi, đứa nhỏ mới độ ba mươi tháng. Cả hai đứa đều không có quần áo, nhưng tóc chúng mọc dài và rậm phủ xuống thân mình. Chúng không nói được thành tiếng mà chỉ kêu gâu gâu như tiếng chó sủa. Chúng cũng bò bốn chân như chó, nhưng rõ ràng chúng không phải là chó mà là người. Cặp mắt của chúng, cái nhìn của chúng, nét mặt thanh tú của chúng không thể có được ở một giống vật nào khác ngoài giống người.

Bọn thợ săn lúc nãy chạy trốn vì họ ngỡ hai đứa trẻ đó là « ma quỷ » vẫn gieo tay rắc họa cho dân làng. Cha Singh phải giảng giải dỗ dành mãi, và phải hứa thưởng cho họ một số tiền lớn mới có mấy người chịu quay trở lại giúp cha một tay.Cha cho trói hai đứa trẻ chó sói đó lại, và ngay đêm đó dẫn chúng về làng Godamuri. Sợ dân làng vì mê tín giết mất chúng, cha phải thuê người canh gác chúng rất cẩn thận, và ngay sáng hôm sau, cha đã lên đường trở về nhà đạo ở Midnapur, dẫn theo hai đứa trẻ kỳ dị.

*
* *

Sau một cuộc hành trình đầy gian lao, cha Singh mới về tới Midnapur. Bà Singh ra đón chồng, nhìn thấy hai đứa trẻ nửa người nửa thú, bà sợ hết hồn. Nhưng vốn là người hiền hậu và giàu đức tin, bà sẵn sàng tuân theo lời chồng trông nom dậy dỗ hai đứa trẻ để chúng trở lại thành người. Trong khi đợi làm lễ rửa tội và đặt tên thánh cho chúng, mà bà Singh chọn cho mỗi đứa một cái tên bản xứ; đứa lớn gọi là Kha-lệ (Kaméla), và đứa bé là A-lệ (Améla).

Kha-lệ và A-lệ tỏ ra sợ hãi và thù ghét loài người. Rõ ràng chúng còn luyến tiếc cái gia-đình chó sói của chúng. Cha Singh đã cố dùng lời dịu ngọt để nói với chúng, nhưng ngay buổi đầu cha đã bị Kha-lệ cắn chảy máu tay. Trái lại A-lệ tỏ ra hiền hậu, dịu dàng hơn. Nó thích được bà Singh vuốt ve nó như khi ta vuốt ve một con chó nhỏ.

Vừa về tới nhà, hai đứa đã chọn ngay túp lều tối tàn vẫn để chứa đồ làm vườn làm nơi trú ngụ. Chúng sợ ánh sáng mặt trời nên chỉ đêm khuya mới bò ra khỏi lều. Nhưng người ta phải canh chừng chúng rất cẩn mật, vì chúng chạy rất nhanh. Thông thường, chúng bò, nhưng khi có sự gì nguy cấp hoặc muốn chạy, chúng nhảy từng bước như con đại-thử (kangourou).

Người ta đã thử mặc quần áo cho chúng, nhưng vô hiệu. Kha-lệ cắn xé tất cả những gì nó mặc trên người, và còn cắn xé cả của A-lệ nữa. Nó rất yêu thương A-lệ, nhưng nó còn thích đánh bạn với đàn chó nuôi trong nhà chung hơn. Ngay buổi đầu mới được đưa về, nó và lũ chó nọ đã thân thiện với

nhau ngay. Có lẽ lũ chó ấy đã nhắc chúng nhớ đến cha mẹ nuôi của chúng ở trong rừng chăng ?

Chúng không giao thiệp với nhau bằng tiếng kêu hay bằng cử chỉ, nhưng chúng vẫn hiểu biết ý muốn của nhau một cách dễ dàng. Hình như đó là do một sự truyền cảm bí mật nào. Người ta đã thử chia rẽ chúng mỗi đứa một nơi, nhưng chúng lồng lộn, kêu gào, rên rỉ không ai chịu nổi.

Bà Singh muốn mua chuộc cảm tình của chúng nên đã dẫn lũ trẻ mồ côi trong viện đến cho chúng gặp. Kết quả thật là thảm hại. Lũ trẻ thì sợ quá co rúm người lại, còn hai đứa kia thì nhe nanh gầm gừ chực cắn. Nếu không có người lớn đứng đấy canh chừng, nhất định Kha-lệ đã nhảy lên vồ lũ trẻ rồi.

Bị thất bại lần ấy, bà Singh vẫn không nản chí. Bà nghĩ tới cách khác để mua thuộc cảm tình của chúng là đánh vào lòng tham ăn và tính ưa làm đỏm. Kha-lệ không chịu mặc quần áo, nhưng lại rất thích những đồ vật mầu sặc sỡ, dây băng, gương lược. Nó thích nhất là kẹo. Khi bị mang đi tắm, nó vùng vẫy rú lên, nhưng khi được đem ra chải tóc hoặc bắt rận thì nó thích lắm.

A-lệ hiền lành hơn, nhưng lại dễ nổi khùng khi gặp việc gì mới lạ hoặc bất ngờ. Cả hai đứa quen dần với đời sống ban ngày, dưới ánh sáng mặt trời. Nhưng người ta vẫn chưa mang được chúng vào ở trong nhà, vì hình như chúng sợ trong đó có đặt bẫy.

* * *

Ngày tháng trôi qua, Singh nhận thấy hai đứa đã tiến bộ khá nhiều. Người ta đã có thể tắm rửa cho chúng mà không lo bị chúng cắn lại. Khi cho chúng kẹo bánh, chúng đã hơi biết mỉm cười. Chúng không còn tìm cách chạy trốn nữa và khi mọi đứa trẻ khác nô đùa, chúng đã biết đứng từ xa theo dõi.

Tuy nhiên, vấn đề thức ăn của chúng vẫn còn phiền phức. Chúng không uống nước như người mà lại liếm choàm choạp như chó, và nhiều khi còn cắn cả đĩa chén nữa. Ngoại trừ mật ong và kẹo bánh, chúng không thích một món ăn nấu chín nào. Hễ sểnh một chút là Kha-lệ lại chạy ra sân đuổi theo gà vịt, và bắt được con nào là nó ăn sống nuốt tươi ngay tại chỗ. Có điều là nó cũng biết dành lại cho « em » nó (1) là A-lệ một vài miếng.

Việc chúng ăn sống nuốt tươi đã tệ nhưng chưa tệ bằng việc chúng ăn những đồ dơ bẩn, thiu thối nhà bếp bỏ đi. Mũi chúng rất thính; một thức ăn để tận rất xa mà chúng vẫn đánh hơi ngửi thấy. Tuy vậy, chúng không đến nỗi hoàn toàn bẩn hẳn, vì không bao giờ phóng uế ra chỗ chúng ăn nằm.

* * *

Giống chó sói ở miền rừng Ấn-Độ có lệ mỗi đêm rú lên ba lần : khoảng

(1) Không biết A-lệ có phải là «em» nó không ?

mười giờ tối, một giờ đêm và ba giờ sáng. Hai đứa trẻ chó sói kia cũng tuân theo lệ ấy. Đêm nào cũng như đêm nào, chúng rú lên ba lần, tiếng rú nửa người nửa vật làm người nghe rợn tóc gáy. Cứ mỗi lần nghe tiếng rú là thế nào bọn chó nuôi trong nhà cũng sủa lên đáp lại.

Trong hai đứa chỉ có A-lệ (đứa nhỏ) là có nhiều hy vọng trở lại thành người mau hơn cả. Nó là đứa đầu tiên chịu để cho người làm quen. Nó còn biết mon men tìm cách chơi đùa với bọn trẻ cùng tuổi và cố gắng tập đứng bằng hai chân. Nhưng nó mới đứng yên chứ chưa đi được; muốn đi, nó vẫn phải bò. Khi bà Singh cho nó một cái kẹo hay cái bánh nào, nó đã biết cọ mình vào chân bà để tỏ dấu cảm ơn. Kha-lệ thấy « em » thân thiện với người thì có ý không bằng lòng.

Rồi đột nhiên A-lệ chết. Lúc ấy người ta mới biết rõ tình thương của Kha-lệ đối với « em » nó sâu xa là nhường nào. Nó ôm chặt lấy xác A-lệ không để cho mọi người mang đi. Nó cất tiếng rú thê thảm, và điểm này chỉ đặc biệt loài người mới có là nó khóc nước mắt chảy ròng ròng. Trong mười ngày liền, nó không ăn tí gì vào bụng và thường thơ thẩn ở những nơi A-lệ hay đến, mũi chúi xuống hít hơi dưới đất và miệng rền rĩ nghe thật thương tâm. Sau đấy, nó thường hay tìm tới bên bà Singh như để cầu mong ở nơi bà một chút tình thương yêu, an ủi.

Nó bắt đầu chú ý tới những đứa trẻ mồ côi ở chung quanh và đã dám mon men lại gần bọn này trong những buổi phân phát bánh kẹo. Nó thích ngồi trên cái đu đưa đi đưa lại. Một lần nó trông thấy một đứa bé mới chập chững tập đi và nó mỉm cười với đứa nhỏ. Nhưng vì đứa bé sợ quá khóc thét lên, tiếng thét đánh thức dậy những thú tính còn sót lại trong người nó, nó đã vồ cắn đứa bé đến chảy máu. Nếu không có người lớn xông vào can ra, có lẽ nó đã cắn chết đứa bé rồi.

Vào thời ấy nó không còn xé bỏ quần áo nữa ; trái lại nó còn tỏ ra vui thích được mặc những chiếc áo lụa mầu sặc sỡ, được tắm gội và bơm nước hoa.

*
* *

Sau ba năm sống với người, tức năm 1923 (khi ấy người ta đón nó chừng 10 tuổi), Kha-lệ đã đứng thẳng và đi được mươi bước. Nhưng khi đi; đầu gối nó vẫn khum lại như giống khỉ. Tuy vậy, khi chạy, nó vẫn phải bò. Nó đã nói được hai tiếng « đói » và « khát » và tỏ ra rất mến đứa bé mà nó đã cắn cách đây mấy tháng. Trong lòng nó, tình mẫu tử hình như bắt đầu nảy nở. Nó không còn hung dữ lắm nữa. Khi người ta đưa nó vào chuồng gà, nó không còn bắt gà ăn sống nuốt tươi như độ nào.

Năm 1925, nó bắt đầu có ý nghĩ so sánh nó với mọi đứa trẻ bình thường khác trong viện mồ côi. Nếu có đứa nào cười nhạo nó, lập tức nó nổi giận ngay. Năm 1926, nó nói được chừng bốn mươi tiếng, và đã biết

giúp bà Singh làm những công việc lặt vặt trong nhà. Đôi khi nó cũng biết thẹn thùng e lệ như những cô gái đến tuổi dậy thì khác. Tính tình nó dịu hiền hẳn lại, nhưng nó vẫn không nói được nhiều và những đêm trăng sáng nó vẫn tiếp tục rú lên rùng rợn.

Đầu năm 1928, nó bị đau bệnh. Cha Singh có mời bác-sĩ đến thăm mạch kê đơn. Hai vợ chồng ông hết lòng trông nom săn sóc nó, nhưng sức khoẻ của nó cứ mỗi ngày một suy nhược, rồi đến ngày 14 tháng 11 năm 1929 thì nó chết. Trước khi chết, hình như nó cũng biết : nó tìm đủ mọi cách để tỏ lòng trung thành biết ơn của nó đối với cha mẹ nuôi. Ông bà Singh hết sức buồn rầu khi Kha-lệ chết, vì hai người đã quen coi nó như con đẻ.

Vị thầy thuốc được mời đến chữa bệnh cho Kha-lệ trong thời gian nó đau ốm là bác-sĩ Arnold Gesell. Ông đặc biệt chú ý đến « trường-hợp » kỳ lạ của hai đứa trẻ được chó sói nuôi, và đã thu thập tất cả những tài-liệu liên can đến chúng. Mấy năm sau, ông cho xuất bản một cuốn sách giá-trị nhan đề là: « Đứa trẻ được chó sói nuôi và đứa trẻ bình thường. Đời của Kha-lệ, đứa trẻ chó sói » (Wolf - child and human - child. The life history of Kaméma, the wolf-girl). Cuốn sách ấy ra đời đã làm chấn động dư luận thế-giới.

Không ai có thể nghi ngờ được tính chất xác thực của những tài liệu in trong sách, thứ nhất bên cạnh những tài liệu ấy còn có những bức hình rất giá trị.

*
* *

Càng đi sâu vào trường hợp Kha-lệ, A-lệ, người ta càng bí mật dầy đặc thêm. Đã hàng trăm nhà bác học nghiên cứu bài toán ấy, nhưng chưa một ai đã đưa ra được những lời giải thích thỏa đáng. Trước hết, chúng ta hãy tự hỏi : làm sao hai đứa trẻ kia lại bị bỏ trong rừng ? Chúng ta nên nhớ rằng người Ấn-Độ rất yêu con cái và những chuyện giết con ở nước họ xảy ra rất ít. Cho rằng một người mẹ chửa hoang đã vứt bỏ con mình vào trong rừng, nhưng mà làm thế nào hai đứa trẻ ấy không bị chó sói (kể cả chó cái lẫn chó đực) ăn thịt ? Làm thế nào chúng có thể sống được giữa một nơi đầy ác thú, độc sà, điều-kiện vệ-sinh hoàn-toàn thiếu xót, thức ăn thích-hợp với người hầu như không có hẳn ? Lại làm thế nào hai đứa trẻ đó có thể bị mất « tính cách con người » (déshumaniser) đến độ ấy.

Trước những câu hỏi đó, chưa ai tìm được lời giải đáp nào đích đáng. Chung quanh câu chuyện « Kha-lệ, người chó sói » tầm màn bí-mật vẫn còn che phủ dầy đặc. Chúng ta hãy chịu khó chờ ...

Viết theo tài-liệu đăng trong

« Paris-Variétés »

VĂN-VINH

Họa bài « Đề Đường thi trích dịch »
của Bùi - Khánh - Đản.

Tạ lòng nhau

Đời đã bao lần rộn bể dâu,
Mà tình Thu trước vướng Thu sau.
Sông Bồn trăng xế hoen tà áo,
Bến Nghé đèn khuya bạc mái lầu.
Say nhập hồn ai ? run nét bút,
Tình về thân khách l rớm dòng châu.
Hạc vàng nay dẫu mây biền biệt,
Tiên nhạc cầu xin chép gởi nhau...

Sông-Hàn một đêm vào Thu 1960

VŨ - HÂN

Kính họa

★

Gởi Huế, xứ cố nhân

Xa cách lâu rồi, Thơ nhớ Thơ
Trang thơm vàng cúc nở bao giờ ?
Sẹn hè đã tạ ba lần nhĩ l
Xứ Huế mưa về, ai ngẫn ngơ ?

★

Thư Thu vài nét gởi thăm nhau...
Từ độ chia tay, Xuân thế nào ?
Thay đổi bao lần sương nắng Ngự ?
Ta, dù dâu bể, trước như sau...

★

Ai đó, được thư, gắng trả lời
Cho dăm mươi chữ, rõ tăm hơi...
Chừ đây, thôi nhé l xin cầu chúc
Màu sắc Hoàng vương trang điểm tươi.

VŨ-HÂN

(1) = Bài này của Bùi-tiên-Sinh cũng đã làm bài xướng cho bài họa « Nếu có nhau » của Trần-hồng-Hừng mới cho đăng ở Bách Khoa số 87 (ngày 15-8-60) vừa qua.

HY - VỌNG

Tân truyện : « *Demain, peut-être, Monsieur V....* » của **GILBERT CESBRON**

Tranh vẽ của **RONALD SEARLE**

❋ **CÔ - LIÊU** *trích dịch*

Họ còn lại hơn trăm ngàn người mang thẻ thông hành của Liên-hiệp-Quốc.

Tiếng Anh gọi là D. P. (Displaced People) những người vong-hương.

Chiến tranh đã đuổi họ ra khỏi nhà họ, khỏi nước họ Họ sống trôi giạt chờ đợi một công việc làm, một căn phòng nhỏ để sống như những kẻ khác, với gia-đình và trong tự-do.

Thế giới đã quên hẳn họ nhưng họ vẫn để hết lòng tin vào cuộc sống, hy vọng một ngày mai tươi sáng.

TAY kéo miếng da lên liếc dao cạo, bàn tay cứng quèo, da còn dầy hơn miếng da liếc dao. Miếng da treo trên cái đanh đóng vào ván sơn dầu hắc thay cho tường nhà, bên cạnh còn 50 cái đanh nữa dùng để đồ, treo áo, và để phòng « khi dùng đến »... Trong khoảng thời gian 10 năm, lần hồi ông đóng từng ấy đanh để treo, thức lặt vặt, lâu dần đồ vật biến mất, nhưng ông vẫn để đanh đấy, phòng khi dùng đến, cạo râu xong ông tiến lại cửa sổ, trông ra ngoài.

Những căn nhà khác trong trại cũng y hệt, cũng những sợi dây kẽm căng ra để phơi quần áo rách sơ mướp, những cây gỗ vươn lên để dòng dây xuống lấy điện, những cảnh nheo nhóc khốn cùng của người tỵ nạn cộng sản ở lạc lõng giữa thành phố Muy-Ních.

Ông già bắt đầu cạo trán. Hôm nay ông phải thật chỉnh tề để đến phòng giấy ủy ban cứu trợ Mỹ.

Từ ngoài xông vào một mùi nồng nặc, mùi ghét bẩn, mùi bếp núc, mùi xà bông giặt, mùi con nít nghèo khổ đặc biệt ở các trại tập trung, không bao giờ ông quen được mùi ấy. Do sự tương phản, ông nhớ lại mùi trái táo mùa thu của căn nhà ở

Saint Petersbourg, mùi nước hoa Pháp dịu dàng của vợ thời còn sung sướng.

Ông còn giữ những cử chỉ khoan thai của viên thẩm phán trước kia. Ông vỗ túi tìm cặp kính, vật quý giá còn xót lại (bây giờ thì làm gì bằng kính ? Ở Muy-Ních ai mượn một nhà luật người Nga làm gì ?) Còn một vật nữa : thẻ căn cước của Liên-Hiệp-Quốc.

V... quốc tịch : công dân Liên-Hiệp-Quốc.

Sinh ở Saint Petersbourg ngày 8-10-1885

Một trong những công dân Quốc tế đầu tiên, nhưng mỉa mai thay, bắt buộc phải lìa xứ sở, truất hết tài sản, chức, tước, goá vợ, thất nghiệp, gia tài chỉ có một cái yên ngựa mục, một cái lò than và một bức ảnh Đức Bà.

Ông V. bước ra sân. Mọi người đang lấy nước, vội bỏ phông-ten chạy lại. Ông đã thành người để cả trại chú ý đến. Một cảnh tượng xóm ăn mày thời Trung-Cổ Âu-Châu, mọi người ồn ào bằng đủ thứ tiếng nói, nhờ ông chuyển đạt nguyện vọng với đại diện Liên-Hiệp-Quốc.

Ông V. đợi đã một giờ rưỡi trong một phòng rộng mông mênh, ông đã ngồi thử tất cả những ghế kê trong phòng để thưởng thức sự êm dịu, dưới con mắt thật nhân từ của những bức chân dung, người nào cũng có vẻ được nuôi dưỡng hậu hĩ quá. Trong phòng ấm áp, trước ông còn khoan khoái, nhưng sau khó chịu, muốn mở cửa thì chẳng hiểu cách mở thế nào.

Trên tường treo những *đồ biểu* tượng trưng cho hoạt động của Uỷ Bn cứu trợ, những đồ thị rắc rối nhưng chắc là đáng tin cậy. Hẳn là nhu cầu nào cũng được thỏa mãn, trường hợp nào cũng đã nghĩ đến. Từng ấy ban công tác không lẽ thất bại.

Cách 20 phút lại bước vào một viên chức niềm nở, thuộc loại gầy quá hay mập quá, đằng trước có viên thư ký mắt đeo kính, miệng nhai sinh-gôm đi giày có đinh sắt nhọn. Viên chức ấy đến bắt tay ông V. xin lỗi thật nhiều, nghe ông nói một hồi, cây bút vàng ở tay sẵn sàng ghi chép, nhưng chẳng ghi chép gì cả. Rồi bất thần cất giọng:

— Dạ, tôi hiểu, đây là phần việc của ông Vinh-Sơn, tôi sẽ báo tin cho ông ấy biết.

Ông V. không hề nhận thấy từ cuộc tiếp xúc này đến cuộc tiếp xúc khác, ông gặp người đối thoại, mỗi lúc một trẻ hơn, ăn mặc kém sang trọng và cũng kém tự tín hơn.

Còn một mình ông trở lại trước bức địa đồ nước Đức to lớn, lốm đốm chấm xanh đỏ ghi những trung tâm di cư. Ông nói : « A Lịch ở quanh đây. Chỉ cần đi đến mấy nơi đó kiếm ». Trán ông vã mồ hôi, ngón tay nhăn nheo vờn trên tấm địa đồ như vuốt ve ai...

Sau cùng có ông Ích-Bình đến, mời vào một phòng giấy sơ-sài. Trên bàn, bên trái một chồng hồ sơ « hồng » bên phải chồng khác mỏng hơn, đến trưa hai chồng sẽ ngang nhau. Ông Ích-Bình 25 tuổi, tóc vàng quăn, thân mật hỏi ông :

— Ông V. xin ông cho biết, tôi có thể giúp ích gì được cho ông ?

Ông V. đến đây với ý định trình bầy nguyện vọng của những người di cư cùng cảnh ngộ với ông.

Trong đời ông, kể cả lúc ở nhà tù, ông chưa từng qua trước mặt một người đàn bà. Ông bắt đầu nói đến những người khác trước khi nói đến mình. Ông trình bầy như những việc rất tự nhiên, hoàn cảnh những đứa trẻ hóa điên vì cha mẹ phải bỏ lại mới xin được phép nhập cảnh, một cặp vợ chồng, vợ được sang Gia - nã - Đại, nhưng chồng không có phép của sở Y-tế phải ở lại. Ông nói đến một người từ chối không nhận thư bạn, không tiếp ai, mà bảo người khác trả lời hộ là đã chết rồi, vì sợ gặp một tay sai Cộng sản. Ông nói đến cặp vợ chồng người Hung-Gia-Lợi ho lao...

— Ông làm tôi hết sức ngạc nhiên, từ năm 1955 bệnh lao đã diệt trừ hẳn. Trong các bệnh viện, trước khi phát-minh thuốc Rimifon...

Ích-Bình tả cảnh cho ông V. biết thế nào là một bệnh - viện Mỹ. Ông V. bối rối, không tìm ra được câu nói, hình như cái bàn và người thanh-niên mập mạp này mỗi lúc một rời xa như chiếc tàu rời bến. Ông V. phải nhắc lại vấn-đề 250 ngàn người tị nạn cộng-sản già nua, bệnh tật, trẻ con không cha, thiếu nữ có thai ngoài cuộc hôn-phối chính thức, những « cặn bã » bị chết chìm giữa những dân-tộc trước đây là kẻ thù, vì không nước nào muốn chứa chấp.

Ích-Bình tỏ vẻ khó chịu như cậu học trò phải học bài lại.

— Tôi biết rõ vấn đề cặn bã lắm.

— Thưa vấn-đề gì ạ ?

— À, tiếng gọi chính thức là thế.

— Vâng, tôi là một phần tử cặn bã.

Không biết sao Ich-Bình bật tiếng cười, ông ta nghĩ thầm « những người ngoại-kiều này, người nào cũng hơi hơi kỳ cục ». Tuy thế ông cũng mến ông già dở hơi này « Dẫu sao ổng cũng đáng tuổi ông nội mình ! » Và chàng ông nội ông ta cũng hói trán.

— Tôi không hiểu, sao hoàn cảnh những người...

— Cặn bã.

— Phải, sao lại đến nỗi như ông nói. Chúng tôi nhận thấy (ông ta mở sổ tìm con số), nhận thấy số người tự tử ít hơn ở Đan - Mạch chẳng hạn, ở đấy mức sống cũng gần ngang nước chúng tôi.

— Vì rằng hầu hết chúng tôi đều có lý-do để ham sống : ai cũng có một hy-vọng, nếu không...

Câu ấy làm Ích-Bình khó chịu: Xét cho cùng những mảnh ván trôi giạt này cố bám lấy sự sống như thế kể cũng bất lịch sự thật. Trên trái đất này có nhiều người nên biết phép lịch sự mà chết quách đi đừng để phải đặt thành vấn đề, dân di cư còn có tương lai đâu! Lạ rằng họ không chịu hiểu cho. Họ ngồi trên cái va ly, trong một nhà ga, đợi đã mười năm một chuyến tầu không bao giờ tới.

Ích-Bình vội xua đuổi những ý nghĩ bậy bạ và nhìn ông V. với con mắt nhân từ hơn. Ông. V. nói tiếp:

— Những người không còn gì để hy vọng không cần tự vẫn... họ sẽ chết tự nhiên... Người ở bên cạnh tôi muốn tự tận, nhưng làm thế nào? không có hơi ngạt, không có tiền để mua một khẩu súng. Nhảy xuống sông? Nhưng nó biết bơi. Đâm đầu vào xe cộ? Nó lại thoát chết. Cuối cùng nó định đâm đầu vào xe hỏa. Nhưng đến nơi mới biết rằng mình không đủ tiền mua một cái vé ra sân ga.

— Vâng, vâng, chúng tôi sẽ tìm hết cách giải quyết những vấn đề ông nói.

Ông V. xấm nắm đưa tập tài liệu ra:

— Ông có cần những tài liệu này?

— Không, không, không, chúng tôi có phương pháp làm việc khác. Ông bao nhiêu tuổi?

— Cũng may mà tôi già rồi.

— Như vậy theo nguyên tắc ông không được di-cư, nhưng lý lịch của ông. Có lẽ người ta có thể cho phép ông hồi hương...

Ông V. đứng phắt ngay dậy làm đổ chiếc ghế:

— Không, tôi không...

— Sao vậy, người ta trả ông về quê hương.

— Không thể được. Tôi chỉ muốn mơ tưởng đến tổ quốc chớ không muốn về.

Như vậy thì có thể được, nhưng tại sao ông không muốn đi khỏi Muy-Ních.

— Tôi đợi con tôi, con gái tôi chắc nó còn sống, cũng vong hương như tôi nhưng không biết tập trung ở đâu. Tôi đợi nó ngày nọ qua ngày kia...

— Đã 10 năm?

— Lâu hơn.

Người kia tự nghĩ mà không nói ra « con gái? chắc tóc nó đã hoa râm »

— Vâng được tôi sẽ cho tìm kiếm, vâng, tôi cam đoan với ông...

Nhưng ông ta phải ngừng lại, ông ta bị đặt trước một tình thế khó xử, chướng mắt nhất đời; viên thẩm phán già cầm lấy tay ông mà hôn Ích-Bình đỏ mặt tía tai như một cái ống đèn nê-ông.

— Vâng, tôi hứa với ông. Thôi đến bữa cơm rồi. Ông ở xa, tôi có sẵn thẻ ăn, nếu ông muốn dùng với tư cách một người khách của Ủy-Ban...

Nhưng ông V. từ chối vì ăn cữ khiến Ích-Bình càng kinh ngạc: một người nghèo đói như thế còn ăn cữ. Ông ta bắt tay thân mật ông V. như để chuộc lại những lỗi trước.

*

Ông V. dừng lại trước hàng 20 thực đơn dán trước các tiệm, hai mắt xanh cố sức đọc những chữ viết bằng mực tím để tìm những món ít tiền nhất. Ông vào một căn phòng thấp, khách ăn nhìn ông già ngoại quốc — một kẻ thù — với con mắt

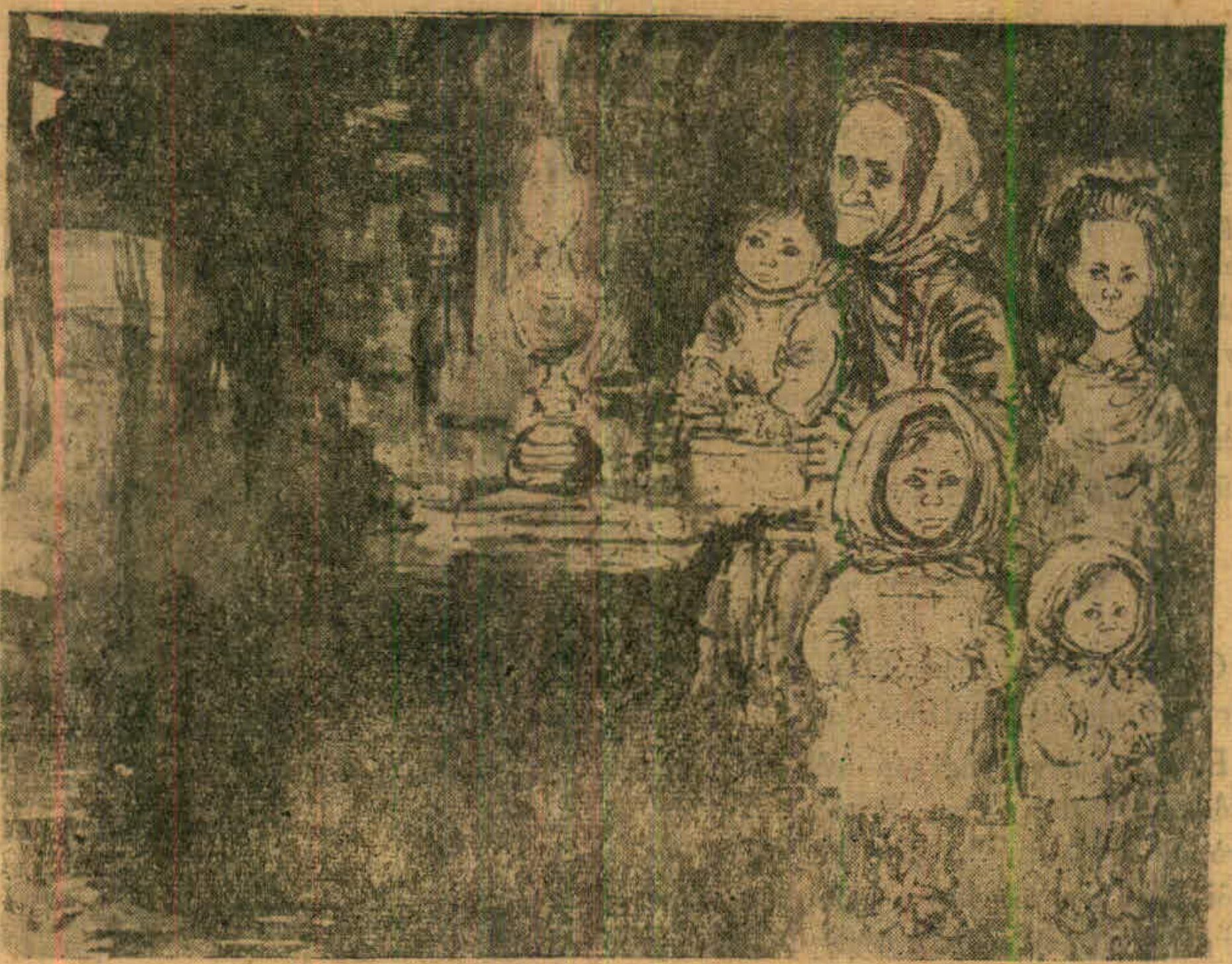

đầy ác cảm. Cô nữ chiêu đãi nghe ông gọi món ăn, mắt nhìn đi chỗ khác. Ông ta cũng giả vờ kén chọn, nhưng thực ra đã biết mình sẽ chọn món rẻ tiền nhất biết rằng cô nữ chiêu đãi cũng đoán ra. Mọi người không ai có cảm tình với người dân một nước xâm lăng. Ông cũng khinh rẻ họ là dân một nước bại trận, nên một phút ông bỗng lấy làm hãnh diện ! Họ có quyền gì khinh bỉ ông, một người của nước thắng trận ! một công dân Quốc-tế ! Ông ngồi ăn vội vàng bữa cơm mà ông đã dè sẻn và mong đợi từ 10 ngày trước. Ông biết rằng đến chiều cũng còn khó chịu vì sự vội vàng ấy Khi ra, để lại một số tiền cho bồi khá lớn, cô chiêu đãi bỏ túi mà không nhìn đến.

Lần thứ nhất sau bao nhiêu năm, ông nháy mắt lẩm bẩm :

— Con đừng về sớm quá, để ba kịp sửa soạn đã.

Ông tha thẩn trong khu thương mại với bước đi khoan khoái của những ngày còn ở Saint Pétersbourg khi sắp đến lễ sinh nhật.

Ta sẽ mua gì để cho con bé ? Nhưng này nó đã lớn rồi, có lẽ nó thích chọn lấy : tuy nhiên ông không chịu thừa nhận rằng con lớn rồi. Viên cựu thẩm phán dừng lại trước một cái tủ kính trưng bầy những đồ vật, cái nào ít nhất cũng gấp đôi số tiền trợ cấp hàng tháng của mình. Tấm kính chỉ phản chiếu một ông già khô héo cố mỉm

cười, ăn mặc thì kỳ quái làm con nít chỉ chỏ thì thầm với nhau.

Khi ông V. đã mua quần áo và trang hoàng nhà cửa cho con trong trí tưởng tượng ông để ra một giờ nghỉ ngơi tại công viên. Chỉ có ở nơi này ông cảm thấy mình ở nhà mình. Tuổi ông không xấp xỉ tuổi cây trong vườn sao ? Đàn chim ríu rít kia có cần quốc tịch nào không ? Công viên này mới thật là nơi chứa chấp những công dân Quốc-tế.

★

Chuông nhà thờ đổ bốn tiếng. « bốn giờ ! tiệc trà ở nhà bà Mê-Lan ».

Đi giữa đường ông gặp một chiếc cam nhông đưa than. Ông đi chậm lại, qua đường, rồi lại trở lại cho đến khi xe đi khỏi. Mau tay, ông lượm những cục than rơi gói vào trong cái nhật trình. Ông không hề ngượng tí nào : « của thừa chẳng để cho phần tử cặn bã thì cho ai ? ».

Cuối thành Muy-Ních, trên một thảm cỏ áy vàng, ông dừng chân trước một căn nhà bị bom tàn phá. Ông leo lên một cầu thang rung rinh, chỗ bằng đá, chỗ đóng ván gỗ. chỗ thiếu hẳn một vài bực. Trong nhà còn nhiều chỗ trống trông thấy trời.

« Tư thất » của bà Mê-Lan kẹt sâu mò giữa đám đá gạch ngổn ngang. Bà thuê chỗ này 30 bảng mỗi tháng.

Ông V. nghiêng mình trước bà nội, hôn tay bà mẹ và hôn trán đứa con gái. Cô này năm nay cũng đã 25 tuổi.

Mọi người trịnh trọng uống trà, nước pha lại lần thứ ba, chỉ còn phảng phất một hương vị nhạt nhẽo như mùi rêu biển, cho đường vào có lẽ uống được, nhưng ông V. tế nhị từ chối dùng đường.

— Tôi mang lại kính biếu bà thứ này. . .

Người mẹ đưa gói giấy nhật trình cho bà cụ, mở ra : « Chà, lại có than đá ! »

Câu chuyện quay về những kỷ niệm cũ xa xưa. Lúc về người con gái đưa ông xuống thang nói riêng với ông :

– Lát nữa cháu sẽ đi, cháu không chịu nổi nữa . . .

— Không được, cháu nên nghĩ đến má cháu, đến bà cháu.

— Cháu sẽ đi, cháu sẽ lấy một người Đức, nếu không kiếm được việc làm, không lấy được chồng, thà rằng cháu chịu những khổ cực khác. Cháu phải đi, bác làm ơn nói cho má cháu biết.

— Sáng nay Bác đã đến thăm ông Ích-Bình.

— Ai ? ông Ích-Bình ?

— Vị Giám Đốc ban cứu trợ, rồi sẽ có sự thay đổi, cháu phải nhẫn nại, ông đã hứa . . .

Nàng giàn giụa nước mắt vì sung sướng, nhưng rồi chợt tỉnh lại :

— Vâng cháu đợi, 10 ngày nữa, đúng 10 ngày thôi !

Nàng chạy lên. Ông V. nghe thấy tiếng cầu thang kêu cót két, nhiều viên gạch trên cao rơi xuống lăn đến tận chân ông.

Về gần đến trại, chân ông rụng rời, nhắc nhở cho ông biết tuổi ông đã già. Nhưng khi cầm đến thìa khóa trong tay ông lưỡng lự không muốn vào. Ông V. trở lại Muy-Ních. Mười một giờ, mười hai giờ, rồi một giờ sáng...

Một chiếc xe Hoa-Kỳ rộng thênh thang dừng lại, ba người thanh niên bước xuống.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI số 5

(10 - 9 - 1960)

❋

Sáng tác :

VÂN-TRANG — PHAN-VĂN-TẠO — XUÂN-TÙNG — MINH-HỮU — NGUYỄN - CHÂU —

Câu chuyện văn-nghệ, giáo-dục, khoa học, nghệ thuật, phụ-nữ, điện ảnh :

— Thông cảm. *(Mai)*

— Tôi dạy con tôi thế nào? *(Thiên Giang)*

— Tin khoa-học. *(Nguyễn-Trần-Huân)*

— Phụ-Nữ đi làm. *(Thu-Trang)*

— Tự nguyện thụ thai và sức khoẻ tinh thần. *(Cô-Liêu)*

— Đợt sóng mới trong bộ môn điện-ảnh *(H. A. Tuấn)*

Phỏng vấn:

— Có nên giáo-dục sinh-lý cho thanh-niên. *(Nguiễn-Ngu-Í)*

Phê bình :

4 truyện ngắn (cuối 59 đầu 60). *(Nguyễn-Văn-Xuân)*

và các mục :

Điểm người, điểm việc, Tin Văn, Nụ cười lượm lặt... Thơ

❋

TẠP CHÍ **MAI** **phát hành ngày 10 và 25 mỗi tháng.**

Cửa đóng sập như trong một chuyện phim găng tơ. Một người đi vài bước lại gần ông chào :

— Good Night !

Và cho ông một đồng bạc. Ông V. sửng sốt : « Họ cho mình là một tên ăn mày chắc ! » Đồng tiền của người lạ mặt này đặt vào tay ông nặng chĩu như một khối đá. « Nếu A-Lịch mà biết... » Ông V. chỉ hết xấu hổ khi đến nhà ga ông gặp một người hát dạo đang kéo vĩ cầm. Ông ném cho đồng bạc ấy, người hát dạo kéo hầu ông một khúc nhạc Nga.

Bỗng dưng một tiếng « ầm » lớn ở xa vang dội trong đêm trường. Nhạc sĩ ngưng lại, hai người nhìn nhau, so vai. Tiếng kêu ấy từ phía nhà bà Mê-Lan. Phải, căn nhà đổ nát chịu đựng đã 10 năm nay xập xuống. Đội cứu hỏa, cảnh binh, cả thành phố Muy-Ních náo động đi bới đống gạch vụn tìm xác ba người đàn bà mà lúc họ còn sống chẳng ai biết đến. Còi báo động, xe cấp cứu vụt qua, dé lại, đèn chiếu sáng rực, hy sinh, can đảm... để kéo ra ba xác chết nát bấy, đem chôn vào hố chung, và ngày mai có thêm 3 tên bị bôi trong sổ sinh tử công dân Quốc Tế. Nàng con gái muộn màng không cần bố mẹ và bà lại nữa, nàng sẽ vĩnh viễn giữ lời hứa với ông V., ông già hai mắt ướt đầm đìa đang ở một đầu tỉnh nghe đờn bản « Điệu múa hoa ».

*
* *

Đúng 10 ngày sau, một buổi sáng thứ bẩy, một người đi mô-tô ồ ạt vào trại, bánh xe trượt trên bùn lầy. Người ấy bước xuống, một cái tượng bằng da sậm mầu, cổ áo kéo lên cao che khít mặt, chỉ ló ra cặp

kính lớn dưới cái mũ trắng. Bàn tay đeo găng nặng nề trao cho ông V. một bức thư, bắt ký vào sổ. Ông V. còn bàng hoàng thì cái mô-tô đã đi xa, tiếng kêu lịm dần.

Ông tiến lại trước ảnh Đức Bà làm dấu 3 lần rồi mới mở phong thư chi chít những dấu nhãn, biểu hiệu, ra đọc :

« Xin mời ông nội trong 24 giờ đến Mã-Niêm nhận con gái A-Lịch ».

Ông V. đọc lại lần nữa, nước mắt tràn ra. Ông không biết mình đã quỳ xuống từ lúc nào, ông lê trước ảnh Đức Bà, dâng bức thư lên với giáng điệu một đứa trẻ và không biết nói gì hơn : « cám ơn Chúa ! ».

Ông sửng sốt nhớ ra phải sửa soạn để đón A-Lịch. Đã sáu năm nghĩ đến từng chi tiết nhỏ mà bây giờ quên hết... « Trước tiên, phải có một cái giường nữa ».

Ông phải đi đến khu chợ đen của những trại tập trung để mua giường (ở trên đời này, xuống đến chỗ nghèo khổ thế nào cũng thấy có kẻ bóc lột và người bị bóc lột). Nhưng đến đâu người ta cũng đòi nhiều tiền, ông hiểu rằng không thể làm gì hơn là phải đổi đồ mà lấy. Ông trở về điều đình với một người Do-Thái đổi cái dây đồng hồ và cái yên ngựa lấy một chiếc giường sắt han dỉ, san chăn mền ra làm hai.

Có người làm sở hỏa xa chỉ cho ông biết Mã-Niêm cách Muy-Ních có 20 phút xe hoả. Một người khác trở ông bằng xe-đạp đến ga. Mỗi người giúp một chút, ông có dư tiền để lấy vé. Cũng may mà ga này cũng như hết thảy mọi ga trên thế giới, tầu hay trễ. Ông lên tầu thì tầu vừa chuyển bánh. Ông thiếp ngủ vì mệt nhọc.

Mã-Niêm. Đường rầy đổ đến như một búi tóc đàn bà. Sau 20 phút lắc và sàng người hành khách khốn nạn nầy, tầu hoả ném ông ta xuống một khu ngoại-ô dơ-dáy khi quay lại ông thấy xa-xa một khối bê tông vĩ đại có trổ những lỗ làm họng súng. Người ta chỉ cho ông đúng căn nhà đó.

— Nhưng mà đây là cái lô-cốt thời chiến tranh. Có người ở đấy sao ?

— Ba trăm di cư.

Ông V. đã tưởng rằng người ta trổ cửa ở phía bên kia, nhưng khi đến nơi cũng vẫn chỉ có họng súng như mặt trước. Dây bìm đã leo lên lô-cốt, đến gần, ông có cảm tưởng đến một cái cầu tiêu. Mấy đứa trẻ chơi trận giả, quần áo rách mướp phơi trên giây kẽm căng lung tung. Đến trước một chỗ đục bê-tông ra làm cửa, ông lộn mửa vì một mùi tanh như hơi người bệnh vài người đàn bà già ngồi trước cầu thang, thấy ông đến vẫn thản nhiên như không. Ông mỉm cười đưa bức thư của Ủy Ban cứu trợ. Một người đứng dậy :

— Để tôi đưa đi, nếu không ..

Nếu không sẽ lạc giữa những góc nhà tối tăm ẩm ướt, cầu thang siêu vẹo, căn buồng hôi thối. Họ đi qua những buồng kê giường hai ba tầng, tầng trên gần sát trần, họ đi quanh những đống rương, thùng, va-li. Mùi nước rửa chén bát, mùi cầu tiêu, mùi rác rưởi. Ông V. kéo mũ ra, mồ hôi nhỏ nhọt. Người đàn bà kéo tay ông :

— Đây rồi !

Ông V. tiến lên một bước rồi dừng lại : bốn người đàn bà ngồi trên ghế canh một cái xác chết dưới ánh sáng lay lứt của một đèn cầy độc nhất. Một bà già đứng dậy mở nắp hòm dựng lên tường. Ông V.

nhận thấy một người đàn bà tóc hoa râm, nằm trên một đống giẻ dơ bẩn, khuôn mặt đã bị thần chết làm méo mó đi coi ghê rợn. Mấy bà già tránh ra xa, hai mắt nhìn ông hau háu. Nhưng ông không hề cử động, sự việc như xảy ra ở một thế giới khác.

— Ông nhận đúng không ?

Ông V. không trả lời, họ nhắc lại :

— A-Lịch.

— Để yên cho tôi.

— Tên, tuổi, đúng.

Ông nhắc lại lần nữa « để yên », nhưng chính ông tự nói với ông, với lý trí, với thâm tâm, với những tiếng nói ông cố nén đi để hy vọng mà sống.

Tuy nhiên mắt ông không rời vành tai phải, đằng sau phải có một chấm son nếu là con gái ông, chỉ cần một cử chỉ nhỏ, và tay ông đã đưa ra... Nhưng bỗng dưng ông co tay lại, quay người đi chạy chốn. Tử thi nằm trơ trơ. Một hồ sơ nữa xếp xó.

Trong một khắc đồng hồ ông V. chạy khắp ngõ ngách cái hầm hôi hám nầy, tìm lối đi xuống. Sau cùng cái địa ngục âm u ấy hất ông ra giữa trời đêm. Ông V. đi qua chỗ trẻ con chơi, chạy đến bất kỳ chuyến xe nào để đi bất cứ đâu, mong cho sự nhọc mệt thân thể làm ông khỏi suy nghĩ.

CÔ-LIÊU

Ở Việt-Nam đã có tờ báo nào đáng gọi là **Nhật Báo Đúng Đắn ?**

ó là câu hỏi của một số lớn các bạn đọc khó tính.

Nhưng nếu quý bạn ấy chịu khó tìm đọc tất cả các báo hàng ngày so sánh thì sẽ thấy :

NGOÀI NHỮNG TIN TỨC MỚI LẠ,
NHANH CHÓNG, XÁC THỰC VÀ VÔ TƯ

NHẬT BÁO NGÔN-LUẬN

Còn có những bài thơ êm dịu, những thiên tiểu thuyết hấp dẫn, những chuyện ngắn chọn lọc, những bài sưu tầm công phu. . .

Do một nhóm nhà văn nhà báo Yêu Nghề Góp Sức Xây Dựng Nhật Báo NGÔN-LUẬN.

HÀNG NGÀY CỐ GẮNG LÀM VỪA LÒNG QUÝ BẠN

Đà thu

gửi T. T.

Tựa bóng thùy dương dừng lữ thứ
Làm sao gọi được cố nhân về
Nắng mưa bạc thếch rồi vai áo
Đã mấy lần thu đến lại đi ?

Lều ngả Đà Giang oằn mái xác
Mà dâng hoài niệm réo đau thương...
Nghiêng nghiêng mắt rụng vàng hoa cúc
Nửa giấc thư sinh, nửa đoạn trường !

Thao thức rừng lau thu bạc mái,
Rằng đi, rằng ở gió phiêu phiêu
Thành trơ cồ độ buồn tê tái
Tiếng hát Hời, ôi ! tím ngắt chiều...

Lại gói khăn mà chôn kỷ-niệm
Tình duyên ? — Đành bọt nước phù sa,
Công danh ? Ba chục mùa xuân chính
Vời đỉnh Hành-Sơn dáng áo đà...

Phương-Long **PHẠM-LÊ-PHAN**

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

CỐ-HƯƠNG

NGÀY ấy, tại cái làng P.K. vốn rất yên tĩnh, xảy ra một việc lạ. Về buổi sáng, người ta thấy đám tráng-đinh theo lệnh lính phủ sửa sang, dọn dẹp một khu vườn cỏ rậm cạnh một ngôi hàn tranh ở cuối làng. Một bọn khác đào một khoảng đất theo hình huyệt mã, trong ngôi nhà nói trên, vài bô lão đang lau quét một cỗ quan tài rồi đổ cát vào như sắp liệm ai. Nhưng tuyệt nhiên khắp vùng đó chẳng có ai đau, ai chết.

Người ta nhốn nháo hỏi nhau và cuối cùng một tin đồn từ miệng nọ sang miệng kia lan đi mau chóng :

— Chiều nay, ông Tú Bích sẽ về thọ giáo hình ở làng.

Mọi buổi sáng thì ở làng này từ trên xuống dưới không bao giờ ngớt tiếng phèng la, tiếng chiêng. Vì đó là làng đúc, chuyên đúc những nhạc khí để bán cho dân thượng. Từ lúc tin trên đưa ra thì tiếng

đồng im bặt. Trong các lò, ngọn lửa rực rỡ thổi lên để đốt chảy chất đồng cũng dần dần tắt đi. Các khuôn đất trộn trấu được sắp đặt từ hôm trước, cũng bị dẹp sang một bên. Cả các bà cụ, các cô gái cũng bàn tán với nhau về việc xử tử lạ đời chưa từng thấy này. Vì theo lệ thường, ở đây mỗi lần có chém ai, người ta quen dẫn ra trường chém. Ở đó từ thời Nguyễn-Hoàng lập tỉnh, đắp thổ thành, đã xử tử biết bao người qua bao đời. Mà bãi chém đâu có xa xôi gì ! Chỉ cách làng *không tàn một điếu thuốc thôi.*

Bà trùm Hữu vốn có theo đòi nghiên bút, lấy sự ấy làm thương xót mà cũng làm ngạc nhiên, chờ khi ông trùm vừa về ăn cơm đã hỏi ngay.

— Nè mình, lệ của chính phủ hễ chém người là phải đưa ra trường chém, sao lại có sự ngược đời vậy ?

Ông trùm Hữu lặng yên một lát, nhìn vào điếu thuốc cẩm lệ đã cháy gần hết mà cái tàn trắng vẫn chưa rụng xuống; lâu lâu ông mới đáp :

— Cũng chẳng phải ngược đời đâu. Thường thường để răn he dân chúng, người ta vẫn đưa các tử tội về thọ giảo hình ở địa phương...

— Thì địa phương đã có bãi chém đó.

— Nhưng tôi nghe như ông Tú xin với quan Phủ Nguyễn cho về chết ở làng. Hình như ý ông muốn thấy lại quê hương lần cuối cùng...

Cả hai vợ chồng già bất giác không ai bảo ai, cùng thở dài cúi đầu. Lát sau, bà mới nhìn lên, hỏi khẽ :

Ông Phủ Nguyễn là bạn của ông Tú, sao lại không tìm cách cứu vớt cho bạn mình ? Tôi nghe nói ông Phủ thân với cụ Cần lắm. Họ là một bè với nhau, giúp việc cho Tân Trào đắc lực lắm mà ! Ông Phủ nói gì mà cụ Cần chẳng nghe ?

— Nhưng ông Tú Bích lại không chịu.

— Không chịu sống, a mình ?

— Chớ sao ! Hễ muốn sống thì ông phải giúp cho Tân Trào phá tan cái thế lực cuối cùng của quân Cần Vương. Bà nghĩ ông Tú nên sống hay nên chết ?

Bà Trùm không đáp lời chồng. Bà cũng không hiểu nếu chồng gặp hoàn-cảnh ấy thì phải xử trí thế nào. Ông trùm lặng lẽ gạt cái tàn thuốc trắng, cứ dài mãi ra, rớt vào chén nước đánh « xèo »

Dư-luận dân làng hết sức phân-vân. Song các bô-lão thì cho sự về thọ giảo hình của ông Tú Bích là điều hay. Vốn ông là tay có tài học lỗi lạc, ông lại cũng là người mà tất cả dân làng đều xem như bậc cha mẹ. Ông ăn tiên chỉ và một lời ông phán ra có giá-trị của một chân-lý không cần bàn cãi. Con người đó có cái tình như máu mủ với dân làng cho nên « Lá rụng về cội » cũng là điềm tốt. Dân làng lại sẽ được thấy người cha già cả của mình đi qua để chiêm ngưỡng và để đắp điếm di hài.

Buổi chiều, những người hiếu kỳ tụ nhau ở gần đường cái quan, ngong ngóng đợi chờ. Trước mặt họ, bên kia một xóm xa, những mái nhà khu vườn bị đốt phá, bày ra một cảnh trơ trụi hoang tàn vì tháng trước, có một tên lính Tây dẫn tốp lính tập vào tầm nã nghĩa quân, bị dân quân phục-kích, có người dùng câu liêm kéo đứt đầu tên « bạch quỉ ». Rồi kẻ ấy mang cái đầu qua sông dâng cho bộ hạ ông Hường

mà chiếu lệ được thưởng chức suất độn cùng mấy chục quan tiền· nhưng lập tức, lính tây vào báo thù, bắn, đốt rụi cả một vùng...

Có tiếng huyên náo từ xưa đưa tới. Một người hồi hộp nhìn theo hai kỵ sĩ mặc áo dấu đỏ, đội nón gõ đi trước dẹp đường. Tiếp theo là một đội lính bồng súng xách mã tấu đi hai bên đàng. Ở giữa, dưới chiếc gông tạ bằng lim đã lên nước, một kẻ tử tù thong thả bước; phía sau, một người lính cẩn thận nâng cao sợi dây buộc vào tay tội nhân. Để kết thúc cho cái đám « rước » ngộ nghĩnh đó, mấy viên chức cỡi ngựa đi nghênh ngang dẫn theo một đám quần chúng không bao giờ bỏ sót những chuyện lạ.

Dân làng chỉ nhau, thì thầm:

— « Ngài » đã về kia.

Vì đã có lệnh của viên tri phủ sở tại khét tiếng quyền thế nên khi tội nhân đến đầu làng thì người ta tháo gông xiềng ra. Các bô Lão vái ông rồi dâng một chiếc áo rộng xanh. Ông Tú cảm động cầm lấy, mặc vào mình đi trước, Các bô Lão theo sau, cùng tiến về đình làng. Ở đó đèn đã thắp sẵn khói hương ngào ngạt. Ông Tú ung dung tiến vào chiếu giữa như thuở nào ông vinh qui về làng. Ông lẩm nhẩm khấn vái. Trong cái không khí trang nghiêm của lễ nghi pha thêm cái u ám của tử khí, người xem kính cẩn một cách rờn rợn. Người ta nhìn cái đầu con người « trí dũng có thừa » đó đang nhẹ nhàng, cử động, tự hỏi có lẽ nào giây lát nó sẽ đứt đi...

Ông Tú khấn vái xong lại đi ra, kéo theo hàng bô lão sang chùa. Vị tăng già gõ một hồi chuông mõ, đọc một bài kinh siêu độ rồi quay lại vái ông Tú, ông Tú lậy xong, lại cũng lính tráng quay ra.

Trên đường đi sâu vào làng, ông Tú cảm động bước trên từng kỷ niệm : nơi đây, cậu bé Bính tung tăng đi học, nơi đây, chàng trai trẻ dắt mẹ ra chùa, nơi đây, ông gặp bà vợ lớn của ông và nơi đây, người vợ lẽ mà ông cưới để có con nối dõi tông đường đã ứa nước mắt dắt mẹ ông trốn về Thanh Luông, quê nàng; và chính vì tạt vào đó thăm mẹ mà ông bị bắt...

Người trong các gia đình xúm nhau đặt bàn, thắp hương đèn chờ sẵn. Và tất cả già trẻ cùng qui xuống lạy ông khi ông đi qua, bất chấp luật pháp nào khiến bọn người sai áp cũng đâm ra chẳng biết rằng đang hộ tống vị thần nào. Không ai cầm được nước mắt khi thấy ông vẫn phương phi, vẫn trầm tĩnh đi dần từng bước vào cõi chết.

Nhưng kìa, cổng nhà ông đã hiện ra sừng sững và hãi hùng. Ông lặng lẽ đi vào. Hương đèn đã lên sẵn chờ.

Người ta mừng mà thấy mẫu thân ông không có ở đây. Ít ra, trời cũng đã rộng lượng tránh cho tấm lòng mẹ già nua một nỗi đau đớn nhất trên cõi đời này. Ông quay về hướng mẹ nơi xa xa, lạy vọng hai lạy, lẩm nhẩm những gì rất lâu. Trên gương mặt kẻ hiếu tử từ từ chảy đôi giòng lệ. Hai giòng lệ nó làm cho tất cả các bạn bè và kẻ áp giải ông cũng rưng rưng. Hai giọt lệ nó làm vang lên những tiếng nấc nở của các bà hàng xóm, khóc cắn chặt vạt áo trong răng.

Ở ngoài tiếng trống con nổi lên : bum bum ! Hiệu lệnh tri phủ sở tại đến. Từ xa

hiện ra mấy người lính mặc áo dấu xanh, kẹp nẹp trắng chạy trước, vừa chạy vừa đánh trống nhịp nhàng. Viên tri phủ mặc lễ phục, đi ngựa giữa hai người lính che lọng xanh cùng một bọn mang hèo, trượng, cờ xí tiến vào.

Ông Tú Bính bước xuống phản đi lại chỗ đặt quan tài. Hai cây bạch lạp đang nhỏ lệ trắng trên cỗ áo quan.

Ông sờ qua một lượt mặt gỗ lạnh lẽo nó sẽ che chở cho ông, sẽ giữ yên sự bí mật của ông và sắp cùng ông vĩnh biệt cõi đời; cõi đời lấp lánh muôn màu linh hoạt biến diễn. Ôi! ai làm sao đi vào được tấm lòng của kẻ sống sờ sờ mà biết rằng mình sắp đứt đầu!

Ông quay lại chắp tai chào các bô lão:

— Tôi vì việc nước mà xả thân thì chẳng có gì đáng ân hận. Tôi chỉ đau đớn là không thể làm hơn được. Tôi cám ơn các cụ đã lo cho chút thân tàn nầy khỏi đến nỗi bơ vơ. Bây giờ, tôi xin vĩnh quyết các cụ. Xin các cụ ở lại thay tôi mà chăn dắt con em để cho làng ta được mãi cái thuần lương. Tôi gởi lời cầu chúc cả dân làng.

Các bô lão nước mắt ròng ròng tống tiễn ông một chén rượu rồi cùng phục xuống lạy. Ông lạy lại mọi người và đi ra. Một số bô lão theo ông. Ra pháp trường ông nói:

— Không cần phải trói. Xin cho tôi được ngồi đây mà chết.

Những bô lão còn ở lại trong nhà tựa vào chiếc áo quan lạnh lẽo mà chờ.

Từng giây phút trôi qua. Trăm nghìn thứ tiếng xôn xao rất lạ tai từ cái pháp trường tạm đưa về.

Thốt nhiên mọi vang động gần xa im bặt. Một hồi loa dõng dạc,

— Tùng.

— Bi li

Các bô lão cùng nép sát vào nhau. Một cảm giác đau đớn rùng rợn chuyền từ thân thể người này sang người khác.

Hồi trống chiêng vừa dứt, một bô lão có bộ râu dài bạc trắng run rẩy đứng lên, nói qua nước mắt:

— Cụ Tú về rồi. Ta lo liệu khâm liệm cho cụ đi thôi.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC
NHẬT BÁO
TỰ-DO

Chúng tôi đã nhận được :

— Tô phở tiếu, Đêm khuya ; Nắng lên (Hoàng-Mai) — Tàn Phai ; Xóm nhỏ chiều mưa (Thanh-Lộc) — Một bài thơ dịch (Nguyễn-văn-Thu) — Bước đường đêm ; Đợi chờ ; Nghĩa thương đau ; Biết đến bao giờ ; Tâm tình vũ - nữ ; Ngõ hẹp (Hoài-Anh) — Đàn chim nâu ; Sao bằng (Nguyễn-văn-Hùng) — Không thể... ; Ý trăng ; Duyên sầu thu cũ ; Tình cô lái đò (Bích - Xuyên) — Chiều tiễn biệt ; Đôi mái đầu xanh ; Thu ; Qui thành còn mưa không em ; (Đoàn-Tiên) — Mỗi độ thu về (Đoàn-Mật) — Hững hờ, Lại giải cho anh... ; Cam ly ; Đêm nâu ; Những bà tiên của nước Pháp ; (Dạ-Nguyệt) — Xa cách (Trịnh-Quang-Phú) — Giấc thiên thai ; Nhắn thu (Trúc-Sinh) — Cánh buồm ; Vườn thu nguyệt mờ (Băng-Hồ) — Sinh nhật năm 63 tuổi ; Ngâu ; Thương nhớ (Ngà-Ngà) — Vui với nhịp cầu ; Khắt khao (Tiến-Tùng) — Áo tím (Xuân - Thủy — Lam chiều ; Hạnh ngộ ; Ưu tư (Hoài-Dương M. TH) — Sóng tiền giang (Nhị-Lang) — Mong ước ; Ánh mắt hoàng hôn (Thanh-Lam) — Ba chú khỉ (Trường-Tiến) — Tình xanh ; Nỗi buồn năm tháng ; Tàn phai (Võ-Thùy-Lam) — Gọi đàn, Đơn tâm (Vi - Long) — Rưng rức ; Thu (Mạc - phong - Giang) — Lầu hoàng hạc ; Đài phụng hoàng ; Trách bóng trong gương (Hải - thiên dật khách) — Thuyền trôi ; Gác chiều (Mạc-Lang-Thương) — Giấc mơ trăng ; Màu tím ; Giọt nến hồng (Trúc-Sinh) — Nhặt lá thu vàng (Kim-Thu) Mẹ già tóc trắng, Chị về, Trở về, Thời gian, Lời ca em, Môi cười (Uyên-Uyên) Của Người (Ngân-Thao) Cô đơn, Nẻo cũ, Tâm Tư, Ngõ tối... (Nguyên - Vũ) Cuộc đời, Đau thương, Gió, Dang dở, Trôi . . . (H.S.T.).

Xin trân trọng cám ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường-hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cảm cho. Đa tạ.

— *Một độc giả ở Vĩnh-Bình hỏi mua báo*:

• Bách khoa từ 71 đến 82 giá là 90$ (không đóng tập) thêm cước 5$ không bảo đảm, và thêm 15$ bảo đảm. Bưu phiếu đề tên Ô. Huỳnh-Văn - Lang chủ - nhiệm tạp - chí Bách - Khoa.

✶

Ô. Hiến, *do ông Lê, bịnh viện Thủ-Khoa - Huân Mỹ - Tho.*— Về bài « *Truyện ngắn và Tân truyện* » của Bình-Nguyên-Lộc, chỗ khác nhau mà ông cho biết, vốn chúng tôi đã nói rõ trong lời nói đầu bài đăng ở Bách-Khoa số 65.

Còn về truyện « *Sống chết mặc bây ?* » của Phạm-Duy-Tốn, đoạn chúng tôi trích ở Bách-Khoa số 75 có khác chút ít trong sách Tân-Quốc văn của ông Lê-Công-Đắc, là

vì ông này đã theo sách Quốc văn trích diễn của Dương-Quảng-Hàm. Đoạn chúng tôi nêu ra vốn sao y bản chánh đăng ở tạp chí Nam-Phong. Quốc văn trích diễm hiện có bán ở các hàng sách.

Ông Kiều-Yiêu nhờ chúng tôi trả lời ông : họ *Thi* của một nhân vật Liêu trai đã đăng ở Bách-Khoa, ông muốn biết chữ Hán viết ra sao, xin xem chữ thứ nhì của tiếng này (nghĩa : đặt ra, làm ra, đem dùng), trong Hán-Việt từ điển của Đào-Duy-Anh, trang 390, dòng 4. Còn Thi-Sách, chồng bà Trưng-Trắc, vốn họ Đặng.

Về ca dao « Chuột kêu... », ông Thuần-Phong có bài trả lời, đăng trong số này. Ba chúng tôi xin cảm ơn lòng sốt sắng của ông Nguiễn-Ngu-Í.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Bản thông tin** » đại sứ quán Nhật-Bản tại Việt-Nam tập IV, số 8 tháng 8 năm 1960.

— « **Thần-Liên thi tập** » và « **Mơ bóng mẹ hiền** » của *Thần-Liên Lê-Văn-Tất* gửi tặng tập I và II. Giá mỗi quyển 10$00.

— « **Đại số học** » lớp Đệ Thất của ông *Nguyễn-Tri-Vị* giáo sư Trung học Võ-Trường-Toản và Trương-Vĩnh-Ký, do nhà *Yên-Sơn* xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang, giá bán 28$00.

— « **Toán Hóa học** » lớp Đệ Tứ của ông *Hà-Văn-Dương*, soạn theo chương trình mới, do nhà *Yên-Sơn* xuất bản và gửi tặng. Sách dày 92 trang, giá bán 30$00.

— « **Bài tập Analyse và Grammaire** » thi Trung học đệ nhất cấp và Tú tài (sinh ngữ II), của ông *Trần-Thừa-Dụ*, do nhà *Yên-Sơn* xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216 trang, giá 50$00.

— « **Khảo luận và Phê bình Học thuyết Khổng-Tử** » của bác sĩ *Nguyễn-Văn-Thọ*, do *Thi hội Cổ học Đà-Nẵng* xuất bản và gửi tặng. Sách dày 133 trang, giá 30$00.

— « **Préparation à l'Orthographe** » (Luyện chính tả Pháp văn), của ông *Phạm-Tất-Đắc*, do nhà *A.B.C.* xuất bản và gửi tặng. Sách dày 215 trang, giá 44$00.

— « **Khoa học** » Cơ quan phổ biến khoa học của hội sinh viên khoa học kỹ thuật Việt-Nam tại Pháp. Số 5 và 6. Tòa soạn đặt tại 88 Avenue d'Italie Paris XIII.

— « **Informations et Documents** » (1959) đóng thành tập từ số 96 đến số 115 do Sở thông tin Hoa-Kỳ gửi tặng.

— « **Chuyện trong lán** » của ông *Nguyễn-Triệu-Nam*, do Tác giả xuất bản

và gửi tặng. Sách dày 154 trang, giá 40$00.

— **« Mười phút với Hàn-Mặc-Tử », « Tôi đã gặp cụ Đồ-Chiểu »** và **« Hai mươi phút với Tản-Đà »** của ông *Thần-Liên Lê-Văn-Tất* gởi tặng. Sách dày 10 trang, giá mỗi quyển 10$00.

— **« Causeries sur le développement des ressourses naturelles au Viet - Nam,** số 5 và 7, và quyển **« Trí tâm tay thân,** xây dựng nước Việt - Nam hùng mạnh » của bộ *Canh - Nông*, do nha *Khuyến-Nông* xuất bản và gởi tặng.

— **« Số học và Đại số học »**, lớp đệ thất của ông *Nguyễn-Biên*, do nhà *Hoa-Niên* xuất bản và do tác giả gởi tặng. Sách dày 71 trang, giá 25$00.

— **« Phương pháp làm Analyse và Perse »** (Anh ngữ) của ông *Quốc-Mỹ*, giáo sư Thông dịch viên Anh ngữ, do *Thư-Lâm* xuất bản và phát hành và gửi tặng. Sách dày 66 trang, giá 26$00.

— **« Giảng văn »** lớp đệ thất (Kim văn, Cổ văn) của ông *Thẩm - Thệ - Hà* (trong ban tu thư sống mới), do nhà *Sống-Mới* xuất bản và do tác giả gởi tặng. Sách dày 244 trang, giá 40$00.

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các tác-giả, nhà xuất bản và ân cần giới thiệu cùng độc-giả B.K.

*

NHẠC MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— Nhạc phẩm **« Hương từ bi »** của *Phúc-Linh* và *Băng-Đình*, do viên xuất bản *Huyền-Trang* ấn hành lần thứ nhất. Giá bán mỗi bản 6$00.

BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— Tuần báo **Công-Đàn** số 1 (ngày 1 đến 7 tháng 9-1960) do ông *Hồ-Bá Cao* chủ nhiệm kiêm chủ bút gửi tặng. **Công-Đàn** ấn hành ngày thứ Năm mỗi tuần. Báo trình bày khổ lớn, 8 trang, giá bán 3$00.

Tòa soạn đặt tại 60-62 Ký - Con Saigon.

Bách-Khoa xin ân cần giới thiệu **Công - Đàu** cùng các bạn đọc và xin chúc bạn đồng nghiệp nhiều may mắn trên đường ngôn luận.

*

Chúng tôi được tin :

— Sau ba tuần lễ tạm nghỉ để chấn chỉnh nội bộ, ngày thứ Bảy 3 tháng 9 năm 1960, **Tân - Dân** lại tiếp tục xuất bản, tăng cường Bộ Biên Tập, thay đổi cả hình thức lẫn nội dung, ra 6 trang lớn, bán 2 đồng, do ông *Việt-Nhân* lãnh trách nhiệm Giám Đốc Trị Sự và ông *Nguyễn-Đắc-Lộc* làm Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút.

Tòa Soạn dời về số 244 - D Đại Lộ Trần-Hưng-Đạo.

Trong dịp nầy Bách-Khoa xin có lời chúc mừng **Tân-Dân** đổi mới, được nhiều may mắn.

✶ Bán nguyệt san **SỐNG**

Xuất bản ngày 1 và 15 mỗi tháng

✶ Tiếng nói chung của những người chống Cộng với sự đóng góp của trên 40 nhà văn tranh đấu

Chủ nhơn : NGÔ-TRỌNG-HIẾU

Chủ bút : LƯU-HÙNG

Thư ký tòa soạn : DUY-SINH

Họa dàn : VỊ-Ý

60 trang giá : 7 $

SẮP CHIẾU TẠI CÁC RẠP LỚN SAIGON :

BABETTE S'EN VA-T-EN GUERRE

(MÁ ĐÀO RA TRẬN)

với Brigitte Bardot — Jacques Charrier

Đạo-diễn : JAQUE

☆

☆ ☆

O CE MORE, WITH FEELING

(YÊU NHAU LẮM, CẮN NHAU ĐAU)

(CHÉRIE, RECOMMENÇONS)

với Yul Brynner — Kay Kendall

Đạo-diễn : STANLEY DONEN

HÃNG PHIM **COLUMBIA**

23, Gia - Long — Saigon

Đ. T. 24.710

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

(3 Tập thơ của Thần-Liên Lê-văn-Tất)

1.— TÔI ĐÃ GẶP CỤ ĐỒ-CHIỂU
2.— MƯỜI LĂM PHÚT VỚI HÀN-MẠC-TỬ
3.— HAI MƯƠI PHÚT VỚI TẢN-ĐÀ

— *Đọc T.Đ.G.C.Đ.C. để biết Cụ Đồ-Chiểu đã an-ủi Thần-Liên Lê-văn-Tất như thế nào ?*

— *Chỉ có người tàn-phế mới thông-cảm trọn-vẹn nỗi lòng của một phế-nhơn.*

— Giá mỗi quyển : 10$

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.221 — Boite postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités.

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél: 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

TỔNG BẢO HIEM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIEM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CUA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUAT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG*

— Đường miếng lọc
— Đường cát trắng ngà
— Đường cát trắng tinh
— Đường cát trắng Hiệp-Hò-

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*

— Rượu đốt 90°
— Rượu thơm 90°
— Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— *Các tiệm tạp-hóa*
— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* (Đ.T. số : 21.360)

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

... - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GAY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

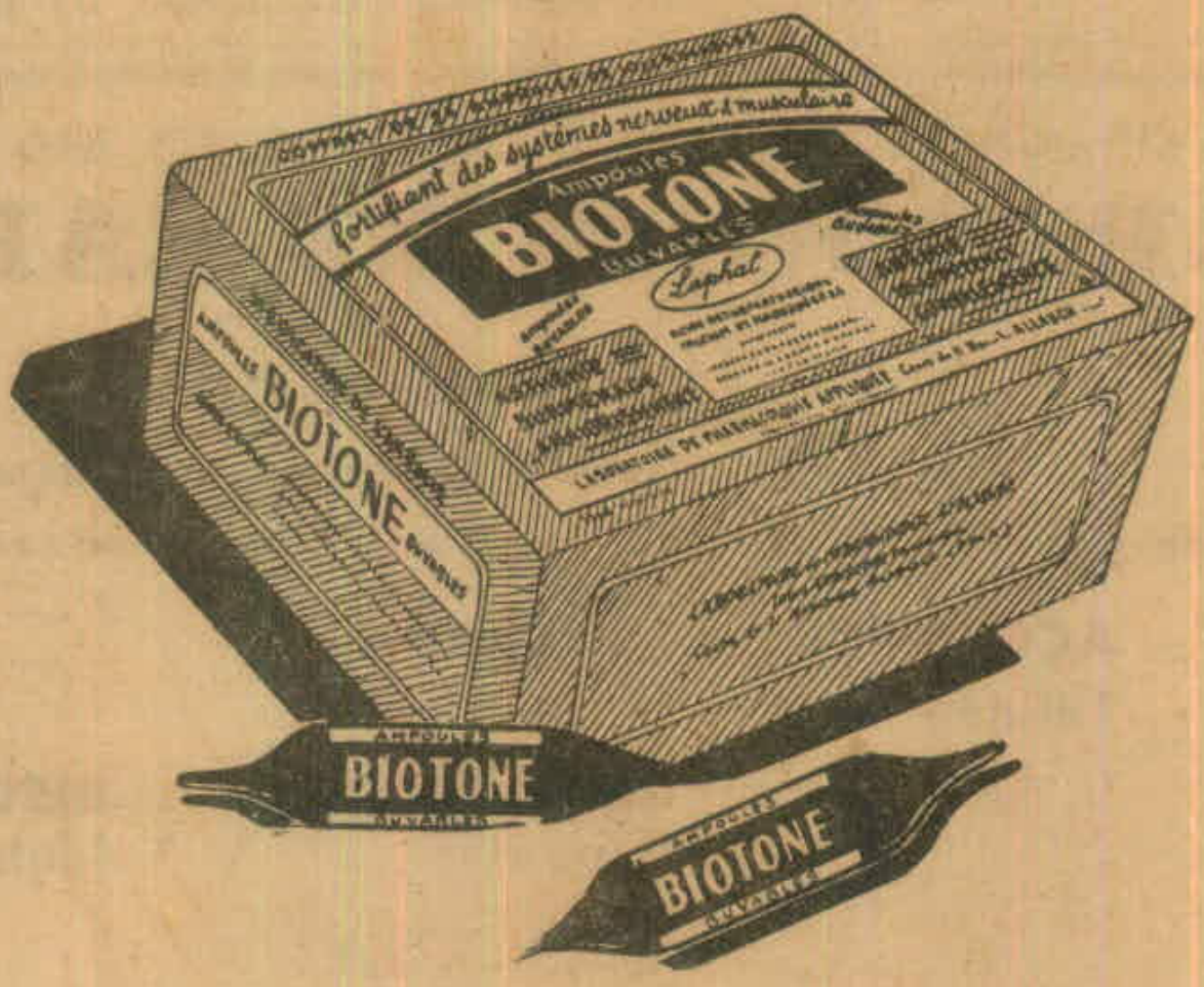

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Hút Thuốc Thơm

Mã nhật tân

Sáng Tinh Chăn

Sản-

-Nghệ-

-Sĩ

GIÁ HẠ
15 $

BACHKHOABACHKHOABACHKHOA

BACHKHOABACHKHOABACHKHOA

Nhà sách PHÚC - [illegible]
58, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigon
Dây nói : 25 539

百科雜誌

in tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$